

HUYỀN MINH

VỮNG TÀU XƯA

Loại sách Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HUỲNH MINH

Vũng tàu Xưa

NỘI DUNG GỒM:

VŨNG TÀU LỊCH SỬ - HÌNH THỂ - NGÀY XƯA

VŨNG TÀU - DI TÍCH LỊCH SỬ - NHÂN VẬT

VŨNG TÀU - ĐỀN, CHÙA, NHÀ THỜ, ĐÌNH CỔ XƯA

VŨNG TÀU THẮNG CẢNH - DU LỊCH - ĐẠO GIÁO

VŨNG TÀU THỊ VỊ - NƠI GÓP MẶT VĂN THỊ SĨ BỐN PHƯƠNG

VŨNG TÀU HUYỀN THOẠI - GIAI THOẠI

VŨNG TÀU SINH HOẠT CỦA CÁC NGÀNH NĂM XƯA

NON NƯỚC VŨNG TÀU

SƯU TẬP TRÊN 60 BỨC ẢNH CÓ GIÁ TRỊ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Tác giả Huỳnh Minh viết nhiều sách sưu khảo xưa và nay về các địa danh : Gia Định, Bến Tre, Vũng Tàu, Tây Ninh v.v... Như ông tâm sự : "Chúng tôi thích làm văn hóa, viết sách, sưu khảo, tìm hiểu non sông gấm vóc, ghi lại các sự kiện lịch sử từng địa phương, làm sống lại công nghiệp của tiền nhân có những trang sử oai hùng làm vẻ vang cho dân tộc" ông làm theo ý tưởng của mình, không nhờ sự tài trợ của một cơ quan văn hóa nào. Chính sự vô tư đó đã cho ông cái nhìn đúng. Dù ghi lại lịch sử các địa phương, ông vẫn tỏ thái độ căm ghét và lên án bọn thực dân Pháp, ca ngợi những người đứng lên chống Pháp. Tác giả hoàn thành cuốn sách vào năm 1973, dưới chế độ Mỹ - Ngụy, song không một dòng nào nói về chế độ Mỹ - Ngụy. Viết về các nhân vật lịch sử, nhưng những kẻ bán nước chế độ Mỹ - Ngụy, vốn được chúng phong tặng nhiều danh hiệu, tác giả Huỳnh Minh vẫn không hề đề cập đến. Ông lên án bọn bán nước cầu vịnh cho thực dân Pháp, qua đó cũng gián tiếp lên án bọn bán nước cho đế quốc Mỹ.

Viết về các nhân vật Vững Tàu Xưa, chúng ta thấy có nhiều nhân vật thời nhà Nguyễn. Như chúng ta đã biết, nhà Nguyễn có công mở đất phương Nam, dĩ nhiên đi liền với nó là các ông quan có công, được nhà Nguyễn cho xây lăng miếu, ghi công. Còn những nhân vật thời Tây Sơn oai hùng đã bị nhà Nguyễn xóa bỏ, không được ghi vào sử sách. Chính vì thế tác giả Huỳnh Minh cũng có ít trang nói về các nhân vật thời Tây Sơn. Về hai triều đại nhà Tây Sơn - Nhà Nguyễn, tác giả Huỳnh Minh đều trân trọng, và khách quan.

Tác giả viết Vững Tàu xưa từ những năm 60 (xuất bản năm 1973) nên rất nhiều số liệu, địa danh so với ngày nay đã khác. Song chúng tôi vẫn giữ lại trong lần tái bản này để độc giả có được tài liệu tham khảo, hiểu ngày hôm qua, chắc hẳn sẽ có ích cho chúng ta ngày hôm nay.

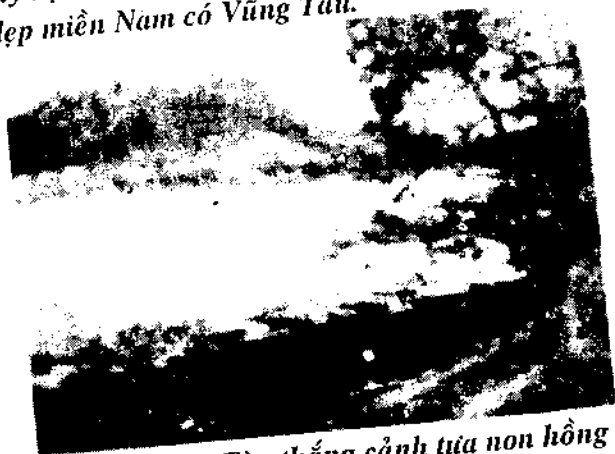
Dù sao cuốn sách cũng không tránh khỏi những sơ sót bất cập, mong bạn đọc lượng thứ.

Nhà Xuất Bản Thanh Niên

HUỲNH MINH

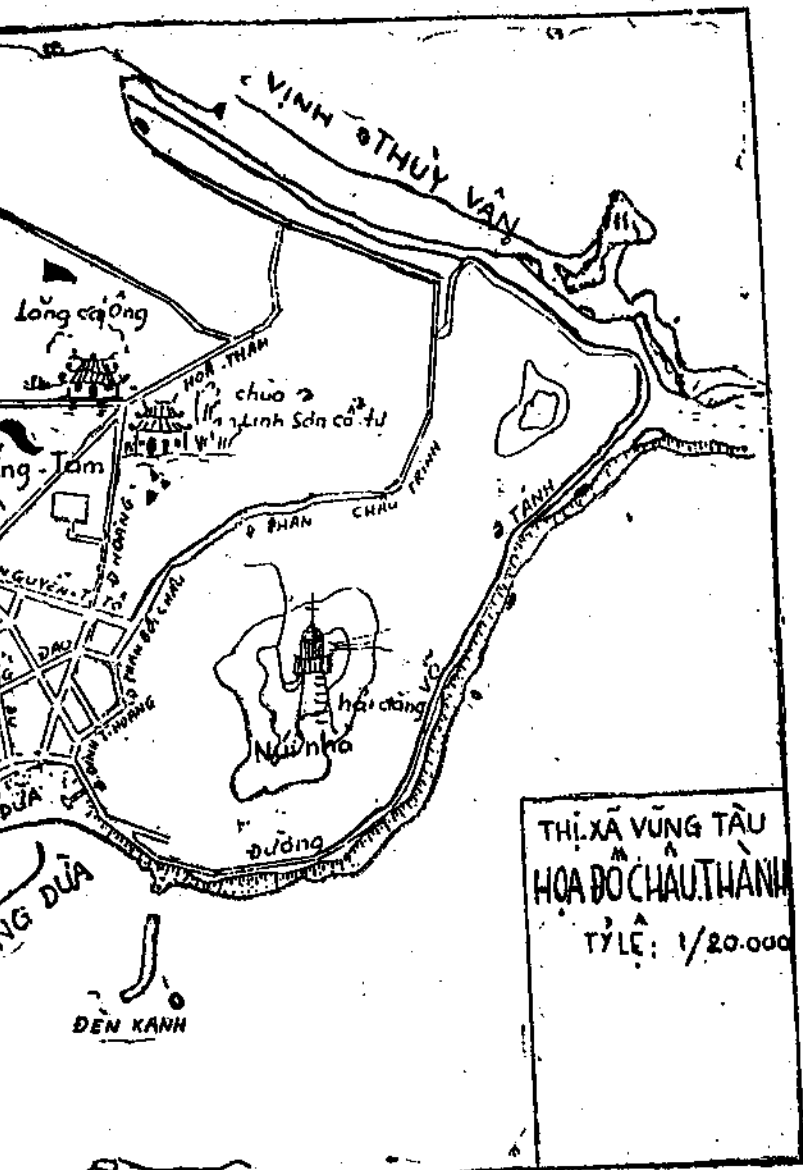
Non nước - Vũng Tàu

Cảnh đẹp miền Nam có Vũng Tàu
Nước non như vẽ đẹp muôn màu
Kỳ dương nồng đượm xông chùa tháp
Dị thảo xinh tươi lợp núi cao,
Nhô cánh thuyền khơi xa diệu vợi
Há mồm bẻ thét giọng rì rào
Trời mây đậm nét xanh pha trắng
Cảnh đẹp miền Nam có Vũng Tàu.



Vũng Tàu thắng cảnh tựa non hồng
Tô điểm bàn tay của hóa công.
Lớn nhỏ hai hòn cao chót ngất,
Trước sau đôi bãi rộng mênh mông.
Hải đăng rọi sáng tàu kim cổ,
Bạch ốc nhìn xem sóng phé hưng.
Hương cảng Việt Nam đâu phải bịa.
Tương lai rực rỡ khắp trời đông.

TÀU 1970



Lời Ngỏ

Tiếp tục công trình soạn Thảo để giúp đồng bào tìm hiểu non sông đất nước trải qua các thời đại và những bước thăng trầm, hôm nay chúng tôi xin giới thiệu với quý bạn thị xã Vũng Tàu xưa, sau khi đã liên tiếp đưa các bạn đến viếng những tỉnh của miền Tây như Định Tường, Bến Tre, Gò Công, Cần Thơ, Vĩnh Long và Bạc Liêu mục đích của chúng tôi là giúp các bạn đậm tình xứ sở, nặng lòng yêu non nước quê hương, đồng thời lưu tâm đến công cuộc xây dựng một nền văn hoá lành mạnh cho thế hệ trẻ đang trưởng thành, sự tâm góp nhặt lần hồi một tủ sách quý giá đầy đủ tài liệu về tất cả mấy mươi tỉnh thành miền Nam nước ta.

Cũng như sáu quyển sách trước của loại nghiên cứu địa dư lịch sử và nhân sinh các tỉnh miền Nam này, "Vũng Tàu xưa" sẽ trình bày trước mắt các bạn một cuốn phim du lịch trong không gian và

thời gian, giúp các bạn hiểu biết thêm nhiều hơn một tính mà người Việt Nam nào cũng ao ước được đặt chân đến viếng một đôi lần, nếu suốt đời chưa có dịp. Du khách ngoại quốc thì khỏi nói, người nào qua đến Việt Nam cũng mang theo ý định phải ra viếng Vũng Tàu.

Đồ Sơn ở miền Nam, Vũng Tàu với núi cao hùng vĩ, bãi biển hiền lành, sóng êm đềm tìm gành đá vuốt ve, gió Nam Hải lảng lờ mơn tả áo, là nơi hò hẹn của bao du khách, Vũng Tàu thơ mộng quyến rũ trai thanh gái lịch. Đã từng là môi giới cho lắm mối tình đầu, chứng kiến biết bao lời thề non hẹn biển, chia vui tuần trăng mật của những cặp tân hôn.

Vũng Tàu nơi nghỉ ngơi sau một năm lao lực, chốn giải khuây cho những gia đình khá giả mỗi cuối tuần.

Nhưng đó không phải là tất cả.

Ngoài lớp vỏ của một vùng vui chơi, nghỉ mát, Vũng Tàu bên trong vẫn có những đặt điểm đáng biết của một mảnh đất nước nhà. Du khách ngoại quốc thì chẳng nói làm gì. Người Việt chúng ta ra vào "Cấp" nhiều lần, mà không biết rõ những đặc điểm địa dư, lịch sử, nhân sinh, những phương diện

VŨNG TÀU XƯA

kinh tế, xã hội, chính trị của thị xã này thì thật là đáng tiếc. Vì vậy mà chúng tôi tạm ngừng cuộc thăm viếng miền Tây, quay lại miền Đông để trình bày tình Vũng Tàu với quý vị.

Chúng tôi mong cuốn sách này sẽ được ủng hộ nồng nhiệt của đồng bào yêu non nước và lưu tâm với văn hóa cũng như sáu cuốn trước. Thái độ của độc giả đối với loại sách này an ủi chúng tôi rất nhiều, mạnh dạn để tiến theo chí hướng quan niệm của mình, là góp công tô điểm quê hương.

Mọi sự sẽ trôi qua ! Rốt cuộc chỉ còn lại nước non, linh hồn dân tộc muôn đời và đền đài văn hóa của nhân dân xây dựng. Với Vũng Tàu xưa, chúng tôi sung sướng góp thêm một viên đá.

HUỖNH MINH

CHƯƠNG I

LỊCH SỬ

Giữa lúc Việt Nam còn phân tranh đất Bắc dưới thời Trịnh – Nguyễn chống đối lẫn nhau, miền Trung Nguyễn Huệ dựng cờ khởi nghĩa.

Năm Ất Tị 1775, tháng hai Vua Duệ Tôn chạy vào Bến Nghé, Nguyễn Huệ một bước không rời, năm Bính Thân 1776 mất Sài Gòn và lấy lại lần thứ nhất. Tháng 2 vua chạy ra Hồ Tràm (Bà Rịa) và vùng Núi Lớn Vũng Tàu, Nguyễn Lữ chiếm Gia Định (Vĩnh Long) tháng 5 vua trở lại Bến Nghé vì tướng Đỗ Thanh Nhân mộ quân Ba Giồng (Định Tường) dưới cờ hiệu Đông Sơn thâu phục được Sài Gòn.

Tháng 11 Nguyễn Phúc Ánh đến Ba Giồng chiêu dụ quân Đông Sơn để chống lại Tây Sơn lúc bấy giờ đất nước rơi vào cảnh chiến tranh tang tóc, bước chân Chúa Nguyễn bốn phương trời non nước, trên dãy đất của miền Nam đều đặt tới, vì thế

mỗi nơi trên lãnh thổ ngày nay còn lại lắm di tích lịch sử của ông trên đường tháo chạy, chúng tôi không dám tự hào sâu tằm đầy đủ, nhưng cũng cố gắng tìm hiểu ghi chép lại những gì đã thu lượm được, qua những cuộc thăng trầm của đất nước, để cống hiến cho bạn hồi tưởng lại những chuyện xa xưa.

Thời ấy ở nước ta chiến tranh chống đối lẫn nhau, thì ở thế giới những dân tộc, thấy xa hiểu rộng khác thừa cơ hội để xâm lấn mở mang bờ cõi, khuyến khích giúp đỡ những nhà hàng hải tài trí và can đảm tổ chức những đoàn buôn, đi tìm những chân trời lạ mở rộng kiến thức và tầm sinh sống cho nhân loại.

Định mệnh hay luật tiến hóa tự nhiên của vật chất ? Do những cuộc mạo hiểm của các nhà hàng hải, một tân thế giới được tìm ra mở rộng chân trời. Tào thêm một châu Mỹ, nhưng đồng thời cũng mở đường phá vỡ những bức tường trong mấy ngàn năm che chở các dân tộc không đòi hỏi gì hơn là được yên sống, những cuộc thám hiểm của các nhà hàng hải mở đầu kỷ nguyên giàu thịnh cho một số dân tộc đồng thời đem đến cảnh nô vong cho những dân tộc chẳng may chậm tiến.

HUỖNH MINH

Trong thời tàu buồm xuyên các biển, các nhà thám hiểm Tây Phương tìm ra vùng đất mới, một số tàu Bồ Đào Nha đã đến Vũng Tàu, một làng đánh cá nhỏ của Việt Nam, hồi ấy còn lơ thơ buồn bã.

Nơi đây người Việt gọi là “Vũng Tàu”, vì tàu ngoại quốc thường ghé đậu tránh gió giông, người Bồ Đào Nha gọi là Cap Saint Jacques vì họ tưởng đã tìm ra một miền đất mới nên lấy tên vị Thánh mà họ tôn kính là Thánh Jacques mà đặt cho mũi này. Về sau trên hoạ đồ của các nhà hàng hải Tây Phương bắt đầu ghi điểm này dưới tên Cap Saint Jacques. Còn người Việt Nam trước kia gọi vùng này là Tam Thắng.



Vũng tàu thơ mộng, hàng dừa soi bóng trước bãi Tầm Dương năm xưa

GIẢ THUYẾT THỨ HAI VỀ NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH CƯ DÂN VŨNG TÀU

Đất miền Nam khi xưa ngoài 06 tỉnh Biên Hòa – Gia Định – Định Tường là 3 tỉnh miền Đông, 03 tỉnh miền tây Vĩnh Long – An Giang và Hà Tiên, phần đất Vũng Tàu nằm giáp với Mô Xoài cách Bà Rịa 22 cây số, cũng thuộc về trấn Biên tức là Biên Hòa theo sử chép Vũng Tàu xưa gồm có 3 làng với tên bắt đầu bằng chữ Thắng : Thắng Nhất – Thắng Nhì và Thắng Ba, do đó người ta mới gọi Vũng Tàu là Tam Thắng.

Về lịch sử của 3 làng này có hai giả thuyết khác nhau giải thích nguyên do thành lập.

- Một truyền thuyết nói :

Vào đời Gia Long (1802 – 1819) sau khi đánh thắng Tây Sơn lấy Quốc Hiệu Việt Nam, đặt kinh đô tại Phú Xuân tức Huế ngày nay.

Để kiến tạo lại một quốc gia hùng mạnh, nhà Nguyễn muốn lập lại kỷ cương, đã dùng biện pháp mạnh để một mặt bài trừ những phần tử bất hảo phiến nhiều kinh thành và các tỉnh, một mặt dùng binh sĩ và nhân công bắt buộc mở mang khai thác những vùng hoang vu hẻo lánh.

Một hôm vua Gia Long đã ra lệnh cho binh sĩ trang bị 3 chiếc thuyền lớn chở những phần tử

HUỖNH MINH

“không ai thích” ở kinh thành, đưa vào sinh sống ở Vũng Tàu.

Vua Gia Long khi phái một số binh sĩ và những phần tử bất hảo đi ghe thuyền Vào Vũng tàu, chắc chắn không đề chừng một thế kỷ sau, dải đất nghèo nàn hẻo lánh chìm giữa rừng cây, giữa hai dãy núi cheo leo hiểm trở chưa có vết chân người đi qua, lại có thể biến đổi thành một thành phố phồn hoa xinh đẹp đứng vào hạng nhất nhì trong các tỉnh thành của đất nước.



Đường cong quanh mặt biển

Cả 3 làng dân Việt Nam ở Vũng Tàu có tên Thắng Tam, Thắng Nhì, Thắng Nhất cũng có tên

chung là “Tam Toàn” để kỷ niệm 3 chiếc thuyền đầu tiên đến cập bến này và dựng nhà lập ấp đều có một nguồn gốc giống nhau : một nguồn gốc mờ ảo trong thời gian, lịch sử và huyền thoại tranh giành giải thích sự sáng lập.

Về nguồn gốc của 3 làng lấy chữ “Thắng” làm đầu, huyền thoại nói rằng ngày xưa Vua Gia Long.

Một hôm nhận thấy ở các thị trấn trong đất nước gom về một mối, nhất là tại kinh đô có quá nhiều du thủ du, thực không nghề nghiệp nhất định, nào là binh lính được giải ngũ trong thời bình, nào là những dân nghèo ở nông thôn bị nạn đói lên tìm kế sinh nhai ở tỉnh thành, tất cả hợp thành một, muốn giải quyết bài toán này một cách ổn thỏa và có lợi, nhà Nguyễn phải đưa người vào khai thác một vùng khổ ho cò gáy, rừng thiên nước độc chẳng ai dám đặt chân. Ngày xưa, ngôi tại Phú Xuân tưởng tượng Ô Cấp là một địa điểm xa tận nơi góc bể chân trời. Một dải đất ven rừng, núi non trở chặn hai đầu. Biển sông ngăn cách với các địa phương khác. Tính kỹ

HUỖNH MINH

roi, vua Gia Long ra lệnh trang bị 3 chiếc thuyền chở hết những người thừa thãi kia vượt biển nguy hiểm vào Vũng Tàu lập nghiệp. Nhà vua không quên tỏ dạ nhân từ và lượng khoan hồng sau cùng với đoàn người mới bị đưa vào đây lưu đày : Những làng xã do số người này lập được tại Vũng Tàu sẽ vĩnh viễn được miễn thuế.

Khác với huyền thoại phần nào làm buồn lòng nhân dân gốc gác ở Vũng Tàu, những tài liệu lịch sử lại nói rằng nhà sáng lập 3 làng Thắng Tam ở Vũng Tàu là những anh hùng diệt quân bất lương giữ yên bình cho nhân dân, đồng bào gốc gác ở Vũng Tàu có thể tự hào là con cháu của những chiến sĩ oai hùng dày công khai quốc.

Những tài liệu lịch sử ghi chép :

... Vào thời ấy có bọn Hải Khấu Mã Lai thường khuấy đục cửa sông Sài Gòn, đón đường cướp bóc tiền , hàng hóa, bắt cóc người trên những thuyền buôn người Việt Nam lưu thông giữa hai miền Bắc, miền Trung và Sài Gòn. Được báo cáo về kinh. Vua Gia Long vốn bảo vệ thương thuyền người Việt

VŨNG TÀU XƯA

Nam, phái 3 đội quân đi trên chiến thuyền, mỗi chiếc là một đội quân do một viên Đội trưởng chỉ huy điều khiển. Chiến lược gia của triều đình rất thạo địa hình địa vật. Phái ba đội quân đóng tại mũi Vũng Tàu là nơi rất thuận lợi để kiểm soát cửa sông Sài Gòn và khi cần rượt theo bọn cướp biển Mã Lai. Khi đến nơi, đổ bộ lên đất liền, họ lập trại an dinh. Các vị chỉ huy đồng ý đặt tên doanh trại nơi này là "Phước Thắng".

Ba đội quân vừa chinh tiểu vừa khai quang lập ấp này quả là những tay tài giỏi tháo vát đã hoàn thành sứ mạng một cách mỹ mãn. Trong vòng mấy năm phần nhiều hải tặc Mã Lai và Tàu Ô bị diệt trừ, số ít còn lại chẳng dám bén mảng đến đánh cướp thương thuyền ở cửa sông Sài Gòn nữa.

Giặc cướp không còn, năm 1822 vua Minh Mạng sắc chiếu ban khen, ban thưởng phẩm hàm cho đám quân nhân này được giải ngũ. Và để thưởng công, nhà vua làm một việc không tốn kém gì cả là cấp đất do họ đã khai phá cho họ được ở tại

HUYỀN MINH

chỗ làm ăn luôn. Ba làng chiến sĩ tiên phong mới lập được nhà vua miễn hết các sắc thuế.

Nguyên ba đội quân chinh tiểu này do ba viên đội trưởng chỉ huy.

Đội thứ nhất do Đội trưởng Phạm Văn Dinh là người có chức quyền uy thế và tuổi tác cao hơn hai, chỉ huy được cả hai người chỉ huy hai đội kia. Là lính triều đình, khi trở về đời sống dân sự họ vẫn còn giữ được nề nếp cũ, lối sống và làm việc rất có qui củ, kỷ luật nên ba làng thành lập, phát triển và thịnh vượng mau lẹ. Làng thứ nhất của đội quân thứ nhất do ông Phạm Văn Dinh chỉ huy có uy thế đối với hai làng kia, được đặt tên là làng "Thắng Nhất". Làng thứ hai do ông Lê Văn Lộc chỉ huy lấy tên là "Thắng Nhì". Làng thứ ba đặt tên dưới quyền điều khiển của ông Ngô Văn Huyền lấy tên là "Thắng Tam".

Làng của những người lính thú lập tự nhiên không khỏi có chút ít mục tiêu quân sự. Làng lập trong vòng thành lũy, xây trên triền núi, ở địa thế dễ phòng thủ khó công hãm, làng thứ hai là một đồn

VŨNG TÀU XƯA

lũy tới hồi người Pháp đến hầy còn, đã chống cự với quân Pháp và bị san bằng, nhường chỗ lại cho họ xây cất biểu hiệu uy quyền của thực dân xâm lược biệt thự Toàn quyền Đông Dương (hồi ấy gọi là chánh soái). Làng thứ ba tọa lạc gần Gành Rái, về sau bị phá hủy khi người ta phá núi để làm con đường vòng núi chạy sang tiểu cảng.

Truyền thuyết sau này có lẽ đúng hơn, vì theo lời mấy kỳ lão làng, Thần Hoàng của Thắng Nhì là ông Đội.

HÌNH THỂ VŨNG TÀU NGÀY XƯA

Vốn là một mồm đất nhô ra biển, Vũng Tàu chỉ có phía Bắc là đất liền với tỉnh Bà Rịa – Phước Tuy, còn ba mặt nước biển bao bọc.

Diện tích bây giờ là : 6.727 cây số vuông, xong ngày trước ắt khác hẳn nhiều vì bị ảnh hưởng sự xoay cuốn của thủy triều đã làm thay đổi hình thể đi nhiều. Hiện tượng này thường xảy ra nhiều nơi trên thế giới, khiến nơi thì cồn dâu hóa biển, nơi ngày trước là biển biến thành đất liền, bằng chứng :

HUỖNH MINH

tại Trung Tâm thị xã Vũng Tàu, khi người ta đào sâu xuống khoảng 20 thước thì gặp toàn là vỏ hào, vỏ ốc lẫn lộn trong cát, hiện tượng này chứng tỏ thời xưa nơi đây là biển. Người xưa nói đến câu tang hải thương điền là thế.

Với những hình gộp đá cheo leo trảm mình dưới nước năm xưa.

Cũng như vào thời thật xa xưa, làng Long Thạnh vẫn dính liền với Long Thạnh của Cần Giờ, nên cả hai nơi này lâu đời cũng mang chung một tên, cái làng bị thiên nhiên phân tách ấy nay đã rời xa nhau xa lắc xa lơ. Và sắc thần của làng Long Thạnh được cất giữ tại chợ Bến, trong khi làng Long Thạnh ở Cần Giờ tuy cũng có đình thần nhưng không có sắc thần của Triều Đình phong tặng.

Các vị kỳ lão còn xác nhận cửa biển Cần Giờ năm 1970 so với ngày trước thật khác xa. Theo lời các cụ thì ngày xưa gà gáy ở Cần Giờ, người ở Vũng Tàu vẫn nghe tiếng ó o vẳng lại. Ngày như ở bãi biển Cần Giờ cứ lâu lâu người ta nhận thấy cát cứ lở

VŨNG TÀU XƯA

bồi theo cùng sóng nước. Ở làng Long Thạnh cũng vậy, chỉ vài năm là thấy bãi biển khác đi.



Đây là quang cảnh hòn Bà

Tóm lại, hình thể Vũng Tàu xưa có bao nhiêu ngàn thước vuông diện tích không ai biết rõ vì ngày xưa vua chúa chưa dùng tới khoa đo đạc, nhưng sự thay hình đổi dạng của lồi đất doi ra biển này thật hiển nhiên.

NGƯỜI PHÁP ĐẾN LẬP HỌA ĐỊA ĐỒ LÝ DO ĐƯỢC ĐẶT TÊN VŨNG TÀU

Theo biến chuyển của thời gian, cùng chia sẻ số phận của một nước dưới tay của vua Gia Long, tiếp nối với Minh Mạng, rồi suy yếu dần tới thời Thiệu Trị – Tự Đức để đến nỗi phải mất dần các tỉnh miền Tây và Miền Đông, Vũng Tàu bắt đầu bị



Nhà hàng Tam Thang ở bãi trước năm 1969.

quân đội nước ngoài xâm lược bước chân lên mỏm đất núi rừng hẻo lánh xa xôi đối với Nam Triều

VŨNG TÀU XƯA

nhưng là ải địa đầu tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Quân đội Pháp đổ bộ lên Vũng Tàu.

Là ải địa đầu, là cửa ngõ vào nội địa miền Nam, nhưng Tam Thắng tức Vũng Tàu của ta xưa không mấy được Triều Đình chăm nom săn sóc. Việc phòng thủ không được chú trọng.

Lực lượng quân sự Việt Nam ở Vũng Tàu hồi ấy vẫn vẹn có một đoàn quân Nam Triều đóng trên triền núi ngay chỗ về sau người Pháp tàn phá để xây cất biệt thự Blanche hay là Bạch Ốc của phủ toàn quyền lúc đó. Đồn của quân triều đình gìn giữ cửa vào Vịnh Dừa, với số quân ít ỏi. Đại bác thô sơ không sao chống lại hỏa lực mạnh và bắn xa hơn của tàu thực dân Pháp mở màn cho cuộc xâm lược ào ạt.

Chiếm được dễ dàng bãi biển và các đồi núi, quân Pháp bắt đầu xây dựng hệ thống điện thoại lập bản đồ, lập nền tảng đầu tiên của sự đô hộ.

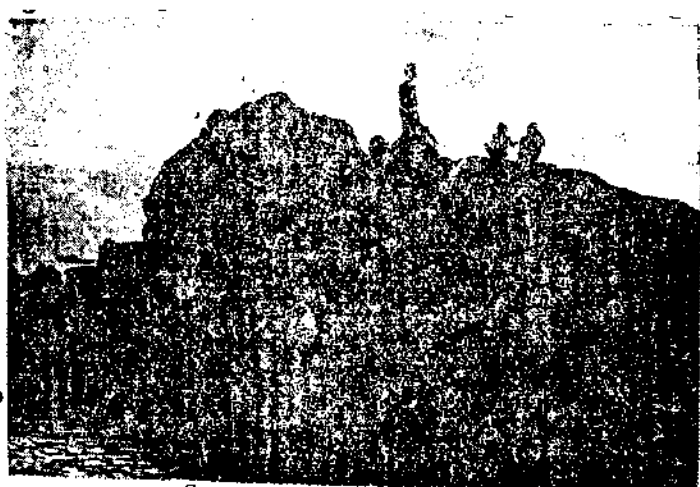
Tên gọi Vũng Tàu được đặt từ khoảng thời gian này vì người Việt thấy ở Vũng Tàu thường

xuyên đầu 3 chiếc tàu lo việc đặt dây cáp dưới biển chuyên trách về điện tín.

VŨNG TÀU TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU BỊ THỰC DÂN PHÁP ĐỒ HỘ

Các hơn non một thế kỷ, Vũng Tàu còn là một làng nhỏ dân chài. Ngay sau thời Pháp thuộc, mỗi năm tới mùa gió nồm, mỗi tuần chỉ có một chiếc tàu liên lạc giữa Vũng Tàu và Sài Gòn, chiếc tàu duy nhất chạy trên sông Sài Gòn qua Nhà Bè rồi sông Lòng Tàu – Rừng Sát cả rịch cả tang mỗi tuần là chiếc Francis – Garnier. Hồi đó người ta khâm phục sự can đảm của những người dám đem thân ra chốn xa xôi hẻo lánh. Cửa nhà thưa thớt, biển cả mênh mông, tại bãi có những cây dừa người ta cất một dãy nhà lá khá rộng làm đường đường cho những người bị bệnh hoạn. Hồi đó đường bộ chưa có, chiếc tàu chở thư từ chạy cả rịch cả tang phải mất 7 tiếng đồng hồ để chạy xuống sông Sài Gòn, khi gặp gió và nước ngược phải mất 10 tiếng. Về mùa có gió Tây Nam, tàu phải cập bến Gành Rái ở

cách Vũng Tàu 6 cây số. Từ đó muốn vào nơi thị trấn bây giờ hành khách dưới tàu hay thuyền phải mượn phương tiện chuyên chở duy nhất là hai chiếc xe bò cọt kết, bánh lăn trên đường lồi lõm lắc lư hành khách hơn một tiếng đồng hồ, nhằm lúc trời mưa đường lầy lội, lắm lúc bánh xe sụp lún xuống những vũng bùn, hành khách phải xuống ị ạch đẩy giúp bò kéo tới.



Hòn Ngưu trước buổi bình minh 1969

Ngay tới lúc người Pháp đến, Vũng Tàu hãv còn là chốn u buồn xa lạ, ít có người đến ở nếu không vì nhu cầu sự sống ràng buộc. Số dân cư chẳng có bao nhiêu. Ngoài dân đánh cá ở đằng xa, những người đầu tiên đến cất nhà ở bãi dừ là những hoa tiêu sinh nhai với nghề dẫn dắt tàu bè đến Cấp chạy vào sông Sài Gòn cho khỏi mắc cạn. Hồi đó nghề hoa tiêu chưa có đoàn thể và luật lệ nào qui định, mạnh ai nấy làm để kiếm tiền. Và vì tiền, họ tranh giành mồi không khác lờ xe đồ. Họ cạnh tranh nhau rất nguy hiểm. Cách làm ăn của họ là đi thuyền nhỏ chèo ra khơi đón tàu bè ở xa đến để hiến công làm hoa tiêu đưa tàu vào bến Sài Gòn. Vì cần giành nhau để giựt mồi trước, có những kẻ ra khơi thật xa để mong gặp tàu lạ. Do đó có khi vì sóng gió lật chìm thuyền, một số hoa tiêu bị mất tích vì giành mồi. Về sau, thấy sự cạnh tranh này nguy hiểm và bất lợi, các hoa tiêu họp nhau lập thành đoàn thể, phân công chia lợi phẩm hẵn hoi. Họ không còn phải tranh giành nhau đâm thuyền ra kiếm mồi giữa ngoài khơi nữa, cứ ở trong vịnh chờ tàu đến kiếm, họ mới phái người đi ghe máy ra tàu để hành nghề.

NHỮNG CƠ SỞ VẬT CHẤT THÀNH LẬP ĐẦU TIÊN

Chính một người trong những hoa tiêu, tên Arduzer đã chủ trương xây cất sở nhà ngày xưa làm bệnh xá và đã trở thành phụ thuộc đại khách sạn Grand Hotel.

Năm 1870, vài năm sau khi nước ta thành thuộc địa của Pháp, miền này được nối với Châu Âu bằng một đường dây điện tín ngầm dưới biển tới Vũng Tàu. Lúc này người ta mới cất hai sở nhà lầu ở phía Nam của vịnh, một sở nhà của chính quyền Pháp, một sở nhà của hãng dây thép Anh Quốc nối rộng tới Đông Phương (EE. Eastern Extension).

Sở nhà thứ nhất chứa đựng văn phòng và chỗ ở của nhân viên hãng dây thép Anh Quốc, cách đó không bao xa, có vài túp lều tranh làm chỗ ở cho toán pháo thủ cỡ trọng pháo bảo vệ đài điện tín. Đồng bào Việt Nam ta lúc ấy chẳng bao nhiêu, tụ tập ở phía trong bờ biển, sau sở nhà của hoa tiêu Arduzer. Một con đường nối xóm dân cư ấy với bờ biển chạy dài theo bờ biển giữa bệnh xá và sở bưu điện. Đó là một phần cơ bản của Vũng Tàu vào năm 1890.

VŨNG TÀU TỪ 1890 TỚI 1900 NHỮNG DINH THỰ ĐẦU TIÊN

Vũng Tàu khởi đầu được kiến thiết từ năm 1890, vào cuối thế kỷ 19.

Nhận thấy Vũng Tàu có thể là nơi cho mọi người dưỡng bệnh và nghỉ mát, một viên tham biện Pháp cai trị tỉnh Bà Rịa lưu tâm xây cất sửa sang theo phương tiện tài chính nghèo nàn của tỉnh Bà Rịa lúc đó. Sở công chính đóng góp một phần sửa sang con đường Bến Đình cho xe cộ chạy được dễ dàng, một hai con đường mới được khai phóng. Và tư nhân có tiền bắt đầu xây dựng nhà cửa trên bãi biển để ra nghỉ mát. Xong đó chỉ là một vài sáng kiến riêng tư, sự tiến bộ nhỏ hẹp và chậm chạp. Phải được đến năm 1895 mới có những nỗ lực thật sự để sáng lập một thành phố nghỉ mát và dưỡng bệnh xứng đáng với hòn ngọc Viễn Đông.

Ngày 01 tháng 05 năm 1895 một nghị định tách rời khỏi tỉnh Bà Rịa và đặt nó dưới sự cai trị

VŨNG TÀU XƯA

của một viên tham biện dân sự. Nhờ được biến đổi thành thị xã trên giấy tờ. Vũng Tàu mới có đủ tư cách pháp lý và vật lực để kiến thiết. Viên tham biện đầu tiên đến cai trị và mở mang Vũng Tàu là Ernest Outrey.

Trong 30 năm kiến thiết, khởi đầu họ cho làm rộng và lát đá con đường chính của Vũng Tàu chạy theo bờ biển, hai bên trồng cây bàng, me và dừa. Đường này chạy dài một đầu đưa lên tới ngọn hải đăng (Đền pha), một đầu chạy quanh đèo núi.



Bạch Dinh nằm trên núi lớn, quay mặt ra biển năm xưa

BẠCH DINH, NHÀ NGHỈ MÁT CỦA TOÀN QUYỀN PHÁP

Người Pháp đi đến đâu cũng lo chỗ ăn ở cho ngon lành trước đã.

Dưới chân núi lớn, về hướng Bắc, họ xây cất một biệt thự nguy nga đồ sộ nhìn ra biển làm nơi nghỉ mát của nhân viên Toàn Quyền. Vị trí của biệt thự này khá đặc biệt : Cát trên đồi cao 20 thước chiếm chỗ đồn binh Nam Triều trú đóng trước kia. Biệt Thự trắng toát nổi bật giữa nền xanh của rừng cây lá, phía trước có những bồn cỏ, có đường xe lên được, phía sau dựa núi rừng. Một cầu thang khu ốc kiến trúc khá mỹ thuật, đưa xuống tận bãi biển và nối liền với một ngôi nhà khác làm văn phòng và chỗ nghỉ cho đám tùy tùng.

Dọc dài theo bờ biển, ngoài những tư thất của người Pháp hay người Việt giàu có lần hồi cất lên, chính quyền Pháp đã cất tòa bố, bệnh xá, và trên miếng đất của đồn lính pháo thủ ngày xưa, họ cất một khách sạn lấy tên là Grand Hotel.

Trong những kiến trúc thời xưa của người Pháp còn để lại, đáng kể là ngọn hải đăng trên chóp núi mà chúng tôi sẽ nói đến nhiều hơn nơi chương khác, và một sở nhà ở Gành Rái trên đường đi Bến Đình. Sở nhà này gọi là “Lazaret”, ngày xưa dùng làm nơi ăn ở cho hành khách của những chiếc tàu từ những xứ có bệnh dịch truyền nhiễm đến hoặc có bệnh ấy dưới tàu bị cầm lại không cho vào sông Sài Gòn.

CÔNG LAO BỞI AI

Người Pháp đã đi và để lại một vài cơ sở, nhưng công lao không phải của họ mà là của người Việt Nam. Ngày xưa mỗi buổi sáng sáu, bảy trăm tù nhân ở khám đường bị lừa ra đi làm khổ sai suốt ngày. Nhân công này không được thù lao chút nào và đã làm việc rất cực khổ dưới làm roi da, dùi cui hay roi cá đuối. Trong số này có kẻ bất lương, mà cũng có nhiều người anh hùng, bởi thất cơ đành chịu khổ dưới sự hành hạ của quân thù.

Bởi vậy du khách đi viếng Vũng Tàu trong khi gió mát trăng thanh an hưởng những tiện nghi của một thị xã trên bờ biển, cũng nên có một phút

suy tư nghĩ đến những người đau khổ đã tưới máu và mồ hôi cho thành mọc trên bãi cát.

TẠI SAO CÓ NGƯỜI GỌI VÙNG TÀU NGƯỜI GỌI Ô CẤP

Danh từ Ô Cấp đã có từ ... “hồi Tây mới chiếm” và được Việt Nam hóa cho người bình dân ta dễ nhớ, dễ nói. Nó do nơi hai tiếng (Au Cáp) của Pháp ngữ, để gọi tắt danh từ của Pháp đặt cho nó, nghe rất dài “Dài xòn” khó đọc và khó nhớ cho người dân Việt Nam không hề học qua chữ Pháp bao giờ. Đó là tên “Cap Saint Jacques” tức là “Mũi Thánh Jacques”.

Chắc không ai còn lạ ở điểm này cả. Và người ta còn cho rằng : Ô Cấp đây, tức là “Mũi Thuyền Vân” mà cũng có người vẫn quen gọi là “Ô Vẩn”. Có lẽ lại do sự phát âm của hai tiếng : Au Vent”, cũng của Pháp ngữ mà ra.

Viết đến điểm này, chúng tôi lại không khỏi nhớ đến cái đặc tính ... của “trí thức”, người mình. Hết Tàu đến Pháp, đến Mỹ, Anh. Người ta cứ “mượn” ngoại ngữ để đệm vào tiếng Việt, tuy không phải thứ tiếng của mình không có, nhưng cứ “đốp” đùng, hầu tỏ ra là người có học rộng ! Chẳng

hạn Bến Tre nghe có tính cách địa phương và rất chất phác thật thà của người bình dân, thì bị người ta đặt lại thành “Trúc Giang” cho nó ... “Văn Hoa” không cục mịch!

Nhưng thôi xin miễn phê bình về “vụ” này, vì chúng tôi đã đi lạc đề mất một đoạn rồi ! Vậy xin trở lại ...

Hai tiếng “Ô Cấp” đã rõ ràng. Còn Vũng Tàu thì sao ? Do đâu mà có tên ấy ?

Nếu truy nguyên danh từ thì vũng là cái vịnh nhỏ. Theo Việt Nam Tự điển của Khai Trí Tiến Đức (Bản in 1954, của Văn Mới, tại Pháp), thì vịnh nghĩa là “chỗ nước sâu, làm bến cho thuyền, tàu đậu được”. Trong Đại Nam Quốc Âm Tự Vi của Huỳnh Tịnh Của (Paulus Của) xuất bản năm 1896 tại Sài Gòn thì nghĩa càng không khác mấy, tuy có nhiều giải thích rõ ràng hơn đối với chữ Vũng dùng ở nơi khác, chẳng hạn như Vũng Lầy, hoặc chỗ bãi trâu cả vũng, hoặc ướn đọng vũng.

Vậy Vũng Tàu ở đây, tức là cái chỗ nước sâu, một cái vịnh nhỏ gần bờ mà tàu bè các nước ngoài tới đó có thể đậu để tránh sóng to gió lớn được, hoặc đậu chờ phép tắc, trước khi ngược dòng sông Nhà Bè vào Sài Gòn.

Nhưng Vũng Tàu thời xưa ấy, năm 1970 đã trở thành thành phố phồn thịnh.

HUYỀN MINH

Căn cứ theo sách “Đại Nam Nhất Thống Chí” về “Lục Tỉnh Nam Việt” quyển thượng, do Tu Trai Nguyên-tạo, cử nhân Hán học dịch, thì Vũng Tàu thuộc huyện Phước An, phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa.

(Từ huyện lỵ qua phía Đông đến biển, giáp giới huyện Tuy Định, tỉnh Bình Thuận 24 dặm, phía Tây đến biển huyện Long Than 65 dặm, phía Nam đến biển giới giáp huyện Phước Lộc tỉnh Gia Định 37 dặm, bắc đến huyện Long Khánh 24 dặm)

Bây giờ trở lại câu hỏi : Vũng Tàu ở đâu ?

Thì đây, cũng theo Đại Nam Nhất Thống Chí Lục tỉnh Nam Việt, đã nêu như sau : Ở Đông Nam huyện Phước An 26 dặm, đầu ghềnh thường có con rái biển bơi lặn ở đấy nên gọi là Lái Ky (Gành Rái). Núi này sơn mạch từ phía Bắc, giữa chằm lớn băng qua sông ngòi, nhóm cái tụ đá, lại về hướng Đông quanh qua hướng Tây uốn lượn như con rồng xanh vươn mình theo bờ biển dóc khi ba hòn núi đá đứng sừng sững như trụ biển ở giữa biển nên làm mục tiêu chỉ cho ghe thuyền Nam Bắc qua lại, sóng biển đập vào cuộn cuộn cả ngày. Đầu núi làm cửa hữu chỗ Ngọc Tỉnh, đuôi núi làm ngoại hình cho Cần Giờ, ở trong có vũng lớn gọi là Vũng Tàu. Vũng này bảo vệ cho ghe thuyền đậu nghỉ. Trên núi có nước suối ngọt, dưới chân có nhóm dân chài đông

VŨNG TÀU XƯA

làm cho cửa bể rất sinh đẹp. Ngoài biển có giới thủy hiệp khâm, tục gọi là giáp cảng (hai ngọn nước giáp lại một chỗ gọi là giáp nước) mùa gió Nam là giáp thủy rời ra phía Bắc, mùa gió bắc “gió bắc” thì giáp thủy vào phía Nam.

Như thế, nếu đo theo vị trí mô tả, chúng ta có thể “hiểu” cái “vũng lớn” để ghe thuyền qua lại đậu nghỉ và núp sóng gió, gọi là “Vũng Tàu” nơi đây, có lẽ bắt đầu từ “Bãi Dâu” chạy vòng qua đến tận “Bến Đình. Và địa danh này đã thành ra một thành phố Vũng Tàu rộng lớn với một thành phố và phong cảnh thu hút du khách.

Nhưng đến đây, chúng ta cần nhận định ... “không được nhầm lẫn” do thói quen ... lười biếng thường tình, khi nói đến Vũng Tàu hay Ô Cấp. Nếu ta chịu khó để ý đến “chữ nghĩa” một chút ta sẽ thấy ngay Vũng Tàu, không thể cùng một chỗ với Ô Cấp. Bởi “Vũng Tàu” là thứ vũng nước sâu, để cho tàu thuyền đậu. Còn “Ô Cấp” là mũi đất hay đá chạy thọt ra ngoài mặt biển. Tuy rằng nói “Ô Cấp” theo âm tiếng Pháp, hay nói “Vũng Tàu” theo tiếng nôm, tức là thuần túy tiếng Việt Nam ta, mọi người đều hiểu : Chỉ một chỗ mà thôi. Vì “bờ cõi” Vũng Tàu được mở rộng hơn xưa từ lâu, và “nó” đã “nuốt chửng” Ô Cấp và thành một khối thành phố rồi.

HUỖNH MINH

Nhưng Ô Cấp là chỗ nào đây, khi chúng ta “đã” tìm ra vị trí “Vũng Tàu”

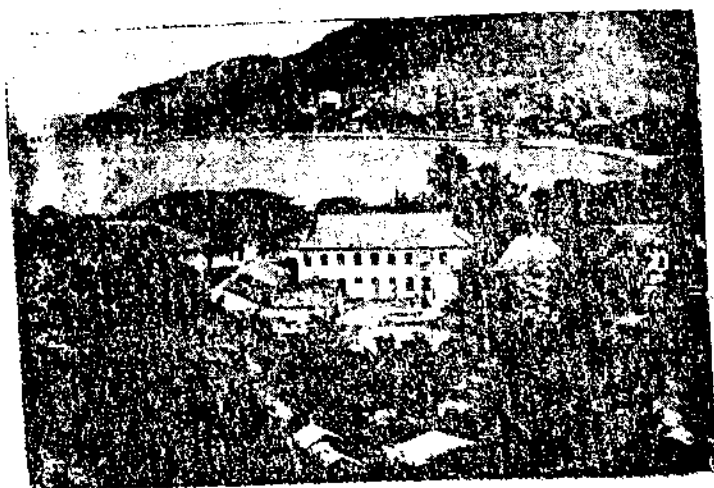
Như trên đây đã nêu rằng : “Ô Cấp” tức là mũi Thùy Vân, mà “hồi đời Tây” người Pháp cũng gọi nó là “Ô Ouan”, có lẽ họ phát âm theo chữ Thùy Vân qua giọng người miền Nam chăng ?

Và nếu đúng Ô Cấp là mũi Thùy Vân (vì nhìn theo hình thể bờ biển nơi đây, ta không thấy có mũi nào khác nữa) thì cũng theo Đ.N.N.T.C Lục Tỉnh Nam Việt, quyển thượng trang 13 ghi rằng :

Ở Đông Nam huyện Phước An 12 dặm, đứng dựa mé biển, trông như vòm mây từ trên rủ xuống, nên gọi là Thùy Vân (Mây rủ) trên núi có chùa Hải Nhật tương truyền chỗ ấy là chỗ trông ra biển xanh in bóng mặt trời. Phía bắc chân núi cây cối xanh um, là nơi heo rừng cư trú. Dưới chân núi có vũng biển hay có sóng lớn. Lại có Nhật Sơn, Trư Úc, những thương thuyền khi tránh gió Nam thường đậu núp nơi ấy. Ngoài mỏm có Thần Nữ Phong, thường gọi

VŨNG TÀU XƯA

Đền thờ Đinh Cô, có gò cát đá, xưa có người con gái
tuổi 17, 18 tuổi gặp nạn gió đấm thuyền chết dạt ở
đáy dân đem chôn; lập đền thờ ở đầu núi, nay vẫn
còn.



Vũng Tàu với bộ mặt khang trang khác xưa nhiều nhà
cao cửa rộng, núi non hùng vĩ

Trên đây là câu chuyện Vũng Tàu hay Ô Cấp
mà chúng tôi nêu, để quý độc giả biết danh từ Ô Cấp
và Vũng Tàu.

Riêng về cảm tưởng của chúng tôi, thì nhân được đi đó, đi đây ở nhiều nơi tận nước ngoài xét rằng : Thực dân Pháp chỉ biết thụ hưởng hơn là “mở mang” như họ từng rêu rao. Vì thực sự họ có chí tình mở mang thì chắc chắn Vũng Tàu cũ đã cực kỳ phồn thịnh. Không phải loanh quanh một thành phố nhỏ hẹp như bây giờ mà trọn vùng Núi Lớn – Núi Nhỏ và từ Bến Đình ra Bãi Trước đến Bãi Sau, đã đầy rẫy đường xá, dinh thự, nhà cửa, bến đá bãi cát khang trang còn hấp dẫn hơn trăm ngàn lần bây giờ nữa kia, vì vậy người Pháp không có lý do hãnh diện ở bất cứ một “công trình” nào của họ tại nước ta, khi họ phải rút đi, kể cả Vũng Tàu một nơi quan trọng về du lịch.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ VÀ LỊCH SỬ VŨNG TÀU XƯA

Vũng Tàu từ năm 1890 đến 1895, bắt đầu được mở rộng thêm sở công chính xây cất một vài căn nhà gạch dọc theo Bãi Trước trồng toàn là dừa, xưa kia Vũng Tàu thuộc quận của tỉnh Bà Rịa nay là Phước Tuy.

Đến năm 1895 thì Vũng Tàu được tách rời tỉnh Bà Rịa để trở thành một tỉnh như trước gồm có các xã, Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam và Sơn Long. Riêng quận Cần Giờ gồm các xã : Cần Thạnh, Long Thạnh, Đồng Hòa, Thạch An và Tân Thạnh nằm trên bán đảo Cù lao Phú Lợi, cạnh rừng sát cũng thuộc tỉnh này, với một diện tích 7.067 mẫu tây, khí hậu nhờ có gió biển thổi quanh năm nên rất mát và dễ chịu.

I. VỊ TRÍ – ĐỊA LÝ :

HUỖNH MINH

- Thị xã Vũng Tàu nằm về hướng Tây Nam của tỉnh Phước Tuy, cách Sài Gòn 125 km, chiều dài của nó nằm theo hướng từ phía Đông Bắc thẳng xuống phía Tây Nam.

- Phía Đông bắc giáp với tỉnh Phước Tuy bởi rạch Cây Khế.

- Phía Đông Nam, giáp với Nam Hải.

- Phía Tây Bắc giáp với tỉnh Phước Tuy bởi sông Dinh.

- Phía Tây Nam giáp biển Nam Hải.

Theo tứ cận kể trên, Vũng Tàu được bao chung quanh bởi hai mặt biển, một mặt sông và một mặt rạch như thế nó được kể gần giống như một hòn đảo.

II. LÃNH THỔ.

Chu vi của thành phố Vũng Tàu đo được 49 cây số 300 thước (tính theo bờ biển Hải Nam, sông Dinh và rạch Cây Khế). Vũng Tàu có chiều dài trung bình 14 cây số và chiều ngang trung bình 5 cây số 800 thước.

Vũng Tàu chia ra làm 5 khu phố với diện tích như sau :

- Khu phố Vũng Tàu diện tích 323 mẫu

VŨNG TÀU XƯA

- Khu phố Thắng Nhứt diện tích 1.505 mẫu
- Khu phố Thắng Nhì diện tích 930 mẫu
- Khu phố Thắng Tam diện tích 1.035 mẫu
- Khu phố Phước Thắng diện tích 2.607 mẫu

Vậy diện tích trung bình của toàn Vũng Tàu là 6.400 mẫu. Riêng tại khu phố Thắng Nhì về phía Bắc có cù lao Bến Đình diện tích 421 mẫu. Khi nước biển dâng lên cao thì cù lao này hoàn toàn bị ngập nước và chỉ còn rừng bần thôi.

III. ĐỊA THỂ :

A. NÚI NON :

Ở xa nhìn đến, phương hướng của Vũng Tàu được ghi nhận bởi hai cái Núi Lớn và Nhỏ. Hai núi này nằm về hướng Tây Nam của Vũng Tàu. Trên Núi Lớn nay gọi là núi Tương Kỳ có đặt hai giàn "ăng ten" lớn mà ở xa trông thấy rất rõ làm cho khỏi lẫn lộn với các núi kế cận thuộc tỉnh Phước Tuy cũ. Trên Núi Nhỏ này gọi là núi Tao Phùng có đặt một cơ sở lấy tên là Hải Đăng, ban đêm Hải Đăng có chiếu ra một ngọn đèn pha giúp cho tàu bè đi đêm ngoài biển định được phương hướng. Độ cao nhất của núi Tương Kỳ là 254 thước và núi Tao Phùng là

HUỖNH MINH

170 thước. Núi Tương Kỳ có diện tích là 204 mẫu và núi Tao Phùng có diện tích là 119 mẫu.

Nhờ hai ngọn núi trên đây Vũng Tàu giữ được nét thiên nhiên với sóng biển và làm cho du khách thêm phần lưu luyến với Vũng Tàu.

B. ĐÔI CÁT :

- Vũng Tàu có một đôi cát nằm song song với bãi biển ở hướng Đông Nam tức là bãi Thù Vân. Dây đôi này chạy từ chân núi Tao Phùng đến Cửa Lấp với chiều dài độ 10 cây số. Đôi thấp nhất có độ cao 4 thước nằm trong khu phố Thắng Tam và đôi cao nhất có độ cao 32 thước nằm trong khu phố Thắng Nhứt. Nhờ dây đôi cát chạy dọc theo bờ biển này mà các luồng gió mạnh từ biển Nam Hải ở hướng Đông nam thổi vào được cản bớt đi nhiều, giúp cho hoa màu trồng trọt bên trong đất liền đỡ bị thiệt hại. Ngoài ra còn một số đôi cát nằm rải rác chính giữa hai khu phố Thắng Nhứt và Phước Thắng.

C. AO HỒ :

Sau dây đôi cát chạy song song với bãi biển Thù Vân kể trên có một bưng sen cũng nằm song song với dây đôi cát này và cũng bắt đầu từ chân núi Tao Phùng thuộc khu phố Thắng Tam chạy đến

khu phố Thắng Nhứt và kể từ đó bưng sen này được nối tiếp bởi một rừng bần. Rừng bần này chạy đến rạch Cây Khế là ranh giới thành phố Vũng Tàu mới hết.

Bưng sen nói trên đây có diện tích 406 mẫu là một nguồn lợi cho Vũng Tàu bấy giờ vì nó sản xuất được nhiều thứ như : Bông sen, hạt sen, lá sen, (để gói đồ ngoài chợ) ngó sen (để làm dưa sen) cá đồng, lươn, ếch, ốc v.v...

D. SÔNG RẠCH :

Về sông ngòi Vũng Tàu chỉ có một con sông lớn nhất là sông Dinh nằm về phía Tây Bắc làm ranh giới giữa tỉnh Phước Tuy và Vũng Tàu cũ. Sông Dinh có chiều dài là 11.000 thước, phía Đông Bắc Vũng Tàu là rạch Cây Khế làm ranh giới giữa tỉnh Phước Tuy và Vũng Tàu. Rạch Cây Khế có chiều dài là 6.000 thước.

Rạch Bà nằm chính giữa và theo chiều ngang của Vũng Tàu cũ làm ranh giới giữa hai khu phố Thắng Nhứt và Phước Thắng cũ. Rạch Bà có chiều dài là 7.900 thước.

Tại khu phố Thắng Nhì cũ, phía Nam cù lao Bến Đình có rạch Bến Đình dài 5.000 thước. Rạch

HUỖNH MINH

này dẫn nước vào cù lao Bến Đình bởi ba cái xẻo tủa đều trên toàn diện tích của cù lao.

Tại phía Đông của khu phố Phước Thắng, nơi cửa l p, c  ba rạch dẫn nước biển vào Vũng Tàu là rạch Ông Năm, rạch Suối Nước và rạch Sông Cái.

E. CÁC B I BIỂN V  M I Đ  :

Du khách đến Vũng Tàu thường đến các b i tắm như :

- B i Sau c n gọi là b i Th y V n (Ph a Đ ng Nam của Vũng Tàu)

- B i Trước (hay b i H ng D ra) năm 1970 gọi là b i Th y Dương (gi ra hai n i T ng Kỳ và Tao Ph ng).

- B i D u nay gọi là B i Ph ng Th o (khoảng gi ra n i T ng Kỳ).

- B i D ra gọi là b i H ng Phong (khoảng gi ra đường v ng quanh Tao Ph ng)

- B i   Qu n gọi là b i V ng Nguy t (tại m i Nghinh Phong).

Nhận xét chung về năm b i tắm ch nh yếu của Vũng Tàu cũ :

- B i Th y Dương và b i Ph ng Th o cũ  t s ng nhất.

- Bãi Hương Phong cũ có sóng vừa vừa.

- Bãi Thùỵ Vân và Vọng Nguyệt có nhiều sóng nhất.

Nơi có nhiều gió mà du khách đến hóng mát là mũi Nghinh Phong (gió thổi mát quanh năm) gần cuối đường vòng núi Tao Phùng, và Mũi Đá nằm trước Bạch Dinh đầu đường vòng núi Tương Kỳ cũ vào buổi chiều mát du khách thường đến hóng gió có tên là Hòn Ngưu hay Mũi Đá Cao Trang.

Sau cùng, trên đường vòng quanh núi Tao Phùng cũ sau khi đi qua khỏi bãi Vọng Nguyệt và trước khi xuống bãi Thùỵ Vân cũ du khách thường dễ mất nhìn ra cạnh bờ biển có hòn đảo tương tự như một cái núi nhỏ nhô lên khỏi mặt nước. Khi nước ròng hạ thấp, người ta có thể đi ra hòn đảo này qua một hàng đá lổm chổm. Hòn đảo này trước gọi là Hòn Bà có lúc đã được gọi là Bồng Đảo.

F. ĐỊA CHẤT :

Vũng tàu ngoài hai ngọn núi Tương Kỳ và Tao Phùng với diện tích 521 mẫu đá, phần còn lại hầu hết được cấu tạo bởi một lớp cát thật sâu, bằng chứng là đồng bào tại đây ai đào giếng sâu đến đâu cũng thấy toàn là cát. Phần nhiều nước giếng đào

HUỖNH MINH

tại Vĩng Tàu đều có chất phèn, muốn uống được phải qua hệ thống lọc đúng cách.

Loại đất cát này thích hợp cho loại cây mĩng cầu mà đồng bào trồng nhiều nhất tại hai khu phố Thĩng Nhứt và Phước Thĩng cũ. Tại khu phố Thĩng Tam cũ có xóm gọi là Xóm Vườn thì lại được đồng bào trồng nhiều nhất là xoài, nhãn, dĩa và có xóm gọi là xóm Rẫy lại chuyên sản xuất loại rau cải.

Về ruộng lúa thì chỉ có độ 150 mẫu rải rác trong hai khu phố Thĩng Nhứt và Phước Thĩng cũ.

G. ĐƯỜNG XÁ VĨNG TÀU XƯA 1970 :

Đường bộ, vào Vĩng Tàu chỉ có một con đường duy nhất là Quốc Lộ 15 đi từ tỉnh Phước Tuy ngang qua rạch Cây Khế và dẫn vào trung tâm thành phố bởi các đường nối tiếp Phạm Hồng Thái và Lê Lợi, bề dài của ba đoạn đường này từ rạch Cây Khế tức bắt đầu từ ranh giới đến ngã ba đường Lê Lợi và Quang Trung (Bãi Trước xem như trung tâm) đo được 17.000 thước.

Đường lớn nhất tại trung tâm là Đại lộ Trần Hưng Đạo có chiều dài 1.200 thước chạy ngang mặt tiền chợ Vĩng Tàu.

VŨNG TÀU XƯA

Du khách đến Vũng Tàu thường đi lại trên các con đường kể dưới đây :

- Đường chạy ngang Bãi Trước là đường Quang Trung dài 1.300 thước.

- Đường vòng núi Tao Phùng tên là đường Võ Tánh dài 3.900 thước.

- Đường vòng núi Tương Kỳ tên là đường Lê Văn Duyệt dài 7.500 thước.

- Đường mà du khách thường dùng đi ra Bãi Sau là đường Hoàng Hoa Thám dài 1.600 thước (đường đi ngang qua Xóm Vườn, Bưng Sen và Đồi Cát).

- Đường dọc qua Bãi Sau là đường Thùy Vân mà du khách hiện nay lưu thông được dài 3.600 thước.

- Ba đường mà du khách cần nên biết này là đường Nguyễn thái Học, Trương Công Định, Nguyễn Tri Phương, vì ba đường này tạo thành danh từ Ngã Năm. Và bên cạnh Ngã Năm này chính quyền địa phương vừa lập xong một xa cảng mới và bắt buộc các loại xe đồ, xe lô đưa rước khách từ Sài Gòn ra Vũng Tàu phải đến đậu nơi đây. Còn hai bến xe đồ và xe lô cũ gần chợ Vũng Tàu đã giải tỏa rồi,

HUỲNH MINH

giúp cho sự lưu thông tại trung tâm Vũng Tàu bớt bị trở ngại, nhất là vào ngày chủ nhật và ngày lễ có nhiều du khách đến thăm viếng Vũng Tàu. Hầu hết đường sá trong Vũng Tàu được tráng nhựa sạch sẽ, và một phần lớn đã được mở rộng.



CHƯƠNG III

DI TÍCH LỊCH SỬ

Vũng Tàu là một vùng đất tương đối mới phát triển không có sự tích lâu đời bằng nhiều tỉnh khác, nên di tích lịch sử không được nhiều, không có lăng tẩm và đền đài cổ tích như chùa non nước ở Đà Nẵng hay Đế Thiên, Đế Thích. Người ta chỉ còn tìm thấy một dấu vết của thời xưa là một pho tượng Phật ngày xưa ở trên núi lớn về sau được thỉnh về chùa Thắng Tam cũ.

Lịch sử Vũng Tàu thật ra là lịch sử tỉnh Bà Rịa.

Vũng Tàu đã chịu chung số phận của đất nước, lịch sử cùng chia với các tỉnh miền Đông. Những cuộc khởi nghĩa chống xâm lăng, những phong trào tôn giáo đều ăn nhập một nhịp với những phong trào của tỉnh Bà Rịa và Biên Hòa.

Đời sống kinh tế ngày xưa là nông nghiệp không phát triển được mạnh mẽ vì địa chất không thuận lợi và địa thế không phù hợp cho những cuộc

doanh điền. Việc chăn nuôi ngày trước chẳng có gì, lâm sản không được khai thác vì triều đình nghiêm cấm triệt để.

Thương mại cũng chỉ được quây quần trong những cuộc trao đổi hóa phẩm với các ghe thuyền miền Bắc và miền Trung, những thuyền tàu từ Trung Quốc và Ấn Độ qua ghé lại tìm mua thực vật tươi. Chỉ có một công nghệ thịnh hành và phát đạt là chài lưới, bán cá tươi và khô.

Đời sống xã hội ngày xưa : dân sở tại không có phong tục tập quán gì khác biệt. Dân lưới chài không giàu.

Tuy không có những cổ tích lâu đời từ tiền sử để lại, Vũng Tàu vẫn không thiếu những di tích lịch sử gần từ một hai thế kỷ lại đây.

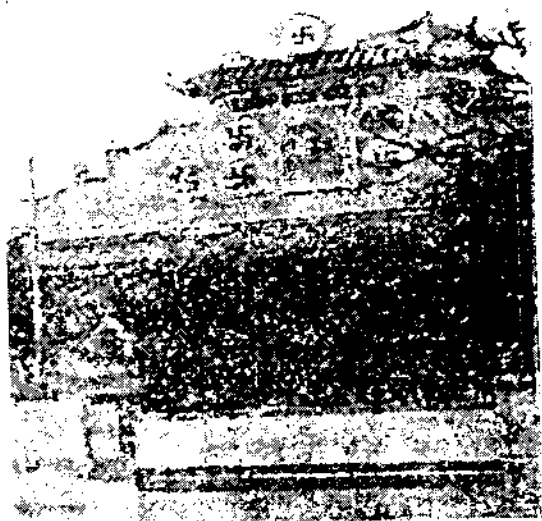
Và sau đây là những kỷ niệm đáng biết và nên đến một lần để tham quan cho biết.

LINH SƠN CỔ TỰ

Ngôi chùa xưa đáng biết nhất là Linh Sơn Cổ tự, một ngôi chùa nhỏ nằm ở vị trí rất xinh, được cất bên triền núi dây thép, ở đường thành sấn đá Pháp ngày xưa, đó là Linh Sơn tự". Ngôi chùa này nằm

VÙNG TÀU XUA

1919 được dời về gần nhà làm việc Thắng tam cũ, trên nền người Pháp chiếm xây cất biệt thự cho một viên hoa tiêu người Pháp tên Lhuureux. Ngoài biệt thự có bảng đá khắc tên "Villa des tamarins"



Linh Sơn Cổ Tự ở phía sau Núi Nhỏ đường ra bãi Thù Vân thuộc khu phố Thắng Tam

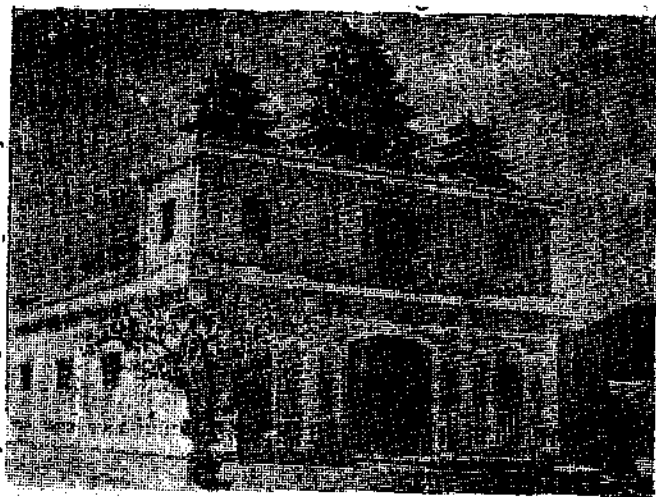
HUỶNH MINH

Ngôi chùa đời về gần nhà việc Thắng Tam cũ kế bưng, cảnh trí u nhàn thanh tịnh, bên trong có một pho tượng quý. Tượng Phật lớn nhất tại chính điện cao 1 thước 20 bằng đá có phết vàng là một pho tượng cổ rất đẹp : nét mặt Đức Phật vừa từ bi vừa vui vẻ và linh động như người sống. Theo hình dáng và nét điêu khắc, người ta đoán là một di tích của người Chiêm Thành (Chàm) hoặc Chân Lạp lưu lại vì rất giống những pho tượng trông thấy ở các đền chùa Chàm còn lại.

Theo truyền thuyết cách đây hơn 100 năm, một đoàn ghe chài lưới từ miền Trung vào đánh cá ở Bãi Trước, trong khi đi lấy củi ở núi Lớn tình cờ tìm thấy 2 tượng Phật bằng đá vùi dưới đất bên sườn núi, gần Bãi Dâu. Họ hề nhau đào lên rồi hôm sau đem cờ quạt trống đến thỉnh về. Dân làng nghe tin kéo ra chặn lại, vì đó là những báu vật cổ tích tìm được ở đâu thì thuộc về quyền sở hữu ở đó. Dân chài miền Trung năn nỉ mãi, làng mới cho họ thỉnh một tượng Phật nhỏ về Trung, còn pho tượng lớn dân làng rước về thờ.

DIỆN BÀ

Một cổ tích khác đáng quan tâm khi du khách đến Vũng Tàu là Điện Bà



Ngôi cổ miếu Năm bà ở Bãi Dâu xưa
Hàng ngày du khách thường tới lui lễ bái

Xây cất trên những tảng đá rất lớn cheo leo ở triền núi lớn về phía Bến Đình, Điện Bà đã xuất hiện rất lâu năm, khởi thủy là một miếu nhỏ thờ thần Hổ, vì ngày trước có một con cọp lớn về nằm trong kẹt đá nơi đây. Chẳng rõ con cọp này có gì linh thiêng hay tự nơi lòng người sợ cọp sẵn ở vào

HUỖNH MINH

thời rừng vẫn còn nhiều cộp nên dân làng dựng miếu thờ. Năm 1945 những người sùng đạo mới tổ chức thành hội điện và xây cất lên để thờ Bà Ngũ Hành, thờ Phật và Quan Thánh. Năm 1956, hội lại cất thêm nhà Trai và một cây Tháp ba tầng khá đẹp.

Từ chân núi lên điện cao lối 60 thước, có nhiều bậc đá xây. Điện Bà thu hút khá nhiều khách du lịch mộ đạo hay không. Về tiết xuân thiện nam tín nữ và những kẻ du xuân đến đây cầu xin và ngoạn cảnh càng thêm đông đảo.

PHƯỚC LÂM TỰ XƯA

Chùa Phước Lâm ở ThẮng Nhì cũ đã có trên 80 năm nay. Chùa cũ đã bị phá bỏ và được cất lại năm 1957 theo kiểu kiến trúc Ấn Độ, nền lát đá hoa, cột kèo đúc bằng xi măng cốt thép.

Đáng chú ý nhất là 3 cái tháp chuông giả đột khởi trên nóc nhà. Phân biệt hẳn Phước Lâm Tự với những ngôi chùa khác. Chùa có pho tượng 8 tay bằng đá đào được trên núi Lớn liệt vào loại cổ tích có giá trị của địa phương.

MIẾU NĂM BÀ (BÃI DÂU XƯA)

Tại Bãi Dâu cách mặt lộ chừng 500m hướng trên triền núi Lớn, có một con đường lên Thanh Tâm đạo viện.



Lịch sử ở vùng đất này ngày xưa có một tòa cổ miếu nhỏ cất bằng cây lá, nép mình trong cảnh u tịch của núi rừng, miếu đã gần 100 năm nay, do các ngư phủ dựng lên để thờ Ngũ Hành, tức là năm vị thần : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Đồng bào dân chúng địa phương hết lòng tin tưởng. Ngày xưa dòng

bào đi hái củi trên núi Lớn thường xuống nghỉ trưa nơi miếu này dùng bữa, thấy những cặp rắn to có mào nhưng không cắn mổ ai, người dân cầu khẩn một hồi thì chúng bỏ đi mất. Thời gian sau ngôi miếu được trùng tu lại bằng gạch ngói nhưng nhỏ hẹp, chính giữa thờ một bức tượng xưa hình năm bà lộng kiếng xem rất trang nghiêm, mỗi năm vào tháng 3 hoặc tháng 4 có lễ cúng do giới ngư phủ trong vùng tổ chức, có nhạc, có bóng rỗi, múa dâng mâm vàng, mâm bạc cho bà. Màn đêm che phủ cả núi rừng cô tịch. Gió lộng từng cơn lấp lóe những ngọn đèn bạch lập khi mờ khi tỏ, khói hương nghi ngút.

Sau một đêm cúng kiến xong, sáng hôm sau ai về nhà nấy về mặt hân hoan vì đã làm tròn nhiệm vụ. Từ xưa đến nay sự cúng kiến vẫn được duy trì.

Năm 1968 Ban quản trị Thanh tâm đạo viện, do hai cô Thanh – Hạnh đứng ra để trùng tu lại ngôi miếu cho rộng rãi, khang trang, đầy đủ và tiện nghi hơn, thay miếu cũ, xây lại miếu mới, vách tường, nền lát gạch bông, xung quanh chái bắt vắn, hai nóc, bên trong vẫn thờ như cũ, trước có dựng thêm một pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát cao trên một mét,

tay cầm bình Tịnh Thủy, nhìn ra biển cả, hàng ngày có nhiều du khách và người địa phương đến lễ bái. Cạnh bên miếu lại có thêm một di tích lịch sử nữa là Giếng Ngự, nước ngọt và trong, quanh năm vẫn đầy, đồng bào ở đây thường gọi là giếng Gia Long.

GIẾNG NGỰ VÀ VUA GIA LONG

Một trong những truyền thuyết mà người dân

ở Vũng Tàu, nhất là miệt Bến Đình rất tin tưởng là ngày xưa có một cái giếng nước được người ta gọi là giếng Mẹ hay giếng Ngự (Cái gì có tiếng “Ngự” vào là ám chỉ có sự dính dấp tới vua chúa nào đó).

Giếng Ngự vua Gia Long tọa lạc tại Bãi Dâu, cạnh bên là miếu Năm Bà



HUỖNH MINH

Tương truyền cái giếng đào không sâu lắm, lại cận mé rạch, nên mỗi lần thủy triều lên, nước mặn tràn vào ngập hết. Nhưng lạ một điều khi thủy triều rút xuống thì nước giếng lại ngọt như thường và uống được. Làm như thế có phép màu hay trong giếng có chất gì hòa giải được chất muối tan đâu mất.

Nay thì giếng đã bị lấp không còn tìm ra dấu vết nữa, nhưng người ta vẫn tin nơi đó có giếng, và nơi đó là giếng ngày xưa vua Gia Long ra lệnh đào lấy nước uống và nấu ăn cho quan quân trong lúc ông bôn tẩu đến Vũng Tàu, sau một trận thủy chiến ở Cần Giờ bị quân nhà Tây Sơn đánh bại.

Theo sử chép, tháng 3 năm Nhâm Dần (1872) vua Tây Sơn là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ kéo đại đội thủy binh trên 100 chiến thuyền vào cửa Cần Giờ truy kích quân của Nguyễn Phúc Anh, quân đôi bên gặp nhau tại Thất Kỳ Giang tức Ngã Bảy. Một trận chiến xảy ra, quân Nguyễn Phúc Anh đại bại phải bỏ thành Sài Gòn chạy về Tam Phú (Ba Giồng) rồi trốn ở Phú Quốc để cầu ngoại quân tiếp viện.

VŨNG TÀU XƯA

Truyền thuyết về câu chuyện vua Gia Long có ghé lại Vũng Tàu và cho đào giếng Ngự có chỗ hữu lý, vì Cần Giờ và Vũng Tàu xưa kia có lẽ chỉ cách nhau một khoảng ngắn, khi lục địa chưa bị xói lở thì đất liền từ chợ Bến (Phước Tuy) đến làng Long Thạch - Cần Giờ. Như vậy sau cuộc giao tranh ở cửa biển Cần Giờ vua Gia Long rất có thể xuất hiện ở Vũng Tàu và ra lệnh cho đào 3 cái giếng để quân sĩ có nước uống,(xin xem về phần huyền thoại sự tích giếng Ngự ở Bãi Dâu)



Cửa ngõ vô lăng Cá Ông và đình Thắng Tam

LĂNG CÁ ÔNG

Ra Vũng Tàu mà không biết đến lăng Cá Ông cũng là một sự thiếu sót. Lăng Cá Ông không đồ sộ như lăng tẩm của các bậc vua chúa tại cố đô. Lăng Cá Ông giống ở lối kiến trúc cổ xưa. Cũng ẩn mình dưới những tàn cây râm mát khung cảnh tĩnh mịch, tôn nghiêm tọa lạc cạnh Đình Thần khu phố Thắng Tam đường Hoàng Hoa Thám, Vũng Tàu cũ, cạnh bãi Thùy Vân tức Bãi Sau cũ.

Sự tích lăng Cá Ông có những tài liệu nói khác nhau :

Tài liệu của Pháp nói nơi này có một đầu Cá Ông to lớn lâu ngày rã thịt chỉ còn xương. Đầu cá này tấp vào bãi Thùy Vân năm 1968. đó là di thể của " Nam Hải Đại Tướng Quân" bị Long Vương Thủy Tề trừng phạt chém làm 3 khúc, vì đã sai lãng nhiệm vụ để cho một chiếc ghe chìm chết 60 người trong một cơn bão. Ba khúc tấp vào bờ, hay tin dân ba làng Thắng Tam, Phước Tỉnh, và Cần Giờ xưa đến thỉnh mỗi làng một bộ phận về thờ.

Những tài liệu khác của người Việt Nam nói : cách đây hơn 100 năm có một đầu Cá Ông thật to trôi dạt vào bờ biển Vũng Tàu (Bãi Trước). Đầu cá to đến nỗi không thể đem lên bờ, vì thế ngư dân địa

phương phải xóc cừ rào lại cho thịt rã hết rồi đem rửa sạch, tháo từng khúc xương khiêng lên cất miếu gần đó để thờ.

Cách đây khá lâu, một cá ông khác dài 12 thước bề ngang 01 thước 50 chet trôi tấp vào Bãi Sau tức bãi Thùỵ Vân. Người thấy xác cá đầu tiên là ông Bang Thiên tức Trần Thịnh. Dân làng được tin kéo tới đem xác cá lên bờ theo kiểu lặn gỗ, (nghĩa là dùng cây đòn lặn lên dần như cây gỗ lớn) và chôn cất tử tế tại khu đất cất lăng.

Ngày ông Bang Thiên gặp xác cá nhằm ngày 16 tháng 11 âm lịch không rõ năm nào. Đồng bào ngư phủ chọn ngày 16 tháng 11 làm ngày vía Ông thiết đại lễ cúng tế hàng năm.

Đến năm 1967 nhân dịp khánh thành lăng được xây dựng lại, ngày vía Ông được đổi lại 16 tháng 8 âm lịch.

Theo các bậc kỳ lão trong làng, trước đây hơn 100 năm, lăng Cá Ông được cất sơ xài tại Bãi Trước tức bãi Tầm Dương, đến năm 1911 lăng mới được dời về xây cất cạnh Đình Thần khu phố Thắng Tam, và sau sáu lần tu sửa, đến tháng 4 năm 1967 lăng được tái thiết và mở rộng bề ngang thêm 10 thước. Bề sâu 14 thước, được trạm trở trần thiết tân kỳ hơn,

HUYỀN MINH

phí tổn tất cả lối 600.000 đồng tiền (lúc bấy giờ) một phần lớn do đồng bào, đặc biệt là giới ngư phủ lạc quyền đóng góp.

Bước vào lăng, người ta thấy ngay ngưỡng cửa một bức tranh cá ông nổi ngoài biển khơi do họa sĩ Thái Văn Ngôn vẽ tặng.

Bên trong chính điện có ba bàn thờ đúc bằng xi măng trạm trổ công phu các hình Long, Lân, Quy, Phụng giao đầu, cá hóa Long giỡn sóng cùng nhiều tranh ảnh như ta thường thấy ở các miếu đình.

Phía sau bàn thờ có ba tủ kính khá lớn lồng trong khung gỗ sơn son đựng xương cá ông, dân làng gọi là kim tĩnh.

Tủ chính giữa đựng xương đầu cá ông vớt được cách đây trên 100 năm, tủ bên mặt ngoài nhìn vào đựng xương cá ông vớt được lần thứ nhì, và tủ bên trái đựng xương cá ông cỡ nhỏ.

Lăng Cá Ông do một hội lấy danh xưng là "Lương hữu vạn lạc" trông nom và quản trị. Hội quý tụ chừng 150 hội viên hầu hết là ngư phủ. Hội có bầu ra một Ban Quý Tế gồm trên 40 người do ông Hồ Văn Khoa làm chủ tịch lúc bấy giờ.



Nhà sưu khảo
Huỳnh Minh với bức
ảnh lưu niệm trước lăng
Cá Ông.

Hàng năm, tới ngày 16 tháng 8 âm lịch là nhân viên Ban Quý Tế chạy chân không bện đất, ông chủ tịch bù đầu, lo thiết đại lễ theo nghi thức cổ truyền để tế “Linh vật của ông”. Ngày hôm ấy là một ngày vui nhộn cho ngư phủ đến cúng vái cũng như cho hàng ngàn dân chúng hiếu kỳ đến xem nghi lễ và nhất là xem hát.

CHUYỆN LẠ CỦA LĂNG CÁ ÔNG

Lăng này có tới 3 sắc thần của vua phong, 2 của vua Thiệu Trị năm thứ V và 1 của vua Tự Đức năm thứ III

Có chỗ trùng với tài liệu của người Pháp là cá ông to lớn nhất ở Lăng này được sắc phong "Nam Hải Đại Tướng Quân".

Đối với lăng Cá Ông, một phong tục không riêng gì ở Vũng Tàu, mà được dân miền biển ở khắp nước Việt Nam gìn giữ và lưu truyền cho tới ngày nay vẫn giữ là, mỗi khi xác cá ông trôi tấp vào bờ, người trông thấy đầu tiên mặc nhiên được xem như con trưởng có bốn phận để tang và lo việc chôn cất chu toàn.

Hiện nay phía sau lăng có dành một khu đất rộng để chôn xác cá ông và cứ đúng 3 năm lấy cốt một lần nhân ngày đại lễ vía 16 tháng 8 âm lịch rồi đem thờ trong một cửa 3 tủ kính tùy theo cỡ lớn nhỏ.

Để cung phụng việc cúng tế ở Lăng, hội không có hoa lợi gì khác hơn sự đóng góp của hội viên và tiền bạc cúng hiến của khách thập phương. Tại lăng có đặt một thùng để tiếp nhận tiền bạc của đồng bào và du khách đến viếng.



Đình Thẳng Tam
Ngôi đình xưa trên một thế kỷ

ĐÌNH THẦN THẮNG TAM XƯA

Một ngôi đình xưa đã có mặt ở xã Thẳng Tam trên một thế kỷ qua, đồng bào ở đây hết lòng sùng bái kiêng nể vị thần hộ trì cho dân chúng được bình yên, phong điều vũ thuận.

Ngôi đình này từ trước tới nay đã tu sửa nhiều lượt, ngày nay càng thêm khởi sắc, bên trong trang

trí uy nghi vàng son lộng lẫy, giữa một hương án xo, thờ một hộp sắc thần, bên ngoài phủ lên một tấm vải đỏ hai bên trần thiết hai hàng lỗ bộ gương giáo siêu đao của thời xưa, phía hữu thờ Tả Ban, phía tả thờ Hữu Ban, mỗi bên thờ đều có trưng đèn, lư hương, lục bình, cảnh trí trang nghiêm tăng thêm phần cổ kính, đã nói lên tinh thần tồn cổ của người Việt Nam ta từ xưa tới nay vẫn được duy trì. Hướng lên mấy nóc đình, chúng tôi còn thấy có treo những tấm biển khắc những dòng cổ tự thật là cũ kỹ. Ngôi đình nằm giữa một khu đất rộng, quay ra đường phía sau Núi Nhỏ. Trước đình có một cửa Tam Quan, kiến trúc theo lối xưa, màu sắc nổi bật. Ai đi ngang qua cũng phải để ý, nhất là du khách. Trong mảnh đất ngôi đình còn có lăng Cá Ông nằm cạnh bên tay mặt, ở mé trái có một cổ miếu nhỏ thờ bà Ngũ Hành.

Ngôi đình này thờ ba vị đội trưởng được sắc chỉ nhà vua phong vì có công tiêu trừ bọn giặc cướp dưới thời Minh Mạng năm 1822, các vị này là người đầu tiên có công khai hoang lập ấp, dựng làng, thành lập ba xã của Vũng Tàu ngày xưa là ông Phạm Văn Dinh, ông Lê Văn Lộc, ông Ngô Văn Huyền đều làm chức đội trưởng.

Nhớ đến công nghiệp của các ông, nên triều đình ban hành sắc chỉ mỗi nơi trong nước lập đình

VŨNG TÀU XƯA

hình sắc thần về thờ, theo chúng tôi biết có nhiều ngôi đình có tới 5, 10 lá sắc, riêng ở Vĩnh Long chúng tôi có đến sáu tấm tài liệu, ở Đình Khao có 75 lá sắc công thần dưới triều nhà Nguyễn Gia Long.

Còn riêng về Vũng Tàu ngày xưa thì có ba lá sắc đều thờ một chỗ tại ngôi đình Thắng Tam cũ, còn các đình khác trong thành phố chỉ thờ bài vị chứ không có sắc.

Đình Thắng Tam cũ được giữ ba lá sắc thần. Là cả một vấn đề tranh đấu gay go của các bậc tiền bối ngày xưa, chứ không phải ngẫu nhiên mà được. Chuyện này hơi dài dòng, chúng tôi xin miễn bàn. Đã tìm hiểu qua vài nét đại cương của ngôi đình Thắng Tam qua phần di tích lịch sử, ngày nay nơi nào còn giữ được những dấu vết của tiền nhân, thì nơi ấy còn phảng phất nét oai hùng cái đẹp của non sông gấm vóc.

NHỮNG CÁI BÀU CỦA NGƯỜI CHÀM TRÊN ĐẤT VŨNG TÀU

Tìm lại những di tích lịch sử nước non nhà, chúng tôi đi khắp 5 khu phố Vũng Tàu xưa, thấy ở miệt xóm Vườn khu phố Thắng Tam và khu phố Thắng Nhì cũ có chỗ còn nhiều cái bầu nước đọng

HUỖNH MINH

quanh năm, rêu phong cỏ mọc, muỗi mòng bu đậu, có cái muốn khô cạn. Tìm hỏi các vị bô lão địa phương cho chúng tôi biết. Mấy cái bầu này họ nghe ông bà kể lại : thuở xưa, người Chăm đào để cho voi và ngựa uống nước.

Thỉnh thoảng ở một số địa phương này đào được những ché đựng rượu, vị cổ Phật bằng đá chạm trở rất tinh vi đó là di tích của người Chăm ngày xưa.



**BỒN CỒ ĐẠI BÁC KHÔNG LỒ
CỦA PHÁP ĐỂ LẠI**

VŨNG TÀU XƯA

Người Pháp từ ngày đặt chân đến xâm lược nước ta năm 1859, chiếm ba tỉnh miền Đông, rồi đến 1867 chiếm ba tỉnh miền Tây, lúc bấy giờ sáu tỉnh miền Nam đã thuộc Pháp, chúng mở rộng sự kiểm soát làm chủ những chỗ hiểm yếu về mặt quân sự, xây đồn đắp lũy bên trong có những cỗ pháo to để ngăn ngừa sự bất trắc xảy ra.

Tại Vũng Tàu người Pháp còn để lại bốn cỗ đại bác khổng lồ dài trên 10 mét nằm trên Núi Nhỏ cũ dưới chân ngọn đèn pha, hai cỗ súng này trọng lượng cả mấy tấn, 100 người khiêng một cây không nổi, có bánh xe bọc sắt, rất nặng để chét một chỗ, từ đó đến nay trở gan cùng tuế nguyệt, không dời đổi được, đến khi Pháp rút đi, Nhật Bản đến Vũng Tàu muốn dời đi nhưng cũng không sao dời nổi.



CHƯƠNG IV

THẮNG CẢNH DU LỊCH

Mỗi nơi đều có một vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, hôm nay chúng tôi đã bắt tay sưu khảo viết qua những danh lam thắng cảnh của Vũng Tàu, nằm cách Sài Gòn 125 cây số, một thành phố được mệnh danh là một trong những thắng cảnh của nước ta, du khách bốn phương lui tới rất đông trong những ngày rảnh rỗi. Những người già cả bệnh hoạn thường ra đây đổi gió, tắm biển hưởng cái không khí trong lành của miền núi biển các nhà trí thức hao tâm mệt trí suốt cả ngày mông ngày chủ nhật, ngày lễ cũng góp mặt nơi này tìm thú vui để thoải mái tinh thần lấy sức lại, các sinh viên học sinh quanh năm suốt tháng miệt mài nơi mái trường, ao ước trong những tháng hè nghỉ học được dịp ra đây ngoạn cảnh hòa mình vào cảnh vật thiên nhiên, vui đùa cùng các bạn. Thật ra non nước Vũng Tàu từ xưa đến nay ai ai cũng nhìn nhận là nơi “sơn thủy hữu tình”, đây quyến rũ, biết bao trai thanh gái lịch, tài

VŨNG TÀU XƯA

từ giai nhận, đủ tất cả mọi thành phần không một ai là không biết đến.

Vũng Tàu đã thay đổi rất nhiều, trước kia đất đai hoang vu, đường sá chật hẹp, nhà cửa thưa thớt, quán xá lụp xụp, năm 1970 với sự vượt tiến khác xa, nhiều biệt thự mọc lên khắp châu thành và dọc theo triền Núi Nhỏ, Núi Lớn quay mặt ra bể, khách sạn có thừa, rộng lớn khang trang, đầy đủ tiện nghi không thua kém Sài Gòn, quán xá ngay hàng thẳng lối xây dựng cùng một kiểu, bán thức ăn đủ hạng, các khu phố cũng được đổi mới.

Trình bày những nét đại cương qua bộ mặt của Vũng Tàu, giờ đây chúng tôi xin giới thiệu những cảnh thơ mộng, núi non, bãi biển và các nơi danh thắng: Đài Đức Mẹ, ngọn Hải Đăng, Cầu Đá, bãi Thùy Vân, Gành Rái, Bãi Trước v.v... Sau khi quay gót trở về mang lại những hình bóng kỷ niệm vui buồn, có lúc cười cợt trước cơn phong ba của biển cả, lúc vào chùa trang nghiêm kính cẩn trước Phật đài.

Qua bao hình ảnh trên bước đường du ngoạn, bạn sẽ nhớ mãi Vũng Tàu với lòng lưu luyến ...

Hân hạnh giới thiệu qua các danh thắng



Bãi Trước Vũng Tàu năm xưa với du khách tắm biển

BÃI TRƯỚC

(Bãi tắm Tầm Dương)

Ở kế cận Vũng Tàu cũ nên nhiều người đến tắm và đã được kiến thiết cùng tô điểm từ lâu. Bãi Trước cũ nằm giữa hai ngọn Núi Lớn và Nhỏ. Theo một đường vòng cung khá đều, theo bãi biển có trồng dừa, dương liễu và rất nhiều bàng. Những hàng cây liên tiếp này che rợp gần hết bãi cát kế biển, du khách có thể núp nắng được suốt ngày. Dưới những rặng bàng, một dải quán giải khát và những nhà thay quần áo sơn nhiều màu tươi đẹp và các ghế vải sặc sỡ vừa cung cấp các tiện nghi cho du khách vừa tô điểm cho bãi biển thêm phần lộng lẫy.

Về đêm, ngọn đèn màu xanh, đỏ, từ những quán trên và các dinh thự, nhà hàng kế cận tỏa ra những tia sáng rất ngoạn mục làm cho vòm lá trở nên huyền ảo, khác thường.

Những ngày lễ lớn như Tết Nguyên Đán, Lễ Phục Sinh, du khách khắp nơi đổ về tập nập. Xe hơi đủ kiểu, đủ màu, xe gắn máy, chen nhau những cỗ xe ngựa “cổ kính” lui tới như thoi đưa. đổ bộ xuống bãi biển hàng ngàn người vui vẻ hân hoan như đi trải hội. Tại đây ngoài thú vui tắm biển, giỡn sóng, du khách còn có thú du ngoạn trên mặt nước bằng xuồng máy, xuồng đạp nước và ghe buồm do mấy quán cho mượn giờ, cảnh trí nhộn nhịp, thảnh thơi thấy những cặp nhân tình vừa tri ngộ cặp tay nhau chậm rãi trên bãi cát, qua bao tâm sự thể non hẹn biển. Thật ra, Vũng Tàu là nơi tập trung đủ mọi tầng lớp. Mỗi người, mỗi hoàn cảnh khác nhau, kẻ già cả bệnh hoạn đến đôi gió tình dưỡng tình thân, những nhà kinh doanh đến đây nghiên cứu khai thác công chuyện làm ăn.

Sóng xô trên bãi cát vàng,
Vũng Tàu thơ mộng dưới hàng liễu xanh.

BÃI DỨA

Du khách biết qua bộ mặt ở Bãi Trước của Vũng Tàu năm xưa rồi giờ đây xin cùng chúng tôi đến Bãi Dứa.



Biển cả, núi non, thơ mộng đoàn ghe lướt gió ra khơi

Một bãi tắm nhỏ hẹp nhưng xinh xắn ở ngay chân Núi Nhỏ, cách Bãi Trước 1000 thước. Bãi Dứa nằm gọn trong những mỏm đá lởm chởm và đen lầy, có những bụi dứa tiêu sơ, nhưng vẫn hấp dẫn một số đông du khách ưa cảnh êm dịu và tĩnh mịch mà người ta không thể tìm thấy ở Bãi Trước ồn ào và nhộn nhịp, những người có tâm hồn trầm lặng, thích bãi này hơn đâu hết, ngồi trên tảng đá hướng ra đại

dương, thủy triều cuộn cuộn muôn trùng, những chiếc thuyền con chập chờn vượt trên sóng nước.

Thuyền ai thấp thoáng khơi xa,

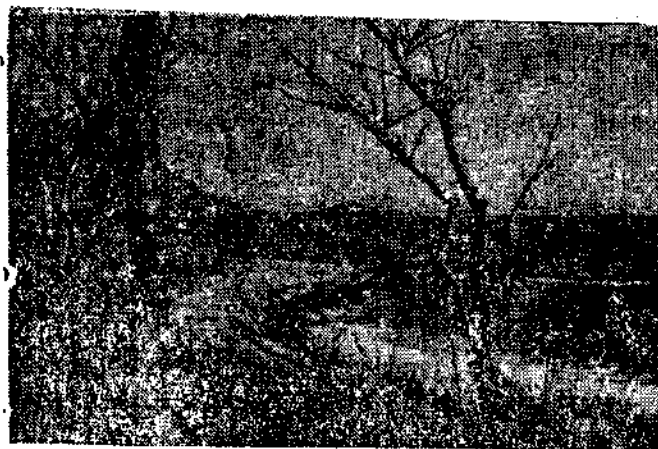
Cành cây rủ ngọn là đà đẹp xinh.

Lăn tăn nước biếc hữu tình,

Phải chăng thảng cảnh thanh bình tự do ?

Bãi Dứa là nơi dành cho những tâm hồn biết

hòa mình với cảnh trời nước bao la.



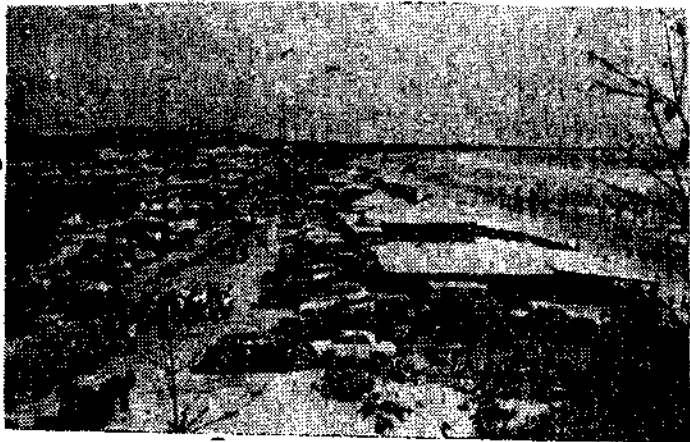
Cảnh mùa thu ngoài bãi Nghinh Phong năm xưa

BÃI NGHINH PHONG (Ô QUẢN)

Bãi này ở về hướng cực Nam của Vũng Tàu cách xa Bãi Trước 2000 thước. Bãi tắm này vừa hẹp, vừa nóng bức, nhưng nước lúc nào cũng trong sạch,

HUỖNH MINH

sóng gió dồn dập, rất thích hợp với những người tìm thú vui hoạt động. Ba bề vách đá cheo leo kế tiếp với mũi Nghinh Phong khá hùng vĩ nhô ra Đông Hải như đầu cá sấu. Quanh mũi có nhiều tảng đá lớn rất kỳ khu, nơi hẹn hò của những bạn say mê thú đi câu và có tính mạo hiểm.



Cảnh Bãi Sau cũ trong những tháng hè, xe du khách tập nập.

Cách mũi Nghinh Phong cũ không xa, về phía Đông có hòn đảo nhỏ, tục gọi là Hòn Bà, người Pháp hồi xưa mệnh danh là Île Archinard. Hòn đảo này tượng hình một con hải quỳ to lớn, trước kia có ngôi Điện Bà do ngư phủ cất lên từ lâu, sau này đã hư sập.

VŨNG TÀU XƯA

Quang cảnh mũi Nghinh Phong sau này đã thay đổi, dựa trên triền núi mọc lên nhiều nhà san sát.

*Quanh co cao thấp ở trên bờ,
Dưới bãi ai nhìn nước ngấn ngọt.
Kẻ nắm tay nhau vui rảo bước,
Bàng hoàng ngắm cảnh rất nên thơ.*

BÃI THÙY VÂN (Bãi Sau)

Bãi này ở về đông Nam Vũng Tàu chạy dài từ chân Núi Nhỏ đến tận Cửa Lấp, trên 8 cây số là bãi biển lớn nhất. Tại đây có một nhà mát công cộng khá rộng dành cho du khách che mưa nắng.

Trước đây quán xá thưa thớt chỉ năm ba cái, sau này người ta cất thêm rất nhiều vách tường nền gạch xinh xắn, trước đề bảng hiệu tên của quán, bên trong bán đủ các thức ăn đồ hải sản, nước ngọt, bia và rượu mạnh v.v...

Cạnh bên có những đội cấp cứu, bữa nào biển động thì họ đem cờ đen cắm để báo hiệu cho du khách không nên đến vùng nguy hiểm.

Xuyên qua con đường cũ đã được mở rộng thêm, tráng nhựa và trồng cột đèn soi sáng ban đêm, dự án nối liền Vũng Tàu với Long Hải qua Phước

HUỖNH MINH

Tỉnh. Đã đắp được một đoạn đường dài theo ven biển về phía Cửa Lấp. Bãi cát phía ngoài con đường này đã được trồng gần 20.000 cây dương liễu, với dụng ý tô điểm phần tươi đẹp và chặn bớt sức gió hằng ngày cuốn cát lấp đường đồng thời che mát bãi tắm.

Bên con đường mới đắp, xa xa lại có một nhà trú nắng công cộng.

Bãi Thùy Vân cũ, tựa lưng vào những dãy đồi cát và rừng cây hoang vắng, trước mặt là biển Đông bao la vô tận. Kế bên là núi Hải Đăng với vách đá Hang Dơi và Hòn Bà. Xa tít tận chân trời bên trái là dãy núi Long Hải chạy dài đến mũi Kỳ Vân. Nước biển ở đây rất trong sạch, nên mặc dầu thiếu bóng mát, vẫn có nhiều người ưa tắm ở đây. Mùa gió Nam, mặt biển im lặng, nhưng mùa gió Bắc thì sóng rất to, gió rất mạnh tạo những luồng nước xoáy rất nguy hiểm cho người bơi lội. Vì vậy, nơi đây có một đội thợ lặn túc trực hàng ngày, để tiếp cứu những người đuối sức, hụt chân.

Bãi Sau tuy xa nhưng du khách thường đến đây tắm nhiều, sóng to, biển sạch, có chỗ đậu xe cộ, muốn ăn uống món gì cũng có, chỉ có tiền là được.

BÃI DÂU (PHƯƠNG THẢO)

Bãi Dâu năm 1970 gọi là bãi Phương Thảo nằm ven Núi Lớn và cách Bãi Trước gần 3000 thước. Bãi hẹp, nóng nhưng rất sạch sẽ.



Đường vòng theo chân Núi Lớn

Hai đầu có nhiều mỏm đá lớn nhỏ nhô ra sau lưng và vòng chảo có cây cối um tùm bao bọc bởi triền núi lớn cao vút, cây lá huyền vũ chen nhau rất thơ mộng. Bãi này cũng nhiều người thích tắm và không sợ nguy hiểm như các bãi khác. Bãi Phương Thảo có vẻ u nhàn cô tịch, hợp với những tâm hồn trầm lặng.

Từ bãi Phương Thảo nhìn lên triền núi lớn, du khách thấy tượng Đức Mẹ lộ thiên giữa cảnh núi rừng hùng vĩ, thĩnh thoảng có nhiều khách nước ngoài đến chiêm ngưỡng.

Du khách đã cùng chúng tôi thăm viếng qua các thắng cảnh dọc theo bãi biển như đã trình bày, giờ đây xin tìm hiểu thêm vài chi tiết núi non ở Vũng Tàu xưa, xuyên qua những đường vòng Núi Nhỏ và Núi Lớn có những gì đặc biệt đáng được đề cao, Vũng Tàu là thắng cảnh nổi tiếng ở nước ta.

NÚI LỚN

Đỉnh cao nhất của núi này chỉ có 249 thước, nhưng đột khởi từ mặt biển, nên trông khá hùng vĩ. Núi Lớn có nhiều cây cối hơn Núi Nhỏ. Trên đỉnh núi cao có đài quan sát của không quân Pháp trước đây, vừa dùng làm đài khí tượng, ở lưng chừng núi, gần Gành Rái, có một đền chiếu biển kiểu đình hỏa. Cả hai cơ sở trên đây không còn dùng nữa. Núi Vũng Mây cao 240 thước. Núi Hòn Sụp cao 250 thước.

Ở triền núi kế Bãi Trước, trên một ngọn đồi cao có một dinh thự 2 tầng rộng lớn. Đó là Bạch Dinh, nơi tạm trú của cựu Toàn quyền Pháp ngày xưa mỗi khi

VŨNG TÀU XƯA

đến hứng gió ở Vũng Tàu. Những lối cổng vào ra, trạm gác, tường rào đều kiến trúc theo lối tây phương thời xưa rất công phu và còn mấy biệt thự xây bằng đá đẹp, xây cạnh cảnh sơn dã hiện ra trước mắt cho đến Gành Rái mới trông thấy ngư cảng Bến Đá. Từ đây, cảnh hoang vu lại tiếp diễn cho đến gần Bến Đình, nơi có nhiều nhà cửa và phố xá.



Đường xuyên sơn vòng vào Bãi Dâu, Gành Rái, Bến Đá

Ngoài ra Vũng Tàu còn có con đường xuyên đồi, nối liền ngã năm đường Trương Công Định cũ với con đường đất đi Long Hải ở Bãi Sau.

Trong dự án mở mang Vũng Tàu ngày xưa, một ngân khoản lớn dành cho việc mở mang con

HUỖNH MINH

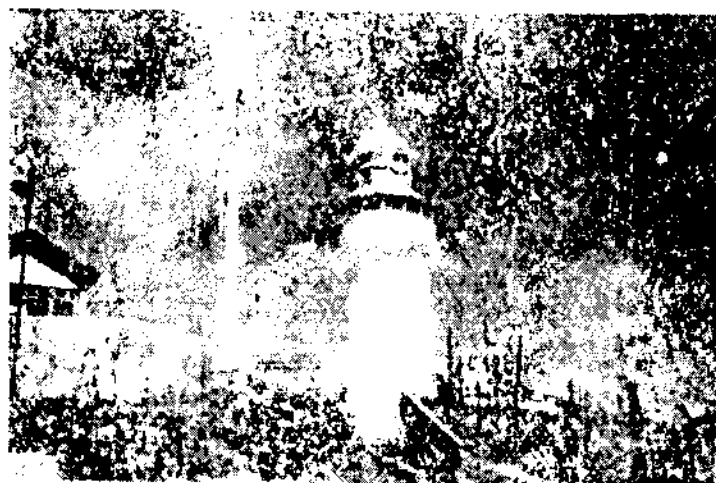
đường Long Hải có thể đến Vũng Tàu mà không quay trở lại con đường vừa mới đi qua.

NÚI NHỎ VÀ NGỌN HẢI ĐĂNG

Núi này diện tích bằng một phần ba Núi Lớn, ngọn cao nhất là 175 thước, trên có ngọn Hải Đăng, gần một ngôi nhà hai tầng khá lớn, vừa dùng làm phòng việc và nhà ở cho ông chủ sự ngày xưa. Nhà này ăn thông với cây Hải Đăng bằng đường hầm.

Hải Đăng là một tháp xây tròn cao lối 18 thước, trên cũng có ngọn đèn hai tia sáng rọi ra xa 30 hải lý, mỗi phút quay tròn 5 vòng. Từ chân núi nhìn lên, sở Hải Đăng như một ngôi thánh đường trắng toát của Đạo Hồi.

VŨNG TÀU XƯA



Đài Hải Đăng, đứng trên ngọn núi nhỏ năm xưa

Trên đài quan sát của đài Hải Đăng có kính viễn vọng để theo dõi tàu bè từ xa lại.

Từ nơi đây, người ta có thể nhìn bao quát được tất cả Vũng Tàu và xa hơn nữa, như Cần Giuộc, rừng sát bao la và các núi rừng thuộc ba tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa), Biên Hòa và Bình Tuy.

Với cách kiến trúc riêng biệt, và sự sắp đặt gọn gàng đẹp đẽ, Hải Đăng là một thắng cảnh của Vũng Tàu, và đã hấp dẫn được rất nhiều du khách lên ngoạn cảnh.



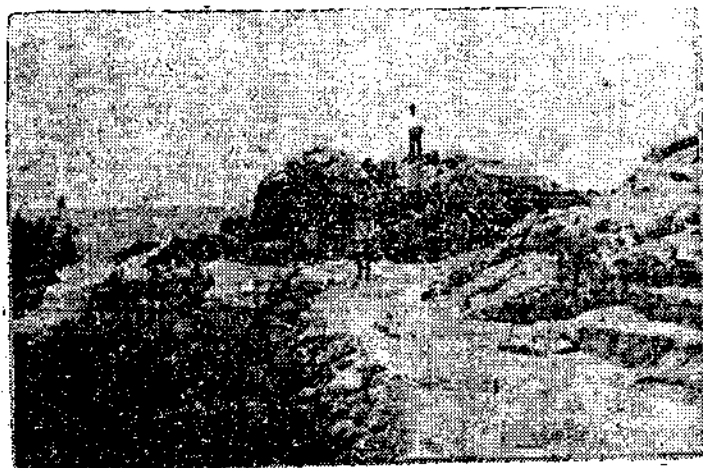
ĐÀI QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

Xuyên qua ngọn Hải Đăng trên Núi Nhỏ, trở về với triền núi chúng ta thấy có rất nhiều chùa, am cốc, tịnh xá cất san sát, đáng chú ý nhất là một pho tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, lộ thiên đứng trước tịnh xá Ngọc Bích cũ của Sư Cô Tạng Liên bên phải du tăng khát sĩ. Tượng đứng trên tòa sen uy nghi hùng vĩ, đôi mắt dịu hiền hướng ra mặt biển.

HÒN HẢI NGŨU (Hòn Trâu)

VÙNG TÀU XƯA

Từ cổng chính của Bạch Dinh nhìn ra biển có một hòn đá rất lớn như con trâu đang dầm mình dưới nước, nên gọi là Hải Ngưu hay Hòn Trâu.



Nhiều người thường đến câu cá ở đây hoặc men theo các kệt đá để bắt cua, còng, cò mọt v.v... Những đêm trăng thanh gió mát, ngồi trên mỏm đá này, phóng tầm mắt ngắm nhìn cảnh vật quanh mình và lắng nghe tiếng sóng rạt rào trong khe đá là một thú vui thanh nhã.

NHỮNG ĐƯỜNG VÒNG NĂM XƯA

Đường vòng Núi Nhỏ năm xưa.

HUỲNH MINH

Đường vòng này dài 6 cây số và ôm sát chân Núi Nhỏ cả bốn bề. Khởi đầu từ Ty Bưu điện xưa chạy dài uốn cong cho đến mũi Nghinh Phong cũ mới vươn mình lên những dốc cao. Rồi từ đó đến Bãi Sau (Thùy Vân) cũ, đường vừa cao vừa quanh co nguy hiểm. Nên đã được Ty giao thông công chánh mở thêm gần hai thước. Từ bãi Thùy Vân về đến Ty Bưu điện đường trở lại bằng phẳng và lượn theo chân núi giữa bưng lầy.

Lượn theo vòng Núi Nhỏ, người ta ngắm được cảnh trời nước bao la của biển Đông Hải, được thở không khí trong lành và mạnh mẽ từ Đại Dương thổi đến, đồng thời đi qua các bãi Dứa, bãi Nghinh Phong và bãi Thùy Vân, cảnh trí luôn thay đổi, và qua Bông Đảo và Lăng Cá Ông.

Đường vòng núi lớn năm xưa

Đường vòng này dài 10 cây số, chạy quanh sườn Núi Lớn cao hơn mặt biển, có nơi trên 40, 50 thước, hai bên lề đường có cây cối rậm rạp, nên trông hùng vĩ hơn vòng Núi Nhỏ, con đường lúc lên lúc xuống lượn quanh như rắn bò.

Trên đường vòng Núi Lớn có biệt thự, Hòn Trâu, có Bãi Dâu và tượng Đức Mẹ. Núi Gành Rái, Bến Đá, Điện Bà, qua khỏi một đôi tới Thích Ca

VÙNG TÀU XƯA

Phật Đài và Bến Đình cũ, phố xá hai bên mua bán có phần huyên náo, xe cộ ngược xuôi tấp lập.

ĐÔI CÁI, MỘT THẮNG CẢNH NÊN THƠ NĂM XƯA

Du khách đã có dịp ra tắm Bãi Sau, tức là bãi Thùy Vân, ngắm xem trời nước bao la, sóng nhấp nhô đánh vào gành đá, gió muôn phương bốn mùa thổi lại, cảnh vật hữu tình của non sông nước biển.

Trước mặt xa xa chân trời xanh thẳm, có những dãy núi giăng ngang một màu đen kịt, đó là núi về phía Long Hải.

Ngoài biển có những chiếc thuyền ngư ông xuôi ngược, giương buồm lướt gió nhấp nhô trên biển cả, gợi cho du khách biết bao nguồn cảm hứng.

Say sưa với cảnh vật thiên nhiên, quay nhìn về phía sau của bãi Thùy Vân, cách đó không xa, du khách còn thấy những đồi cao ngất một màu trắng phau, nằm song song với bãi biển ở hướng Đông Nam tức là bãi Thùy Vân, dãy đồi này chạy từ chân núi Tao Phùng đến Cửa Lấp cũ với chiều dài 10 cây số, đồi thấp nhất cao độ 4.5 thước thuộc khu phố Thắng Tam xưa, có độ cao 32 thước, có nơi rộng 5,3 mẫu tây, cảnh trí rất nên thơ và quyến rũ, những

HUỖNH MINH

tháng hè, ngày lễ, các đoàn học sinh ở Sài Gòn cũng như các tỉnh kế cận thường đến cắm trại, vừa yên lặng, vừa mát mẻ.

Du khách hiếu kỳ muốn tìm thú vui tĩnh mịch cũng thường đến đây thưởng lãm. nép mình dưới bóng tàn cây rợp bóng.

Ngày nay tại Đồi Sim Bãi Sau, chúng tôi còn thấy có dựng lên một ngôi trường trung học mang tên trường Thị Xã Vũng Tàu, xây cất trên ngọn đồi, diện tích 20.800m². Ngôi trường khởi công tháng 9 năm 1968, gồm 12 phòng học, một văn phòng.

Từ một nơi cô tịch, nay trở thành học đường náo nhiệt, vừa khang trang, vừa đẹp đẽ, như tà áo trắng của nữ sinh phấp phới tới lui trong những ngày học, các em nam sinh cưỡi xe đạp, xe máy leo đồi từng đoàn xem rất nên thơ và ngoạn mục.

Đứng trên đồi cao nhìn xuống thấy cảnh núi non hùng vĩ, biển rộng bao la và cả thành phố Vũng Tàu rất nên thơ xinh đẹp.

VŨNG TÀU VỚI THÚ NGÔI XE MÃ (XE NGỰA) XƯA

Như đã trình bày ở các phần trên, “Ô Cấp” ngày trước có nhiều thắng cảnh nên thơ, bởi cảnh trời trắng mây nước, núi rừng, cùng bãi cát trắng

VŨNG TÀU XƯA

phau chạy dài ra biển cả, óng ánh bởi những con sóng xanh xanh đập chồm trên mặt biển.

Ngày xưa “Ô Cáp” còn là một vùng biển không mấy khang trang. Muốn đi du ngoạn một vòng theo triền biển hay vòng quanh dưới chân núi để thưởng ngoạn khung cảnh của vùng này, du khách phải dùng “xe ngựa” để mà di chuyển.

Những cỗ xe ngựa với hai chiếc bánh bằng cây “trắc” với 12 cây cãm cũng bằng cây, với một cái niền bằng cao su cùng hai chiếc gong dài ra độ 2 thước, một con ngựa được bắt kố bằng dây da và luôn luôn bị bịt mắt bởi hai miếng da để không ngó qua ngó lại.

Người đánh xe cứ cầm hai sợi dây cương và một chiếc roi dài, muốn ngựa chạy mau hay chậm tùy theo người đánh xe. Du khách ngồi trên xe ngựa thưởng cảnh thì không còn gì bằng. Khi thưởng ngoạn và cũng để cho du khách hít không khí trong lành của biển cả, cùng những cơn gió từ bốn miền đại dương lùa về, người đánh xe thường cho ngựa chạy rất chậm.

Tiếng cọc cạch của 2 chiếc bánh xe phát ra, đều đều nghe rất êm tai thoải mái. Làm cho du khách ngồi trên xe cảm thấy lâng lâng.

Cách đây 55 năm vào khoảng 1944 – 1945, bãi biển Vũng Tàu “Ô Cáp” rất đìu hiu vắng vẻ, du khách ít ỏi, nhưng không kém phần đẹp đẽ, vì cứ mỗi buổi chiều, những con đường chạy vòng trên mé bãi, hay từ bãi trước ra bãi sau, du khách hay người tắm biển thường dùng chiếc xe ngựa mà di chuyển, bởi vậy từng đoàn xe ngựa nối đuôi nhau từ từ chuyển động dưới bầu trời đầy mát mẻ.

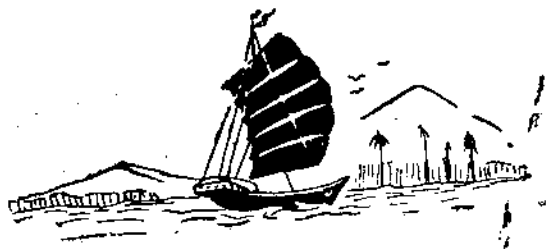
Tuy với chiếc xe ngựa, thoáng nhìn thật là cũ kỹ, sự di chuyển lại chậm chạp nhưng nó đã gây sự thích thú cho những người cần ngoạn cảnh.

“Ô Cáp” đã được hiện đại và đẹp hơn ngày xưa nhiều nhưng thỉnh thoảng vẫn còn những chiếc xe ngựa ấy và cũng có nhiều du khách rất thích đi trên những chiếc xe này. Nhất là người ngoại quốc khi đến Vũng Tàu đều thích ngồi xe ngựa hơn là xe hơi.

Vết tích của những ngày xa xưa còn lại với bãi biển hiền lành ngoài nền cát trắng, với nước xanh, núi rừng bất động, vẫn còn có những xe ngựa cũ kỹ đưa du khách kiếm được nhiều tiền mặc dầu lỗi thời nhưng cũng được ít người mua thêm để đưa khách, để đáp ứng được nhu cầu cho khách du lịch.

VŨNG TÀU XƯA

Dấu tích của những chiếc xe ngựa còn lại ở bãi biển “Ô Cấp” làm cho du khách nhớ lại những gì xa xưa khi ngồi trên chiếc xe nhìn trời, nhìn nước tự nhiên thấy tâm hồn mình thanh thản.



CHƯƠNG V

TÔN GIÁO



ĐÀI ĐỨC MẸ BÃI DÂU TẠI VŨNG TÀU

Những ai có dịp đến Vũng Tàu nghỉ mát đều biết đến Bãi Dâu, một nơi nổi tiếng u nhàn thanh lịch, không nhộn nhịp như Bãi Tầm Dương, Thùỵ Vân, (Bãi Trước và Bãi Sau cũ) năm 1970.

Theo đồng bào trong vùng kể lại, ông bà Nguyễn Hồng Ân tục gọi là ông bà Vệ Ân đến Bãi Dâu khai khẩn đất đai, cất trên triền Núi Lớn một nhà nguyện và xây hai dinh phần kế bên cho đến nay vẫn còn bỏ trống.

Ông bà Nguyễn Hồng Ân gốc miền Trung. Hai ông bà đến Bà Rịa sinh cơ lập nghiệp rồi sau đó tìm đến Bãi Dâu khai khẩn đất đai.

VŨNG TÀU XƯA

Tại đây, ông Nguyễn Hồng Ân, khai khẩn được 21 mẫu tây đất, sau bán lại cho một Pháp kiều, để lại tám mẫu hai hiến cho Hội truyền giáo Ba Lê nay thuộc của nhà chung.

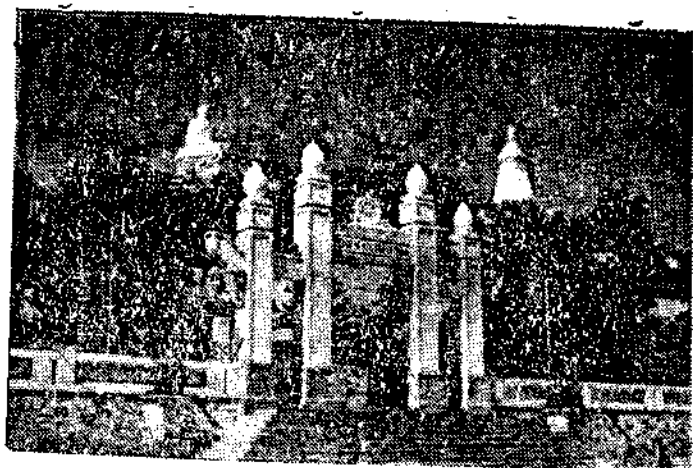
Cũng cần nói thêm, lúc bấy giờ Bãi Dâu còn là nơi hoang địa, núi rừng rậm rạp, ít kẻ tới lui ngoại trừ một ít công nhân và 4 gia đình đồng bào công giáo chuyên nghề rẫy bãi.

Thấy nơi này phong cảnh đẹp xinh, thanh tịnh hợp với những tâm hồn mộ đạo nên nhóm người nói trên xin với Linh Mục Nguyễn Minh Trí, cai quản họ đạo công giáo Vũng Tàu, cho thiết lập đài Đức Mẹ trên triền Núi Lớn cạnh nhà nguyện của ông bà Nguyễn Hồng Ân đã xây cất.

Nhà điêu khắc Văn Nhân, lãnh phần đắp tượng Đức Mẹ ban ơn bằng xi măng trắng cao 5 thước 20, đứng trên bậc thạch cao 1 thước 10.

Tổn phí đắp tượng, chỉnh trang, tu sửa khu nhà nguyện lên đến 500.000 tiền bấy giờ.

Khởi sự từ cuối năm 1962 đến tháng 8 năm 1963 công cuộc thiết lập Đài Đức Mẹ Bãi Dâu mới hoàn thành.



Cửa tam quan Phật Đài Thích Ca năm 1970

Đài Đức Mẹ Bãi Dâu được xây dựng trên triền Núi Lớn trông ra biển Đông, cách trung tâm thành phố Vũng Tàu độ 3 cây số về hướng Tây Nam, nơi quy tụ đông đảo du khách và giáo dân thuộc đủ mọi thành phần xã hội.

Đài Đức Mẹ Bãi Dâu, là một thắng cảnh nổi tiếng nhờ ở vị trí sát biển, có nước biển non xanh và có gió mát trong lành lồng thổi quanh năm.

PHẬT ĐÀI THÍCH CA : ĐỊA ĐIỂM HÀNH HƯƠNG NỔI TIẾNG TẠI VŨNG TÀU

Phật Đài Thích Ca, nơi hành hương nổi tiếng của Vũng Tàu cũ, quanh năm thu hút rất đông khách

VŨNG TÀU XƯA

bốn phương nhờ những nét đặc biệt của một nơi u nhàn thanh lịch.

Vị trí nằm trên sườn Núi Lớn, với diện tích rộng độ 5 mẫu tây, cách chợ Bến Đình thuộc khu phố Thắng Nhì cũ khoảng một cây số, Phật Đài Thích Ca được nổi bật bởi Kim Thân Phật Tổ và một Bảo Tháp cao hình bát giác cách đó độ 50 thước là một ngôi chùa vừa mới xây cất xong cũng kiến trúc theo hình bát giác với lối bày trí giống như vườn Lộc Giả, nơi Đức Phật mở đạo dạy đời.

Vào năm 1957, ông Lê Quang Vinh, một công chức hồi hưu tục gọi ông là Phủ Vinh quê quán tại Vũng Tàu bỏ tiền ra xây cất một ngôi chùa nhỏ bằng gạch, lợp ngói rộng 6 thước dài 9 thước trên sườn Núi Lớn lấy tên là Thiền Lâm Tự để tu hành.

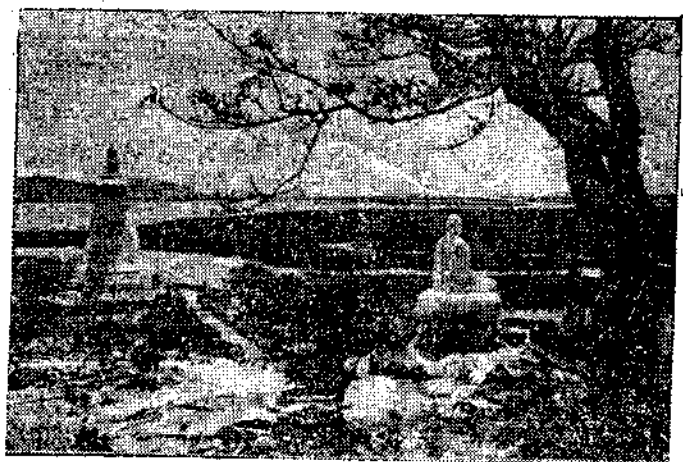
Lúc đầu ông tu theo lối tu sĩ. Một thời gian sau, ông xuất gia đầu Phật hẳn nay đã quá vãng.

Đến năm 1962, Giáo Hội Tiểu Thừa thấy cảnh đẹp thiên nhiên nhất là nhờ ở vị trí thuận tiện cho đường giao thông của khách hành hương lui tới, chứ tăng hợp nhau lại nghiên cứu đồ án xây cất. Đồng thời chung góp tiền bạc kiến thiết vùng này. Người có công nhất đứng ra đôn đốc là ông Nguyễn

HUỲNH MINH

Cao Thăng ở Bà Rịa và đồng bào Phật Tử chung lo góp sức.

Sau hơn 19 tháng xây cất, Phật Đài Thích Ca đã hoàn thành và lễ khánh thành đã được cử hành long trọng đúng vào ngày 14,15 tháng 2 năm Quý Mão, tức các ngày 9 và 10 tháng 3 dương lịch, năm 1963 do một Ủy Ban đứng ra tổ chức gồm 16 nhân viên đứng đầu là ông Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội Phật Học miền Nam Việt Nam bấy giờ.



Lễ khánh thành được đặt dưới sự chứng minh của Đại Đức Narada Maha Théra, Đại Đức Bửu Chân, Tăng Thống Giáo Hội Tăng Già Nguyên

Thủy Việt Nam cùng một số chư vị Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni.

Cũng cần nói thêm, Thiền Lâm Tự đã được đồng thời tái thiết và mở rộng 11 thước bề ngang, 11 thước bề sâu, cất bằng gạch lợp ngói, lát gạch bông, bên cạnh có một nhà tạm trú dành cho khách thập phương đến hành hương, nhà tạm trú rộng 14 thước vuông. Lợp tôn xi măng, cột gỗ nền tráng xi măng, tổn phí gần 300.000 đồng tính theo giá lúc bấy giờ.

Chi phí xây cất toàn khu Phật Đài Thích Ca lên đến trên 10.000.000 đồng tiền bấy giờ.

Muốn lên Phật Đài Thích Ca, trước hết người ta phải qua một cổng to 3 cửa xây bằng bê tông cốt sắt với một bậc thạch xây lượn khúc dài 80 thước để đến Thiền Lâm Tự và từ Thiền Lâm Tự đến Bảo Tháp và Kim Thân Phật Tổ người ta phải qua một bậc thạch thứ 2 dài 20 thước.

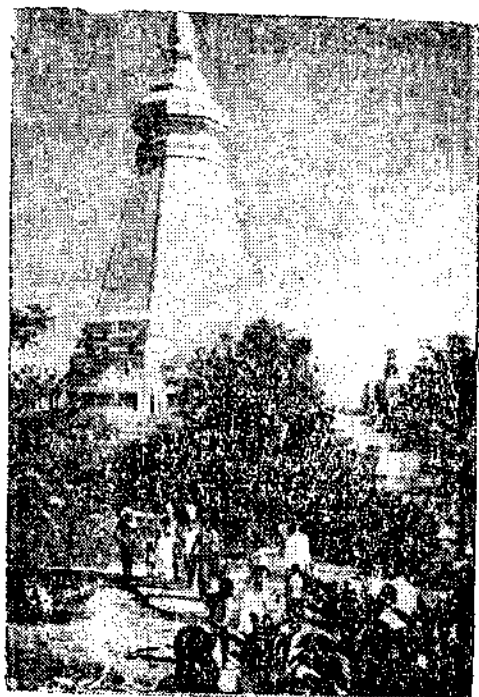
Kim Thân Phật Tổ được đúc bằng bê tông cốt sắt sơn màu trắng tuyết cao 6 thước 20, bên trong có ba viên ngọc Xá Lợi Đức Thích Ca Mâu Ni, mặt nhìn về hướng đông, ngồi xếp bằng trên một tòa sen cao 4 thước với đường trục kính 6 thước.

HUỲNH MINH

Cách đó độ 50 thước là Bảo Tháp cao 19 thước hình bát giác cũng sơn màu trắng tuyết, bên trong yên vị 13 viên ngọc Xá Lợi.

Bảo Tháp
dựng trên vườn Lộc
vua

Bên trong đựng ngọc
Xá Lợi



Tất cả các
viên ngọc Xá Lợi
này đều do các
nước Tích Lan,
Miến Điện, Thái
Lan hiến cúng và
do Đại Đức
Narada và Đại

Đức Bửu Chân đích thân thỉnh về.

Đặc biệt nơi 4 góc Bửu Tháp có 4 đỉnh đặt 4
chung đất thỉnh tại Lumbili, Uruvlla, Isipatana và
Kusinara, nơi Đức Phật đản sanh. Thành đạo,
chuyển pháp luân và nhập Niết Bàn, để tiêu biểu
cho 4 chỗ “Động Tâm” ở Ấn Độ.

VŨNG TÀU XƯA

Bảo Tháp và Kim Thân Phật Tổ được xây cất rất kiên cố, khả dĩ chống lại được sức tàn phá của phong sương, giông bão để bảo tồn được một công trình vĩ đại và vô giá của Phật Giáo đồ Việt Nam.

Như trên đã nói, Phật Đài Thích Ca vừa mới hoàn thành thêm một ngôi nhà gần Bảo Tháp và Kim Thân Phật Tổ với lối kiến trúc tinh vi tượng trưng cho vườn Lộc Giả, nơi Đức Phật chuyển pháp luân.

Ngôi nhà này xây bằng bê tông cốt sắt lát gạch bông, hình bát giác, rộng 10 thước cao 15 thước, chính diện hướng ra biển Nam Hải.

Trên nóc có đức hình cây đuốc tiêu biểu cho “đuốc huệ” có nghĩa là Đạo Phật là Đạo mở trí sáng suốt cho người.

Kế “đuốc huệ” là “thập nhị nhân duyên” xây 12 nấc được gắn gạch bông. Bên dưới xây hình 4 mặt tức “Tứ Diệu Đế” ngụ ý nhắc lại bốn chân lý của Đức Phật là Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

Bên trong ngôi nhà có xây một bàn thờ để thờ Đức Phật Thích Ca có năm vị Kiều Trần như là đồ đệ đầu tiên của Ngài đứng hầu, gọi là “Bát

HUỲNH MINH

Chánh Đạo” nghĩa là hình bát giác, có tám mặt, mỗi mặt đều có ghi Phật Ngôn dạy đời áp dụng con đường tám nẻo, đó là Chính Kiến, Chính Tư Duy, Chính Ngữ, Chính Tinh Tấn, Chính Niệm và Chính Định.

Vườn Lộc Giả là nơi động tâm thứ ba, chính nơi đây Đức Phật mở đầu khai giảng Đạo Pháp của Ngài.

Theo kinh sách, hai tháng sau khi đắc đạo, Đức Phật trong cuộc Hoằng Dương Phật Pháp, đã gặp năm vị đạo sĩ tại vườn Lộc Giả rồi thu nhận làm đồ đệ và truyền dạy giáo pháp. Ngài đã giảng cho năm đồ đệ nghe về con đường có tám chi ấy là Chính Kiến, Chính Tư Duy, Chính Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Mạng, Chính Tinh Tấn, Chính Niệm và Chính Định. Đức Phật cũng giảng tiếp về bốn chân lý : Khổ, nguồn gốc của Khổ, nơi diệt khổ và con đường diệt khổ, tức là Tứ Đế, Khổ, Tập Diệt, Đạo.

Phật Đài Thích Ca không những là một công trình xây dựng đồ sộ của tín đồ Phật Giáo Việt Nam đóng góp mà còn là thắng cảnh nổi tiếng của Vũng Tàu cũ, đã thu hút rất đông du khách trong nước và

VŨNG TÀU XƯA

ngoài nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Hoa, Thái Lan, Ai Lao. Đông đảo nhất vào dịp Tết Nguyên Đán và những ngày rằm tháng tốt.

Trong những buổi chiều, ta đứng trên Phật Đài Thích Ca nhìn xuống thấy cửa nhà chen chúc và xa hơn nữa là biển rộng trời cao một màu xanh xám, khách nhàn du cảm thấy đang đứng trước một thế giới riêng biệt, của thế giới dẫn đến con đường yên vui, tâm trí được thanh thoi.

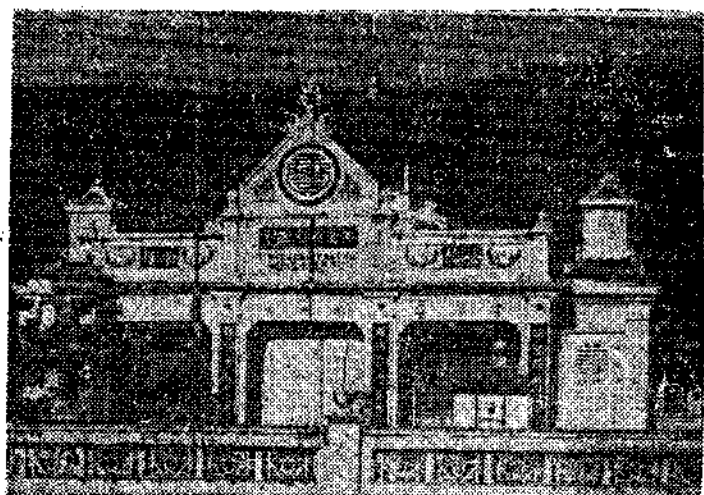
Về đêm, trong những dịp trăng tròn, ngồi nhìn cảnh vật ẩn hiện bởi vầng mây che khuất ánh trăng, thỉnh thoảng ngập vang tiếng chuông chùa cao vút rồi im bật, du khách tưởng chừng như lọt vào cõi thiên thai, không còn bận bịu với nỗi nhọc nhằn nơi thế tục.

CHÙA TỊNH ĐỘ CƯ SĨ

Trình bày cùng quý độc giả qua các giáo phái hiện hữu của Vũng Tàu cũ. Chúng tôi thấy phải đề cập đến “Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Học Hội Việt Nam” là một Hội Phật của những người tu tại gia, tức cư sĩ, tu theo Tông Tịnh Độ.

HUỖNH MINH

Chùa Tịnh Độ cư sĩ tại Vũng Tàu xây dựng khoảng 1960, chùa mang tên Hưng Hiệp Tự cất theo lối xưa, những ngôi Đông Lang Tây Lang, nhà đường bệnh, kiến trúc theo lối chùa cải cách, bên trong trang trí rất trang nghiêm. Nhìn vào vừa cao ráo mát mẻ, vừa thoáng khí.



Tôn chỉ của chùa Tịnh Độ cư sĩ là thực hiện chủ nghĩa Từ Bi Bác Ái của nhà Phật, cứu nhân độ

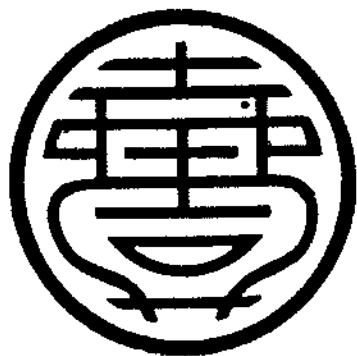
VỮNG TÀU XUA

thế, tự giác tha, giác hạnh viên mãn. Để thực hành chủ nghĩa ấy, Đức Tôn Sư Minh Trí người gốc Sadéc sáng lập Tịnh Độ cư sĩ, ngài đã liễu đạo vào năm 1959, chủ trương của Tôn Sư là “Phước Huệ Song Tu”, trước là cứu khổ ban vui cho đồng bào, sau là để dẫn dắt thiện Nam tín Nữ, tín đồ của Tịnh Độ Cư Sĩ trên con đường giải thoát.

Hội quán trung ương là chùa Hưng Long Tự ở Sài Gòn, đại lộ Nguyễn Tri Phương, và mỗi tỉnh phía Nam, đều có nhiều chùa chi hội, tất cả đều khởi đầu bằng chữ Hưng.

Trên cột trụ phướn trước chùa, những ngày lễ ngày vía Phật Đạo kỳ phát phối là chữ Nhất màu đỏ nằm trên nền vàng, viền trắng bao quanh một vòng tròn, tiêu biểu cho sự duy trì danh hiệu Đức Phật A Di Đà đến “Nhất Tâm Bất Loạn”.

HUỲNH MINH



Dấu hiệu Tịnh Độ cư sĩ Phật Hội Việt Nam

Hội Tịnh Độ cư sĩ Việt Nam được đồng biết nhiều nhờ hành vi “Tu Phước” và mỗi chùa Chi Hội là mỗi phòng thuốc Nam phước thiện xã hội, luôn luôn sẵn sàng ứng phó để nâng đỡ cứu giúp cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn, và mỗi chùa Chi Hội là một phòng thuốc Nam phước thiện, hốt thuốc, châm cứu, chữa mắt, đón rước tất cả bệnh nhân không phân biệt sang hèn, đặc biệt là không hề nhận tiền bạc, lễ vật của bệnh nhân.

TỊNH XÁ NGỌC HƯƠNG

Một tịnh
xá khang trang
núp mình trong
cảnh u tịch trên
Núi Nhỏ của
Giáo Hội Tăng
Già Khất Sĩ Việt
Nam.

Tịnh xá Ngọc
Hương phía sau Núi
Nhỏ.



Các Phật Tử địa phương cũng như khách lữ
du thường tới lui thăm viếng, dâng hương lễ bái và
cúng dường cho chư tăng, đó là tịnh xá Ngọc Hương
sáng lập vào năm 1958.

HUỖNH MINH

Tôn Sư Minh Đăng Quang người khai sáng.

Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam

Tác giả bộ Chân Lý

Một trong những đệ tử của sư Minh Đăng Quang, được sự yêu mến và hết lòng chỉ giáo, là Thượng Tọa Giác Nhiên, ngày nay ra đất Vũng Tàu tìm một địa điểm thanh tịnh, cảnh vật u tịch, có nhiều cây to bóng mát, ở mé sau Núi Nhỏ



thuộc về xã Thắng Tam. Khu đất này rộng trên 5 mẫu, Thượng Tọa khai khẩn xây cất tịnh xá và cũng làm nơi nghỉ cho các Sư trên bước đường hành đạo khi mệt nhọc ra đây dưỡng sức, hưởng không khí trong lành của miền núi biển.

Thượng Tọa đã xúc tiến việc xây cất tịnh xá rất nhanh chóng, không đầy một năm mà tịnh xá đã hoàn thành. Tịnh xá cất theo kiểu bát giác, nền cao

VỮNG TÀU XƯA

lát gạch bông, rộng rãi, ở xa nhìn lên phong cảnh thiên nhiên thơ mộng.

Về cảnh thờ phụng, bên trong chính điện chỉ thờ một pho tượng Phật Tổ Thích Ca Như Lai, sơn son thếp vàng long lẫy, ngự giữa tòa sen.

Trước tịnh xá có một cây bồ đề cành lá xanh tươi và đang mọc nhánh đâm chồi. Cây bồ đề này chính gốc ở Ấn Độ nơi Đức Phật Thích Ca tọa thiền khi xưa. Do Hội Thông Thiên Học Sài Gòn qua đó triết nhánh thỉnh về hiến cho Bồ Đề Đạo Tràng ở Châu Đốc, hội này chiết ra tặng cho tịnh xá trồng đến hôm nay.

Một dãy nhà cửa huyền, một nhà Sa Di, một nhà khách Tăng, một trường học có hai lớp, và nhà khách cất chung quanh tịnh xá, mỗi nơi đầy đủ tiện nghi, những ngày lễ cúng hoặc ngày Tự Tứ, thiện tín ở xa về dự lễ nghỉ ngơi.

Trước sân và hai bên có trồng nhiều loại cây ăn trái : lựu, măng cầu, nhãn.

Cách đó không xa, những cây cổ thụ sống trên nhiều thế kỷ, cành lá sum sê.

HUỖNH MINH

Từ trên tịnh xá nhìn xuống mặt lộ có hai con đường bằng đá trắng xi măng, xây từ nấc thang lên chính điện chừng 70 bậc, mỗi bậc cách nhau chừng hai tấc dài trên 50 thước, mé bên phải lên nhà khách cũng có con đường uốn mình theo những khúc quanh thẳng lên núi.



Các chư tăng ngồi dưới cột lâm vô trên núi phía sau tịnh xá

Từ dưới chính điện tịnh xá, theo đường mòn lên gần tới cốc của Thượng Tọa, đường dốc không bằng phẳng, gặp phải những tảng đá gồ ghề nằm bên vệ đường nhỏ hẹp, cách xa xa có những cốc của các nhà sư dựng lên mỗi vị một cái nhỏ để che

nắng, mưa an trú tại đây lo việc tu hành của người khất sĩ.

Bên vệ đường và theo triền núi có trồng một ít cây khuynh diệp cành lá la đà một màu xanh biếc, phát phơ cuốn theo chiều gió tung tăng đưa qua đưa lại, giống như cây thủy liễu, cảnh vật hữu tình đầy thơ mộng.

Cạnh bên có cây lâm vô cành cỗi cành lá phủ che như cây lọng bóng mát suốt ngày, trong lúc nóng bức các nhà sư thường ra đây tham thiền và luận đàm.

Rảo bước quan sát, chúng tôi còn thấy một hồ nước lớn chứa nước mưa dùng quanh năm không hết và có thêm một cái giếng nước ngọt để cho các chú tăng tắm gội giặt y áo.

Chúng tôi lên cao đứng trên một tảng đá, nhìn xuống thấy mặt biển, thành phố Vũng Tàu và nhà cửa cạnh xóm vườn cái cao cái thấp, đường sá quanh co giống như bức họa đồ trên máy bay chụp xuống. Về đêm những đèn đủ màu từ trong các nhà hàng, biệt thự chiếu rực rỡ, lấp lánh như sao giăng. Đứng một hồi lâu ngắm cảnh thấy lạnh cả người. Gió từ đại dương vọng lại quanh năm bốn mùa.



Thượng Tọa Thích Giác Nghiêm

Tổng trị sự Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam

Mỗi tháng có bốn ngày cúng hội tại tịnh xá, 30, ngày rằm, mừng 8 và 23, các Phật tử địa phương qui tụ về đây nghe Kinh học Pháp.

Đôi năm mỗi tịnh xá có tổ chức lễ Tự Tứ, các nơi Tăng Ni cũng như Phật Tử ở xa và các đại diện

VŨNG TÀU XƯA

mỗi tỉnh về dự rất đông trong ba ngày, có thuyết pháp và làm lễ qui y cho Phật Tử, phóng sinh chim và ấn tống kinh sách, các Phật Tử dâng y bát cúng dường chư Tăng.



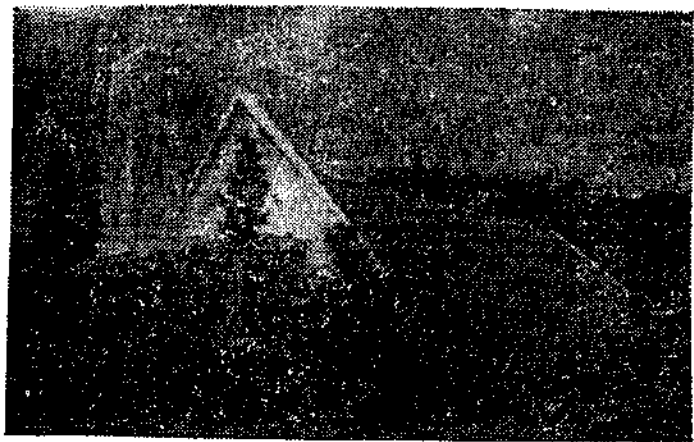
Các Phật Tử cùng dâng y bát cho chư sư trong ngày Tự Tứ

Tại Vũng Tàu có tất cả 4 cái tịnh xá, hai của bên nhà Sư, và hai của quý Sư Cô, hằng ngày lo việc tu hành và đóng góp vào việc từ thiện.

Ngày nay khắp các tỉnh ở miền Nam đều có Tịnh Xá của Tăng Ni khát sĩ chi ra nhiều đoàn, mỗi đoàn đều có vị Thượng Tọa trưởng đoàn, bên Ni

HUỲNH MINH

Giới cũng vậy. Để truyền bá giáo lý của Đức Như Lai. Riêng về Thượng Tọa Giác Nhiên, từng đứng ra xây cất rất nhiều tịnh xá khắp các tỉnh trong Nam, nơi nào cũng có nhiều Phật Tử qui y. Tại Gia Định còn có “Trung tâm tịnh xá” có trên 50 nhà Sư ở đây ngày lo hành đạo.



Ngôi giáo đường ở Bến Đá

Năm 1954, một số giáo dân di cư vào Nam, đến lập nghiệp ở Vũng Tàu, Thanh Thới, Cần Giờ. Họ ở trên một hòn đảo nhỏ, bốn bề trời nước bao la cuộc sống ở đây rất khó khăn, mỗi lần muốn vào đất liền mà gặp sóng lớn gió to thì rất nguy hiểm,

VŨNG TÀU XƯA

và do phong thổ không hợp, nên nhiều người sinh bệnh tật ốm đau.

Trong số hơn một ngàn giáo dân ở đây, một số dân quyết định theo cha sứ Linh Mục Nguyễn Đăng Quang tìm đường vào đất liền. Đó là vào khoảng năm 1958, và họ bắt đầu đặt chân đến Vũng Tàu.

Ban đầu giáo dân đồn cây, dọn chỗ bằng phẳng dựng tạm một giáo đường mái tôn nhà gỗ để có chỗ mà hành lễ, ngôi giáo đường đơn sơ khi ấy ở sát dưới mé biển, là một ngôi nhà năm căn.

Đến năm 1963, đồng bào một số vùng khác kéo đến sinh cơ lập nghiệp càng đông, họ cất nhà dọc theo khu vực Cát Lở, Ngõ Năm, Bến Đình, Sao Mai, Bến Đá, lúc này ngôi giáo đường trở lên quá chật chội, mỗi khi hành lễ. Linh mục chánh xứ Nguyễn Đăng Quang huy động giáo dân đóng góp để xây một ngôi giáo đường khang trang hơn, bề thế hơn.

Giáo đường Bến Đá từ đó trở thành một ngôi giáo đường nổi bật. Hơn nhiều ngôi giáo đường khác

HUỶNH MINH

ở Vũng Tàu, giáo đường đứng trên triền núi cao, quay mặt ra biển hai bên dựng tượng đài Đức Mẹ và thành phêrô, trên nóc nhà thờ là một lầu chuông cao vút, năm 1972 số giáo dân ở giáo phận Bến Đá này đã lên đến 3.000 người, gồm hai khóm Bình Lợi và Bình Hải.

Du khách đi ngang qua ngôi giáo đường nguy nga nằm trên triền núi này, nghe tiếng chuông ngân, thấy yêu những buổi chiều xứ đạo hiền hòa.



Ngôi Phật Bửu Tự tại đường Nguyễn Thái Học

BA NGÔI PHẬT BỬU TỰ CỦA GIÁO HỘI THIỀN TỊNH ĐẠO TRÀNG

Chúng tôi xin nói đến ba ngôi Tam Bảo Phật bửu tự tại Vũng Tàu để bạn đọc hiểu qua tôn chỉ của giáo hội chủ trương ra sao.

Một ngôi đầu tiên tọa lạc tại Ngã Năm gọi là Nóm Chùa gần xa cảnh, cảnh trí thanh tịch, chu vi khá rộng lớn, có trồng nhiều loại cây ăn trái, mận, nhãn và xoài v.v... Ngôi chùa này nằm trên một khu đất lối ba ngàn thước vuông, xây cất đã lâu năm qua, do Hòa Thượng Thích Minh Trực khai sáng.

Ngôi Phật bửu tự thứ nhì là chùa Tân Tạo, tọa lạc tại số 41, đường Nguyễn Thái Học Vũng Tàu khi xưa, vị trí nằm trên diện tích ba ngàn thước vuông thuộc đất công thổ, chung quanh có vườn cây rợp bóng, trước sân rộng, cây cối ngay hàng thẳng lối, cảnh vật xanh tươi khoe màu sắc sỡ. Trước sân có một cửa tam quan với hàng rào bằng gạch xây dựng đồ sộ nhưng rất mỹ quan. Đứng xa nhìn vào thật là cảnh đẹp nên thơ, huyền ảo, người ngoại quốc mỗi khi đến Vũng Tàu, cũng như du khách thập phương thường tới lui thăm viếng và chụp ảnh.

HUỖNH MINH

Ngôi chùa này là một trong những ngôi chùa lớn nhất ở Vũng Tàu khi xưa, có thể nói là một ngôi Đại Già Lam.

Do Hòa Thượng Thích Minh Trục sáng lập từ năm 1964, hai bên có cất dẫy Đông lan và Tây lan, phía sau có nhà Hậu Tổ, và dẫy nhà nữ giới, sắp đặt rất cân đối, vào bên trong chính điện lễ Phật, nhìn lên giữa phương trượng, thấy thờ Tam Thế Phật Di Đà, Thích Ca Di Lạc.

Ba vị Phật này là tượng trưng cho quá khứ, hiện tại và vị lai, gọi là Tam Thế Phật, mỗi bức tượng, cao đến hai thước năm.

Vị đương kim trụ trì chùa này lúc bấy giờ là Đại Đức Thích Chân Nghi ngoài 50 tuổi do giáo hội đặc trách ở đây và 45 chư tăng thường xuyên công phu bám sát hàng ngày và chăm lo Phật sự.



PHẬT BỬU TỰ

Phật Bửu Tự thứ ba khởi tạo trong năm 1970 tại Bãi Dứa, đường Võ Tánh chạy thẳng ra bãi Thuy Vân cũ, vị trí nằm trên triền núi cao chung quanh chừng hai ngàn thước vuông, dọc theo lề đường, sát mé biển, cảnh này rất mát mẻ, trên thì có núi, dưới thì có biển, giống như một bức tranh sơn thủy, du khách thường tới lui ngoạn cảnh. Chúng tôi được biết, giáo hội sắp dựng một pho tượng Quan Thế Âm lộ thiên, cao 12 thước gồm cả đài, hướng ra biển Nam Hải, với một ngôi Tam Bảo cũng gọi là Phật Bửu Tự. Cạnh bên chân núi có một ngôi tu viện gọi là Thiền Viện Đạo Tràng để sau này dành cho các vị chân tu Thiền căn thẳng sĩ của phái Thiền Tông, tức là trong pháp môn Thiền Tịnh Đạo Tràng, tu viện này sẽ trở thành một cơ quan tiếp nhận thiện căn tu hành giải thoát theo ý nghĩa của đạo Phật.

Chúng tôi đã nêu lên một số giáo đường, ngôi chùa xây cất để truyền bá đạo pháp rải rác trong khu phố ở Vũng Tàu khi xưa, nhưng đây là một số điển hình và còn nhiều ngôi chùa, nhà thờ, thánh thất, am cốc khác nữa song chúng tôi không thể trình bày hết được.

HUỖNH MINH

Tôn giáo chính của dân Vũng Tàu là Phật giáo và Công giáo. Tín đồ Thiên Chúa Giáo sống nhiều nhất tại khu phố Thắng Nhứt, Phước Thắng và Thắng Nhì cũ, trước đây là những trại định cư

Các cơ sở truyền bá đạo giáo gia tăng nhanh, nhất là Bãi Trước từ Cầu Đá chạy vòng theo chân Núi Nhỏ ra tới Bãi Dứa cũ, có rất nhiều chùa dựng lên trang trí lộng lẫy đều quay ra mặt biển.

Trở qua vòng Núi Lớn, từ Bạch Dinh vào Bãi Dâu thẳng tới Gành Rái và Bến Đình cũ, nhà thờ, chùa, tịnh xá, am cốc mới xây cất trong những năm gần đây cũng rất nhiều ở mặt trước Núi Nhỏ.

Theo sự quan sát của chúng tôi : Chùa, nhà thờ ở Vũng Tàu với con số kỷ lục chưa tỉnh nào sánh kịp.

ĐỀN BÀ TRAO XÃ SƠN LONG BÀ RIÀ NĂM XƯA

Xã Sơn Long ở trên hòn đảo khá lớn ở bìa Rừng Sát, bốn bề sông biển bao quanh, giữa đảo nổi lên hòn núi đất uốn quanh hình con rồng nên gọi là Sơn Long.

VŨNG TÀU XƯA

Núi Sơn Long không cao, rừng Sơn Long không rậm, nhưng cũng là một nét điển hình đối với cảnh sinh lầy, bằng phẳng của Rừng Sát bao la. Trong cảnh sắc thanh u ấy, đền Bà Trao đẹp đẽ và đồ sộ nổi bật lên trước mắt mọi người.

Đền này thờ Đức Khổng Phu Tử do ông cố Lê Văn Mưu tục gọi ông là Trần (vì ông hay ở trần), gốc ở Hà Tiên xây dựng sau khi ông về đây khai đất đai và chiêu dân lập ấp.

Đền kiến trúc theo lối cung điện nhà vua, tuy nhỏ bé hơn nhưng có đặc sắc riêng vì hầu hết các đền chính đều có tầng lầu. Đền chính làm theo hình chữ “Khẩu” bốn phía đền dài, nhà cửa liên tiếp với nhau. Từ gác chính điện, có một nhíp cầu cây cao hơn mặt đất đến 9,10 thước, ăn thông qua gác một ngôi nhà rất lớn, cao tới 17,18 thước, rộng 20 thước, dài trên 60 thước.

Trước đền có hai nhà tiếp tân trang trí rất thanh lịch, có vườn hoa, chậu cảnh và hồ nước thả sen thật là vui mắt.

Trong đền, dưới nhà cũng như trên gác, những bàn thờ và ký tự đều bằng gỗ quý, chạm trổ hoặc cẩn xà cừ rất tinh vi hoặc bằng đồng bóng

HUỖNH MINH

loáng, bằng xứ rất đẹp. Trên trần rủ xuống những tấm nghi môn sặc sỡ đủ màu, ở các cột và trên các bàn thờ treo những câu đối, hoành phi vàng son chói lọi. Tại chính điện phía sau bàn thờ Đức Khổng Tử, là nơi thờ Ông Trần. Nơi đây ta thấy giường, văng, ghế, bàn mà lúc sinh thời ông vẫn dùng, trông rất oai nghi.

Tiệc là trong những đồ vật trưng bày ở đây, một số đồ quý giá đã bị cướp và đánh lầy từ lâu. Nên chỉ còn những thứ đẹp thì có đẹp nhưng không có cổ vật nào đáng kể, ngoài một bộ bàn ghế và tràng kỷ chạm rồng và “bát tiên” rất công phu bày ngay phía trước chính điện. Bộ bàn ghế này nghe nói trước kia là đồ ngự dụng của vua Thành Thái, khi ngài bị an trí tại Vũng Tàu. Sau khi Ngài bị đưa qua đảo Réunion, bộ bàn ghế này đem phát mãi, một người “Tây” mua được sau bán lại cho ông Trần.

THIÊN THAI TỰ HAY CHÙA MỘT CỘT

Là một ngôi chùa to lớn và rất kiên cố, xây cất lại ở ngay chân núi Cô Sơn, cách kiến tạo không cầu kỳ và cổ kính, nhưng xây toàn đá hoa cương rất

VŨNG TÀU XƯA

chắc chắn. Những đồ nghi trượng phần lớn kiểu tân kỳ và nhờ sự trưng bày khéo léo của vị sư trụ trì biết hòa hợp với cây cảnh, chậu lan nên trông rất đẹp mắt.

Điểm đặc sắc của chùa là bệ thờ ở chính giữa cũng xây bằng đá hoa cương. Bệ hình vuông, cao trên 2 thước, bốn góc có bốn cột và ở giữa bệ có cây cột thứ năm cao đến tận nóc chùa, bốn phía của cây cột chính này có đặt khảm thờ. Mặt tiền là tượng Di Đà, sau là Phật Chuẩn Đề, bên tả là Phật Thích Ca, bên hữu là Phật Quan Âm, vì có cây cột chính yếu đó mà người ta quen gọi là “Chùa Một Cột” gọi lên trong lòng người lữ khách hình ảnh của ngôi chùa xưa nhỏ bé, nhưng là một công trình đặc sắc của nền kiến trúc Á Đông, tại Thăng Long Cố Đô. Chùa Thiên Thai cũ do sư Huệ Đăng xây dựng lối 60 năm trở lại đây.

CỬU LIÊN ĐÀI

Ngôi chùa nhỏ này là một bộ phận của Thiên Thai Tự, và cách xa chùa chính lối 300 thước. Xây cất vào năm 1933, mô phỏng theo đền đài Ấn Độ nhưng không cầu kỳ, nền chùa và tường phía dưới bằng đá hoa cương, mặt đá được mài bằng phẳng rất

HUỖNH MINH

công phu, tầng trên xây gạch, bốn nhà vuông ở bốn góc ngoài kết hợp với một nhóm năm nhà nhỏ hơn có lầu ở giữa như hình hoa chanh, tổng cộng 9 cái nên gọi là Cửu Liên Đài.

Tại chánh điện, ở dưới cũng như trên gác, trưng bày giản dị chỉ có tượng Đức Thích Ca khá lớn ngồi trên bệ gạch mà thôi. Tuy nhiên, cách bố cục toàn diện Cửu Liên Đài với những mái cong đỏ chót rất ăn nhịp với những bồn hoa, chậu cảnh bày biện trước mặt tiền.

Tất cả những đền đài gọn gàng và lạ mắt ấy in hình xuống ao sen vòng bán nguyệt, giữa một vùng rộng lớn hoang vu và tịch mịch ... Khách lãng du mơ hồ như lạc vào một cảnh thần tiên.

LONG HOÀ TỰ

Trên đường Phước Lễ đi Long Hải, ngay cây số 5 km 500, rẽ tay trái, theo con đường đá nhỏ lối 300 thước thì lên Long Hoà Tự.

Ngôi cổ tự này được lập nên trên 100 năm nay, trải qua mấy lần trùng tu và mở rộng, lần cuối cùng vào năm 1942 nên cách kiến trúc lẫn lộn cổ kim. Từ cổng Tam quan đến hai ngôi chánh điện,

tường vách phần lớn xây bằng đá hoa cương màu xám, làm tăng vẻ trang nghiêm.

Trong 3 ngôi nhà lớn kế tiếp làm nơi thờ Phật cách bài trí rất đơn giản. Phía sau chùa, trên một tảng đá lớn có một ngọn tháp 4 tầng, tuy không cao lớn nhưng giữ nguyên được nét cổ kính thời xưa.

DINH CỐ

Dinh Cố hay Cô Sơn Thánh Mẫu, thờ Bà Thiên Hậu Quân cũng ở trên con đường đá nhỏ này, cách Long Hòa Tự lối 2 cây số. Ngôi đền này trước đây cũng khá lớn, nhưng bị tàn phá trong những biến cố và sau này mới được thập phương bá tánh trùng tu được một nửa, vì vậy đền không có vẻ cổ thời, nhưng cất trên ngọn núi Cô Sơn (có hơn 200 bậc đá rộng rãi đi lên đến đỉnh) từ hành lang nhìn quanh tứ phía, phong cảnh thực là đẹp mắt, đặc biệt nhất là Cửu Liên Đài cách chân núi chẳng bao xa.

Theo những hàng chữ Hán khắc trên một tấm bia cẩm thạch bị vỡ và khuyết mấy chỗ thì đền này do một hòa thượng, cuối đời Mãn Thanh lập ra để thờ vị Thần Nữ đã phù hộ an toàn cho ông ta và

thủy thủ, khi thuyền buôn đi ngang qua mũi Kỳ Vân và lâm nạn ở đó.

BÃI TẮM LONG HẢI NĂM XƯA

Bãi biển Long Hải cách Phước Lễ 16 cây số, chạy dài theo dãy núi Châu Long và Châu Viên. Long Hải tuy ít cây cối và chỉ có một con đường độc đạo chạy đến mũi Kỳ Vân, nhưng nhờ bãi biển sạch sẽ và làn nước trong xanh nên hấp dẫn khá đông du khách. Nơi đây đã thấy nhiều khách sạn và lữ quán rất đẹp đẽ, nguy nga, làm tăng vẻ đẹp của Long Hải lên rất nhiều.

Dãy núi kế bên, cao bậc nhì ở Phước Tuy, có nhiều cảnh xưa nổi tiếng và có những tên rất đẹp và nên thơ như chùa Vân Sơn, Mai Sơn, Ngọc Tuyền, Bồng Lai v.v...

Nếu có thì giờ, khách du ngoạn cũng nên mượn thú dâng sơn để lễ Phật và ngoạn cảnh, đồng thời tắm mình trong bầu không khí nhẹ nhàng thanh thoát ở đầu non.

BÃI TẮM NƯỚC NGỌT

Cách Long Hải lối 4 cây số. Từ Long Hải đến Nước Ngọt có con đường nhựa quanh co lượn khúc giữa rừng cây thanh u và những biệt thự xinh xắn ẩn hiện trong những khu vườn rất ngoạn mục. Qua khỏi vùng này, con đường uốn quanh theo bờ biển, một bên là núi cao, một bên là biển cả với những đợt sóng bạc đầu dồn dập xô vào những gành đá khá kỳ khu, tung bọt lên cao trắng xóa với tiếng ì ầm suốt đêm ngày.

Tại Nước Ngọt không có bãi tắm lớn, nhưng giữa những vùng lỏm chổm đá, thỉnh thoảng lại có một bãi tắm nhỏ, xinh xinh và kế đó có nhiều quán lá bán thức ăn uống. Nhà cửa và biệt thự ở đây không có chi đáng chú ý, nhưng cũng vì thế mà người ta có cảm tưởng gần gũi thiên nhiên hơn.

SUỐI NƯỚC SÔI

Nằm vào phía Bắc đường liên tỉnh 23 (Phước Lễ – Hàm Tân) cũ khoảng cây số 47, có ngã rẽ vào suối, cách Phước Lễ cũ độ 50 cây số.

Suối nước sôi gồm nhiên hồ nước, lớn có nhỏ có. Trung tâm suối là một hồ nước nóng hình chữ nhật rộng độ 50 thước vuông, quanh năm sôi lên tít,

HUỖNH MINH

hộc lên hơi, nóng độ 70 độ, tràn chảy rĩ rả ra mặt hồ, theo lòng lạch thông từ hồ này đến hồ khác.

Dù nước nóng đến độ cao, cây cối vẫn tươi tốt, rậm rạp chung quanh và tại miệng suối điểm thêm vào các loại hoa rừng và cỏ dại, làm cho suối nước sôi thêm một vẻ âm u kỳ thú và đẹp đẽ.

Tuy chưa được khai thác, đường xá lưu thông chưa được hoàn mỹ, nhưng du khách vẫn thường đến viếng, đem theo thực phẩm bày ra ăn trưa dưới tàn tràm, trên miệng suối; ăn xong tắm suối và múc nước đem về.

Nước suối được các du khách công nhận: trị ngứa các chứng bệnh ngoài da, tắm hoặc rửa mặt, da mặt láng và bớt mụn, trị ngứa bệnh tê thấp và nhức mỏi

BÃI BỂ HỒ TRÀM

Bãi bể Hồ Tràm còn được gọi là bãi bể Thuận Biên, thuộc xã Phước Bửu (Xuyên Mộc) cũ cùng một bãi bể nối liền với Nước Ngọt và Long Hải.

Từ Phước Lễ cũ đến Hồ Tràm 35 cây số đi qua Long Điền và Đất Đỏ. Suốt 20 cây số chiều dài, bãi cát thật rộng và dài, điểm thêm rừng phi lao

rộng hơn 5 mẫu tây rất thanh tú và sạch sẽ. Lặng ngồi trên nệm phi lao êm mát, mở màn ngắm cảnh trùng dương qua những cành lá thanh thanh đùa trước gió là một thú vui nhẹ nhàng thoát tục.

THÁC SÔNG RAI

Thác sông Rai thuộc xã Thừa Tích, quận Xuyên Mộc cũ. Đến viếng thác có 2 ngò.

1. Ngõ Ngãi Giao : Từ Phước Lễ đến Ngãi Giao cũ rẽ vào Sông Rai đến thác 35 cây số.
2. Ngõ Xuyên Mộc : Từ tỉnh lỵ (Phước Lễ) cũ qua Long-Điền, Đất Đỏ cũ, Ba Tô cũ, đến thác độ 40 cây số.

Thác sông Rai năm xưa ở giữa một vùng rừng núi âm u gồm 3 giọt nước lớn và nhiều giọt nhỏ. Giọt lớn nhất bề rộng và độ cao hơn 10 thước. Tiếng động của nước chảy vang cả một vùng. Du khách đến viếng thường tắm ở những giọt nhỏ với độ cao 2 thước.

Thác sông Rai đã được địa phương chú ý và đang nghiên cứu khai thác. Vào năm 1958 đã có đường rộng đi vào thác

HUỖNH MINH

CHƯƠNG VI

ĐỀN THỜ CHÂU VĂN TIẾP

Châu Văn Tiếp từng theo Nguyễn Ánh, nằm trong số tam hùng gồm : Tiếp, Võ Tánh và Đỗ Thanh Nhân.

Châu Văn Tiếp đã sang Xiêm cầu viện, sau đó cùng Nguyễn Ánh đưa quân Xiêm về chống lại nhà Tây Sơn, trong một trận quyết chiến trên sông Mân Thít thuộc Vĩnh Long. Tiếp bị tử trận, được Nguyễn Ánh an táng ở Côn Cái Nhum.

Sau này Nguyễn Ánh lên ngôi, mộ Châu Văn Tiếp được dời về Hắc Lăng - Bà Rịa và cho lập đền thờ.

Năm Mậu Thìn 1832 nhà Nguyễn truy phong cho Châu Văn Tiếp là Lâm Thao Quận Công, hiện nay vẫn còn đền thờ, mộ Châu Văn Tiếp tại Vũng Tàu.

VÙNG TÀU XƯA

TẠI SAO CÓ DI TƯỢNG CHÀM Ở VÙNG TÀU ?

Tại chùa Phước Lâm ở Bến Đình cũ còn giữ một pho tượng Phật 8 tay bằng đá đã đào được ở khúc quanh đường đi Bến Đá cũ. Nơi xưa có một cây dầu rất to.



Đây là pho tượng Phật của người Chăm, tìm được ở Núi Lớn ngày xưa, đem về thờ tại chùa Đức Phổ Quảng Ngãi, còn một tượng nữa hiện thờ tại Linh Sơn Cổ Tự, khác hơn tượng Phật này.

Linh Sơn Tự ở Thăng Tam cũ cũng có một tượng Phật cao 1 thước 20 phân bằng đá. Tượng này do những người ở miền Trung vào hái củi trong Núi Lớn tìm được 2 tượng, giao lại đây 1 tượng thờ ở

HUỖNH MINH

Linh Sơn Cổ Tự, còn 1 tượng thỉnh về miền Trung thờ tại chùa Đức Phổ là pho tượng này.

Cả hai bức tượng đều có những nét điêu khắc của người Chăm.

Ban đầu có người cho là hai tượng ấy của Chân Lạp, xong đọc sử không thấy nói nghề chạm đá phát sinh ở Chân Lạp, mà trên bán đảo Ấn Độ Sina (Đông Dương) dân tộc văn minh tiến bộ hơn hết, có văn hóa nghệ thuật tương đối khá cao ở thời ấy là dân tộc Chiêm Thành.

Nhân tìm được hai pho tượng này, một thuyết phát sinh, ngày xưa có một Tháp Chăm ở trên đồi núi dựa vào rừng, ở vị trí sau lưng Bạch Dinh, nhà nghỉ mát của toàn quyền ngày trước.

Giả thuyết này dựa vào hai di tích, không phải là vô căn cứ.

Theo sử, sau khi vua Thánh Tông nhà Lê lấy thành Đồ Bàn, lúc bấy giờ Quảng Nam cách chia Chiêm Thành ra làm ba, đến năm Đinh Sửu 1697, Chiêm Thành bị xóa hẳn tên trên bản đồ, từ đó họ bắt đầu phiêu lưu. Đi tìm đất sống ở bốn phương trời

VŨNG TÀU XƯA

Người Chiêm Thành đã tràn theo người Việt di cư dần xuống phương Nam, khẩn đất làm ruộng ở Mô Xoài Bà Rịa và Đồng Nai Biên Hòa.

Bà Rịa thời ấy bao gồm cả Vũng Tàu, vậy thì giả thuyết người Chăm có đến ở Vũng Tàu, xây tháp nấn tượng thờ trên núi không phải là chuyện hoang đường vô lý.

Người Chăm hiện nay là một dân tộc thiểu số trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Xong sự vong quốc, hao mòn dân tộc đến nỗi sợ có ngày tiêu diệt, nghĩ cho cùng, lỗi căn nguyên không chịu tiến theo thời, bo bo giữ những tục lệ lạc hậu. Một trong những tục lệ nguy hiểm ấy là giữ hôn nhân trong vòng cùng tông tộc. Khoa học ngày nay đã khám phá chứng minh, những cuộc hôn nhân những người cùng chung một dòng máu (Marriages Consanguins) làm cho giống nòi hèn yếu, yếu tử, vì vậy mà dân Chăm không lớn mạnh được, cứ hao mòn dần. Vì sợ bị đồng hóa, không bao giờ họ chấp nhận hôn nhân giữa trai Việt với gái Chăm hay trái lại.

Nhìn những Tháp Chăm, lòng ta băng khuâng khi nghe cô gái Huế ca những bản Nam Bình,

HUỖNH MINH

Huyền Trân, Chế Mân, Khắc Chung ... mối tình Chiêm Việt.

CỌP VŨNG TÀU VÀ NGỌN HẢI ĐĂNG

Ở gần núi rừng Bà Rịa, Vũng Tàu ngày xưa lúc dân cư còn thưa thớt là một vùng beo cọp hoành hành. Cọp thường lên về tận xóm làng bắt gà, vịt, heo, bò, rình bắt cả người nếu có cơ hội. Người dân sống trong lo âu sợ sệt nên quay về mong ước nơi sự che chở của thần quyền. Một di tích của thời cọp lộng hành ở Vũng Tàu năm xưa là miếu thờ Thần Hổ về sau này Hội Điện sửa sang và xây cất lớn lên thành điện thờ Bà Ngũ Hành và Quan Thánh.

Một di tích khác nhắc nhở thời kỳ người dân Vũng Tàu sợ cọp không kém gì sợ quân xâm lăng thực dân là con đường mòn từ trên ngọn Hải Đăng đi xuống bãi biển Thùy Vân, một con đường lồi lõm đá, ngày xưa dây leo chằng chịt cây cối rậm rạp rất khó đi, được dân sở tại đặt tên là đường mòn “Ông Hổ”.

Đường mòn được đặt tên như vậy vì từ trên Núi Nhỏ và ngọn Hải Đăng đi xuống bãi, thuận lợi thâu ngắn đoạn đường nhưng rất nguy hiểm vì người

dung nó thường đựng dầu với cọp. Đi lẻ loi sáng sớm và chạng vạng thường bị cọp bắt đem đi ăn thịt. Vì vậy ngày xưa người ta hay đi có đoàn và không quên mang giáo mác theo. Người dám đi một mình phải là tay có nghề võ, hoặc là tay có rượu đổ vào huyết quản khá nhiều rồi nên không còn biết sợ đất trời là gì nữa !

Tuy vậy, mãi tới năm 1896, một vài con cọp tinh khôn đã ở gần người, và từng thường thức thịt người rồi cứ tiếc nuốt. Không khác bọn cướp nước đã đuổi đi rồi còn mơ mộng mãi, thỉnh thoảng còn lên về rình rập nhất là ban đêm. Chúng thường về rình kiếm chác chung quanh trại lính, chỗ có nuôi lừa và đặt cổ đại bác Gành Rái làm cho mấy con lừa của đội pháo thủ đánh hơi cọp xôn xao náo động cả lên. Binh sĩ rình lại, bắn hạ được vài con. Còn những con khác lần hồi không dám về nữa, vì rừng sâu bụi rậm không còn. Và vì tiếng còi mìn bắn đá phá núi hàng bữa làm chúng khiếp sợ lánh xa loài người thêm nữa.

Nhân nói tới đường mòn Ông Hổ, không thể không đề cập đến ngọn Hải Đăng, vì đường mòn Ông Hổ khởi đầu từ dưới chân tháp chỗ ngọn đèn

HUỖNH MINH

sôi đêm tối cho tàu ngoài khơi trông chừng khỏi lạc hướng. Huống chi ngọn Hải Đăng cũng là một công trình kiến trúc lâu đời còn hơn nhiều đền đài khác trong Vũng Tàu.

Ngọn Hải Đăng là một cái tháp xây trên Núi Nhỏ.

Bãi Dâu, nơi có
dấu chân Gia long
bước tới

Ngọn Núi
Nhỏ bằng 1/3
của Núi Lớn cao
175 thước. Hải
Đăng là một



tháp tròn cao lối 18 thước. Trên cùng có ngọn đèn
hai tia trắng sáng rọi ra xa 35 hải lý. Mỗi phút quay
năm vòng. Từ chân núi nhìn lên, sở Hải Đăng

VŨNG TÀU XƯA

muờng tượng như ngôi Thánh Đường trắng toát, trên Đài quan sát của Hải Đăng có kính viễn vọng để theo dõi tàu bè từ xa lại. Từ nơi này người ta nhìn bao quát được tất cả các bán đảo Vũng Tàu hiện ra với những nét rõ rệt như một bản đồ địa lý.

Bãi Thùỵ Vân, bãi cát chạy dài đến tận dãy Kỳ Vân Sơn. Những đồi cát dài phân chia bãi biển này với một vùng lầy kế tiếp là rừng cây rậm, thỉnh thoảng có những khoảng trống lộ thiên. Vài nơi những thung lũng ướt át chứa đựng những thân cây được khai thác cấỵ lủỵ, trồng bắp và cây trái. Đây là một cái bưng rất thanh mậỵ cho công cuộc trồng trủỵ, sản xuất, nuôi sống nhân dân.

Đối diện, là hòn Núi Lớn ngăn đường hướng Bắc, xa xa nữa là vịnh Gành Ráỉ và những con sông uốn khúc lóng lánh dưới ánh mặt trời chảy về nguồn xa tít. đằng kia nữa những hòn núi Bà Rịa, và sau cùng tận chân trời mù mịt ẩn sau lưng là dãy Trường Sơn tiếp nối khiến người ngắm cảnh có ảo giác là những ngọn núi cao vúi vúi tít mây xanh.

Đó là tất cả cảnh trí thâu gồm trong tầm mắt của người nhìn từ chân tháp Hải Đăng trên Núi Nhỏ.

VŨNG MÂY NGÀY XƯA VỚI CÂU CHUYỆN GIỀNG NGỰ VUA GIA LONG

Lịch sử đã cho chúng ta biết đất miền Nam
thuở xa xưa, trải qua bao cuộc bể dâu, lăm lăm đổi
chủ. Từ Thủy Chân Lạp đến các đời vương tướng,
Trịnh Nguyễn phân tranh, đến giai đoạn Nguyễn
Phước Ánh và Tây Sơn đánh nhau gây cạnh tương tan
khắp trên lãnh thổ Việt Nam, lúc bấy giờ ba anh em
Nguyễn Huệ hùng cứ tại Quy Nhơn (Bình Định)
dựng lên khởi nghĩa binh hùng tướng mạnh, bách
chiến bách thắng xưa binh đánh đuổi Nguyễn Ánh
phải bỏn tẩu vào Nam tìm đường sinh lộ, người đủ
uy quyền, binh đông tướng mạnh, muốn gồm thâu
thống nhất nước Việt Nam đó là Vua Quang Trung
Nguyễn Huệ.

Kể yếu thế là Nguyễn Ánh không đương đầu
nổi, đành phải ra đi ngậm đắng nuốt cay ôm lòng
sầu với lòng uất hận.

Đây là Giếng
Ngự đã được sửa sang
lại vào năm 1965

Nguyễn
Ánh trên đường
bôn tẩu vào Nam
chạy loạn, giả
dạng thường dân
cùng bọn tùy tùng
hộ vệ, có lúc lợi
suối băng rừng
gran lao vất vã,
khổ sở muôn
phần, vượt biển



trùng dương lẫn tránh nhà Tây Sơn đuổi bức, nhưng
lúc nào cũng nuôi một ý chí khôi phục nhà Nguyễn.

Trên khắp vạn nẻo đường, từ miền duyên hải,
núi non hiểm trở, đương đầu với rừng thiêng nước
độc, từ đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, dấu
chân của Nguyễn Ánh đều có trải qua

Theo truyền thuyết của một vài bộ lão cao
niên nhất tại Vũng Tàu khi xưa kể lại rằng : Nguyễn
Ánh trên đường bon tẩu vượt biển trùng dương đến

HUỖNH MINH

trú ngụ tại vùng Núi Lớn Thắng Nhì nay là Vũng Tàu, nơi đây là một phần đất nhỏ hẹp cách Mô Xoài (Bà Rịa) 22 cây số, dân cư thưa thớt, họ chỉ sống về nghề đánh cá và trồng rẫy. Đất đai còn hoang vu, địa thế hiểm trở, hai bên có hai ngọn núi cao, có nhiều thú dữ, người địa phương gọi hai hòn núi này là Núi Lớn và Núi Nhỏ, trước mặt là biển rộng mênh mông, mé sau chân núi có những rừng chồi dày đặc, lại thêm có nhiều hào sâu chứa nước, đó là những hào hoặc địa của người Chiêm Thành khi xưa đào để cho voi và ngựa uống nước, theo tiền sử thì đất này ngày xưa có dấu chân của người Chiêm trú ngụ, nay còn di tích là những cái bầu. Vũng Tàu ngày xưa cũng như ngày nay, cảnh vật hữu tình đầy thơ mộng, trên thì núi dưới thì biển, một thắng cảnh thiên nhiên và cũng là một địa thế thuận lợi về mặt quân sự. Thuyền Nguyễn Ánh đầu tiên ghé Gành Rái để một ít quân lính ở đây canh chừng, rồi qua Vũng Mây nay là Bãi Dâu, chọn một vị trí an toàn trong lúc dừng binh. Nguyễn Ánh ra lệnh cho một vài quân hầu lên núi đốn cây cất một tháp canh nhỏ quay mặt xuống biển để canh chừng thuyền địch. Nguyễn Ánh là một người giỏi về chiến lược, chiến thuật, những đoàn quân theo Nguyễn Ánh không tập

trung một nơi, phân tán mỏng ra, cốt ý để che mắt sự dò la của quân nhà Tây Sơn.

Trong lúc Nguyễn Ánh đến nhằm lúc tháng nắng, trên thì núi cao suốt cạn, dưới biển nước mặn, quan quân hết sức khổ sở về nạn thiên nước, phải đành bó tay. Giữa tình cảnh như thế, Nguyễn Ánh rất đau buồn bóp trán suy nghĩ, tìm ra một giải pháp để củng cố lòng quân.

Lúc bấy giờ mới phán với các quan hộ giá, thiết lập một bàn hương án giữa trời, vọng bái Hoàng Thiên Hậu Thổ chứng chiếu lòng thành. Quỳ xuống khấn nguyện :

Tôi là Nguyễn Phúc Ánh, giữa lúc cùng đường mạt vận, lạc bước đến đây, chúa tôi nguy khốn về nạn thiếu nước thật là một điều trở ngại lớn lao. Nếu tôi là người có sứ mạng khôi phục lại sơn hà thống nhất đất nước sau này, xin ơn trên chứng giám những lời tôi ước nguyện, cậm cây gươm nơi cuộc đất thiên này, có mạch nước trào lên cứu độ trong lúc nguy khốn, còn bằng đến đây là con đường tử lộ, cơ nghiệp nhà Nguyễn bại vong, thì lời xin không được linh ứng.

Nguyễn Ánh vừa dứt lời tuốt gươm khỏi vỏ, thọc xuống một khe đá, rút ngọn gươm lên khỏi mặt

HUỲNH MINH

nước bỗng nhiên mạch nước sôi trào lên có giọt, ai nấy đều kinh ngạc đến nếm thử, nước ngọt, lấy làm mừng rỡ vô cùng. (Đây có thể là một mưu kế phao tin của Nguyễn Ánh để gây lòng tin phục nơi dân chúng).

Từ đó, quan quân đều dùng cái giếng này khỏi lo sợ cạn khan thiếu, mức bao nhiêu rồi cũng đầy lại y nguyên không hề khô cạn, sau này người địa phương đặt tên là Giếng Ngự được truyền tụng trong dân gian cho đến ngày nay.

Giếng Ngự hiện tọa tại triền núi Bãi Dâu. Cạnh bên Giếng ngự còn có một cái Cổ Miếu thờ bà Ngũ Hành, theo lời các bô lão cho biết, miếu này cũng hơn 100 năm, chung quanh có những tàn cây rợp bóng, nép mình giữa cảnh u tịch huyền vũ. Trở lại vấn đề Giếng Ngự, chúng tôi còn được biết thêm, tại Vũng Tàu có tất cả là 3 cái giếng.

Một cái ở Bãi Dâu cũ như đã kể trên, một cái ở Cây Me Bến Đình cũ, người địa phương gọi là Giếng Me, sau này đã lấp, còn một cái nữa nằm trong vòng rào của nhà dòng Bà Phước, nhưng 2 cái giếng này sau này đã khô cạn, đây là di tích lịch sử của Nguyễn Ánh vào Nam lưu lại cho đồng bào dân chúng thành phố Vũng Tàu.

VÙNG TÀU XƯA

Năm 1965 một nhóm hội viên Thông Thiên Học ở Sài Gòn đến khai khẩn vùng đất này, gặp được cái giếng bề mặt chừng 5 tấc, sâu 8 tấc, ngập đầy nước, lá cây rụng lâu đời muốn lấp tới mặt giếng, lúc bấy giờ Ban quản trị Thanh Tâm Đạo Viện thấy vậy, ông Hồ Văn Dương đứng ra hốt lá cây vét giếng đào thêm 6 thước nữa. Trên miệng xây gạch nền trắng xi măng, chung quanh có tường bao bọc, không để cho bụi cát lọt vào.



Giếng Ngự đang được đào vét lại

DANH TỪ BÃI DÂU DO ĐÂU MÀ CÓ

Theo sự sưu tầm của chúng tôi, thuở xa xưa vùng này có tên là Vững Mây. Dọc theo bờ biển và trên Núi Lớn, mọc rất nhiều mây, có những sợi to bằng cổ tay, đồng bào địa phương và một số người ở miền Trung đi ghe bầu thường ghé núi này hái củi, bứt mây, cái danh từ Vững Mây đã có từ xưa, điều này dân cố cựu ở đây đều biết rõ.

Dưới thời Pháp thuộc, vào khoảng 1938 có một người Pháp đến Vững Mây lập cơ sở nuôi tằm trồng dâu thì từ đó hai tiếng Vững Mây đã lui về dĩ vãng, mỗi khi muốn đến thăm sở trồng dâu đi bằng xe ngựa, hoặc đi xe đạp, nói vào Bãi Dâu người ta mới biết mà chỉ đường, nếu nói Vững Mây thì ít người biết đến. Thành ra danh từ Bãi Dâu nó đã được người địa phương áp dụng từ ngày đó đến nay.

Từ Vững Tàu vào đến Bãi Dâu độ 4 cây số. Bãi Dâu năm 1970 đang vươn mình với bộ mặt mới. Dọc theo đường lộ dựa mặt biển chúng tôi thấy mọc lên nhiều căn nhà lầu, vi la, cất theo kiểu tân thời, đều quay mặt ra biển, do các chủ nhân ông ở địa phương và người các tỉnh đến cất làm nhà ở và nghỉ mát. Làm hồ tắm nước ngọt v.v...

VŨNG TÀU XƯA

Bãi Dâu rất thanh tịnh vắng vẻ, dành cho những ai có tâm hồn trầm lặng chán cảnh phồn hoa đô thị đến đây hòa mình với cảnh vật thiên nhiên, trên thì núi, dưới thì biển.

Bãi Dâu là một cái vịnh nhỏ hình bán nguyệt, hai đầu có mỏm đá nhô ra, du khách thích thanh tịnh thường đến đây chơi và tắm biển, ngồi dựa mấy tảng đá hướng ra đại dương, nhìn thủy triều cuộn cuộn muôn trùng, gió lồng từng cơn. Hòa với tiếng sóng tạt vào đá.

Trên triền núi cách mặt lộ chừng 500 thước thấy ngôi nhà Thanh Tâm Đạo Viện, với một pho tượng Phật Thích Ca ngồi trên tảng đá dưới cội Bồ Đề cạnh bên rừng trúc có tượng Đức Mẹ và hình ông Olcott và bà Blavatsky dựng trên tảng đá cao. Đi chừng vài trăm thước, có chùa Tịnh Độ cư sĩ, tiến theo con đường trước mặt bề không đầy 500 thước, nhìn lên thấy một nhà thờ nhỏ và tượng Đức Mẹ Maria lộ thiên màu trắng đứng trên một triền núi, chung quanh có trồng nhiều loại hoa tứ quý.

Bãi Dâu cũng là chỗ gặp gỡ hàng ngày của tao nhân mặc khách bốn phương trong những ngày chủ nhật và ngày lễ, xe cộ tới lui tấp nập, cách đây mấy năm Bãi Dâu còn mang thêm một cái tên mới

HUỖNH MINH

nữa do người địa phương đặt cho nó đó là bãi Phướng Thảo.

NHỮNG DẤU TÍCH CỦA VUA THÀNH THÁI Ở ĐẤT VŨNG TÀU

Nhân dịp viết quyển Vũng Tàu xưa, tưởng cần nên nhắc đến câu chuyện xảy ra cách đây đã lâu năm mọi người đều biết.

Nói đến vua Thành Thái ở nước Việt Nam, trong lúc còn ngự trị ngai vàng, ai cũng biết đó là một ông vua có tinh thần cách mạng, việc làm của ông gây nhiều ấn tượng khắp nơi.

Qua những trang sách báo của thời thực dân đô hộ, tiếp xúc các vị niên trưởng, thấu lượm những tài liệu xác thật, để cống hiến cho quý độc giả hiểu qua vài nét đại cương về cuộc đời của vị vua Thành Thái trong lúc tại vị và khi bị truất ngôi lưu đầy nơi chân trời xa thẳm.

Vua Thành Thái có tên là Húy Bửu Lân, vua thứ IX triều Nguyễn, con vua Dục Đức làm vua từ năm 1889 đến 1908 lúc 18 tuổi bị giam với mẹ trong ngục, được rước ra và được tôn lên ngôi. Đến tuổi trưởng thành, ngài nhận thấy quyền bính của Nam triều cũng như của riêng mình đều nằm trong tay

người Pháp, nhà vua bất mãn tỏ ra có óc chống đối với nhà cầm quyền Pháp. Tâm sự của vua Thành Thái bấy giờ đã được diễn tả trong bài thơ sau đây, làm sau khi ra Hà Nội dự lễ khánh thành cầu Doumer.



Chân dung vua
Thành Thái
vào năm 18
tuổi

Võ võ vắn vắn ý cầm bào,
Ngả vị thiên tử độc gian lao
Tam bôi hoàng tiểu quần lê huyết,
Sổ trần thanh trà bách tính cao

Thiên lệ lạc dư nhân lệ lạc.

Ca thanh cao xứ, khắp thanh cao.

Can qua thư hội hữu đàm luận,

Lân tuất tượng sanh phó nhĩ tào.

Vốn thông minh, cương nghị sở trường về nho học, tuy nhiên cũng chịu ảnh hưởng lớn lao về tư tưởng các nhà cách mạng Trung Hoa và Nhật Bản nên nhà vua muốn áp dụng công cuộc cải cách quốc chính, nhà vua đã cắt tóc ngắn. Trước các ý tưởng cấp tiến của nhà vua, người Pháp lo ngại tìm cách ngăn trở.

Lúc bấy giờ vua Thành Thái giả bộ điên rồ, nào là bắt cung phi mỹ nữ mặc đồ võ phục cưỡi ngựa đánh kiếm, luyện tập tối ngày, thành lập một đội nữ binh. Ban đêm thì đánh trống lệnh liên hồi làm náo động cả hoàng cung, leo tường chạy ra ngoài hoàng thành không cho ai biết, giết một con tắc kè làm đám táng linh đình để che mắt ngoại nhân. Bên trong giấu ngấm xương xuất và khuyến khích thanh niên ra nước ngoài cầu học, để dùng vào việc mưu đồ đại sự sau này.

1903 vua Thành Thái định xuất ngoại nhưng không thành. Mãi đến năm 1907 Pháp nắm đủ bằng

VŨNG TÀU XƯA

có biết được việc làm bí mật của nhà vua, cho người liên lạc với phái Đông Du muốn cầu viện với Nhật Bản. Ngay lập tức toàn quyền Đông Dương Broni và Khâm xứ Trung kỳ Lévêque buộc ngài phải thoái vị, đưa Hoàng Thái Tử Vĩnh San, con thứ 5 vua Thành Thái được chọn lên ngôi mới 8 tuổi thay thế vua cha bị Pháp truất phế đó là vua Duy Tân.

Tuổi tuy còn nhỏ, nhưng vua Duy Tân đã tỏ ra có tinh thần yêu nước rất mãnh liệt.

Bản tính cương nghị và đau lòng vì thấy dân tình cực khổ dưới ách thống trị của ngoại nhân, năm 13 tuổi vua giao cho Thượng Thư Lê Bộ Lê Huỳnh Côn một bức thư gửi cho Pháp đã không thi hành đúng đắn hòa ước 1884 và yêu cầu duyệt lại các khoản bất bình đẳng trong hòa ước ấy.

Thấy người Pháp gian xảo, thêm nữa mang nặng mối thù nhà (Phụ Hoàng là vua Thành Thái bị đưa ra an trí ở Vũng Tàu rồi đầy qua Phi châu) nhà vua phẫn uất. Tương truyền, có lần nhà vua đang ngự câu ở Cửa Tùng (Quảng Trị) tự nhiên than thở : “Ngôi trên nước mà không ngăn được nước, buông câu ra đã lỡ phải cầm”.

Vua Duy Tân làm vua được 9 năm đến năm 17 tuổi cũng bị lưu đày ở Phi châu, đoạn này chúng tôi sẽ nói sau.

Sau khi vua Thành Thái bị truất phế dư luận trong nước hết sức bất bình, sĩ phu ở kinh đô hợp lại thảo hịch kể tội những kẻ chủ mưu là Trương Như Cương và đồng lõa rất gắt gao.

VUA THÀNH THÁI ĐƯỢC NGƯỜI PHÁP ĐƯA ĐẾN VỮNG TÀU

Đến Vũng Tàu ngài ở tạm trên tòa nhà Bạch Dinh gọi là Dinh Ông Thượng ngày xưa, hàng ngày có lính canh gác, nhưng được tự do đi lại trong châu thành, ở nơi tòa nhà ít lâu rồi rời xuống ở dãy nhà nghỉ mát của Pháp gần Bãi Trước cách đó không xa, đồng bào ta thời ấy đi ngang qua đều chỉ trở đây là nhà ông Vua. Vua Thành Thái lúc vào đây cùng với hai hoàng tử, một công chúa, bà thứ phi và tất cả cung nữ tùy tùng trên 7 người, vua Thành Thái có rất nhiều vợ và con nhưng hoàn cảnh không cho phép đem theo phải ở lại Huế một số.

VŨNG TÀU XƯA

Đứng trước cảnh cá chậu chim lồng, núi non
ngăn cách, biển cả gào thét quanh năm, ngài mới
động lòng xúc cảm dật lện những vần thơ uất hận.

Sống thừa nào có biết hôm nay,

Nhìn thấy non sông đất nước này.

Sừng ngựa chưa quên câu chuyện cũ,

Ruột tầm đòi đoạn mối sầu (Tây).

Xuân thành nghìn dặm mây mù mịt,

Bể Cáp bốn bề sóng bủa vây.

Tiếng súng đêm ngày nghe nhạc khúc.

Dầu cho sắt đá cũng chau mày !

Nước đã mất chủ quyền, vua thì bị kết tội lưu
đày, không biết ngày nào được trở về cố quán, Ngài
rất đau buồn cho vận nước ngửa nghiêng, mộng lớn
không đạt thành, đành phải ôm sầu lìa xứ, ngày
ngày thường đi dạo quanh Châu thành để giết chết
thì giờ lãng quên sự tủ nhục, có lúc người ta thấy
Ngài cưỡi ngựa chạy theo vòng Núi Lớn ra Bến
Đình, lúc ngồi ca nô lướt trên mặt biển, khi bách bộ
nhìn trời ngó đất suy nghĩ đầu đầu. Ngài đến đây có
dịp quen lớn với nhiều người, trong đó có một người
Tàu lai thân với Ngài lắm. Ngài thường tâm sự và
đánh cờ với người ấy.

HUỖNH MINH

Từ ngày vua Thành Thái ở Vũng Tàu mỗi lần Ngài đi đâu thì có lính mật thám theo dõi tới đó, để dò xét hành động của Ngài.

Đi sâu vào câu chuyện nhà Vua bị lưu đầy, người có tâm trí nặng lòng với non nước xót thương ông, một ông vua dám coi rẻ ngai vàng, quyết tâm mở ách bức xiềng cho con cháu Lạc Hồng, thoát ách ngoại bang, nên giả điên, giả khùng mới dễ bề hành động, chẳng may bị kẻ lòng lang, dạ thú phản lại giống nòi, làm tay sai cho giặc xâm lược, khám phá việc làm của nhà Vua, nên cơ mưu bại lộ, bị bắt lưu đầy, sự thật vua Thành Thái nào có điên đâu ?

Nhiều người ở Vũng Tàu thâm niên, họ rất cảm mến vua Thành Thái một ông Vua bình dân, đi đứng ăn mặc lẫn lộn trong dân chúng, ông thường mặc quần soóc màu đen khỏi đầu gối, trên mặc áo sơ mi trắng. Ngoài choàng một cái balotô, chân mang giày đen, mắt đeo kính, tay cầm baton khi đội nón lúc để đầu trần khi mặc áo dài ngắn. Tương người ốm ốm, mặt xương, mắt có thần, đi đứng khoan thai tỏ ra oai vệ, ông đi bộ rất nhanh, cưỡi xe đạp cũng giỏi. Nhất là lời của ông, làm cho nhiều người phải sợ, phải nể, người nào mà bị ông quở

ông chê, làm ăn lụn bại điều đứng chớ không phải đùa, người nào có phước được ông khen, kể như là hên lắm và làm ăn phát đạt, tại Vũng Tàu có nhiều người mạnh giỏi đã mục kích và xác nhận qua lời nói của vua Thành Thái.

Lúc tôi còn nhỏ cũng nghe nhiều ông bà già cả đồn về vua Thành Thái rất nhiều, mỗi lần ông vào sở thú cộp thấy phải quỳ, lãng ông Bà Chiêu ngày xưa linh hiển lắm từ ngày ông vô mở xiềng thì bớt linh. Những huyền thoại này được rất nhiều tin là có thật, mặc dầu nghe qua đã thấy phi lý.

CÂU CHUYỆN ĐỒN VỀ VUA THÀNH THÁI BỊ TRÁO ĐI TRONG MỘT ĐÊM

Đồng bào sinh trưởng ở Vũng Tàu không ngớt bàn tán về câu chuyện vua Thành Thái, ông Hà Phương có thuật một câu chuyện ly kỳ quanh cuộc sống của vua Thành Thái, ông đã kể rõ một huyền thoại như sau.

Một đêm kia có ngư phủ ở xã Thắng Tam đang nằm trên mỏm đá để chờ nước lớn, buông chài ... về khuya giữa lúc trăng rằm sáng tỏ, bỗng thấy có nhiều người mặc quần áo dài, sắc phục của dân

HUỖNH MINH

miền ngoài thay nhau cõng hai người, áo quần cũng một màu sắc ấy, một tốp cõng một người đi trong sương mù gió lạnh, tiến theo mé bãi, còn tốp thứ hai cõng người nữa lần ra mé nước, đưa lên một chiếc thúng khá to, là loại thúng của ghe bầu từ từ bơi ra khỏi và mất dạng, câu chuyện bao phủ một màn bí mật khó ai đoán được sự việc ra sao.

Vua Thành Thái bị an trí ở Vũng Tàu thời gian mấy năm rồi qua năm 1919 Pháp bí mật đem Ngài và gia quyến qua Phi châu ở đảo Réunion 30 năm ... từ năm 1915 thừa lúc Pháp đang mắc chiến tranh với Đức, vua Duy Tân ngấm ngầm liên kết với các nhà chí sĩ cách mạng, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Phan Thành Tài, nhóm Bảo Hoàng định khởi nghĩa chống Pháp, chẳng may bị phát giác, vua Duy Tân bị bắt lưu đày sang đảo Réunion nữa, ở đây một ít lâu, vua Duy Tân gia nhập vào quân đội đồng minh làm tới thiếu tá, bỏ mình trong một tai nạn máy bay ở xứ Banghi thuộc Phi châu, ngày 26 tháng 12 năm 1945, đây là theo tài liệu của Pháp, suy luận của nhiều người quanh cái chết của vua Duy Tân thì là một nghi vấn về chính trị.



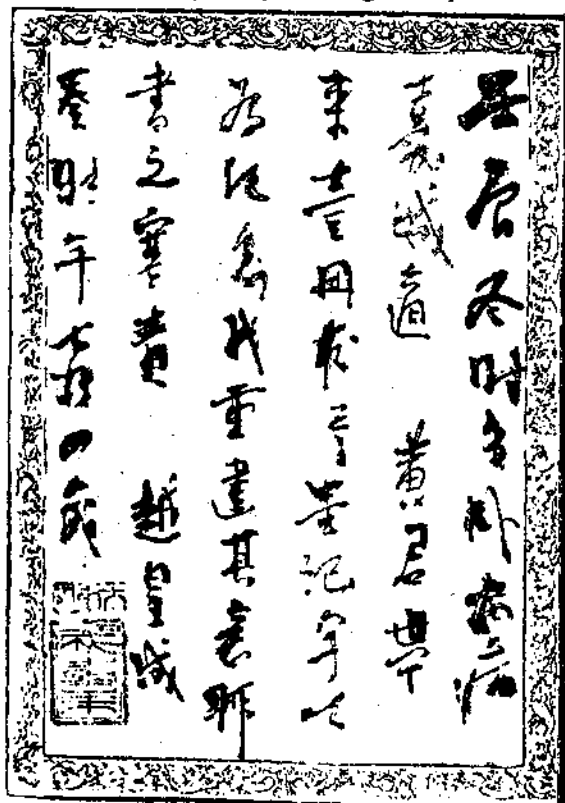
Chân dung cựu hoàng Thành Thái bị lưu đày ở đảo Réunion 30 năm, khi được trả tự do về Vũng Tàu lần thứ hai, lúc này ông 70 tuổi, chụp chung với bà Hoàng đích Mẫu Chính Hậu cũng đồng tuổi với Ngài.

VUA THÀNH THÁI ĐƯỢC TỰ DO TRỞ VỀ XỨ

Thời cuộc Việt Nam biến chuyển ngày tàn của thực dân sắp sụp đổ ở Đông Dương, chúng muốn gây cảm tình với dân tộc ta, mãi đến tháng 5 năm 1947 cựu Hoàng Thành Thái và gia quyến được đưa về nước để ở tại Vũng Tàu cũng như chuyển đi. Kỳ này Ngài ngụ tại biệt thự An Na của

HUỲNH MINH

ông Lê Phát An ở Bãi Trước, cách Bạch Dinh chừng 300 mét. Lúc này Ngài đã 70 tuổi, da nhăn tóc bạc, gương mặt răn rỏi, da đen trông ra dày dặn phong sương nhiều, về Vũng Tàu kỳ này có người quen biết xâm xì nói rằng không phải là vua Thành Thái năm xưa, chuyện ấy không có gì minh chứng.



Đây là bút tích cụ

Hoàng Thành Thái

ban tặng cho nhà sưu khảo Huỳnh Minh vào năm 1952 tại Sài Gòn

Ngài ở Vũng Tàu ít lâu rồi trở vào Sài Gòn năm 1949, Ngài ngụ tại một căn phố nhỏ hẹp ở đường Nguyễn Trãi. Sau dời về ngụ tại một biệt xá, đường Lucien Mossard. Lúc này Ngài thường đau ốm luôn, vì tuổi già sức yếu không chống nổi với tử thần hưởng thọ 76 tuổi. Linh cữu đưa về cố đô Huế mai táng.

NHỮNG KỶ VẬT CỦA VUA THÀNH THÁI CÒN LƯU LẠI MIỀN NAM

Là một người chuyên vạch bóng thời gian, tìm lại chuyện xưa tích cũ, tôi được biết tại Bà Rịa (Núi Nứa) cũ còn một bộ ghế xưa của vua Thành Thái tọa lạc nơi chùa ông Trần được bốn đạo ở đây gìn giữ kỹ, cho là một bảo vật của vua chúa không ai dám ngồi lên, riêng tác giả là một người may mắn còn giữ được di bút của ngài, trong lúc Ngài về ở tại căn phố đường Nguyễn Trãi vào năm 1952 (Nhâm Thìn).

Với lòng tôn sùng ái mộ từ lâu, chúng tôi không ngần ngại tìm đến để gặp Ngài, năm ấy Ngài là một cụ già ốm yếu, ăn mặc bình thường nhưng

sau bao năm bị lưu đày vẫn còn phong độ một ông Vua. Ngài tiếp tôi niềm nở, nhưng cử chỉ vẫn còn vương giả.

Tôi tặng Ngài một cuốn sách do tôi sáng tác, đáp lại Ngài cầm bút viết những dòng chữ tặng lại chúng tôi sau đây : (Xin xem bảng kèm trang trước).

DI BÚT CỰU HOÀNG THÀNH THÁI

Nhâm Thìn đông thời

Dư ngoại trừ bệnh Gia thành thích;

Huỳnh quân dài lai nhất sách,

Cầu hữu thơ ký tự vĩ vi kỷ niệm.

Ngã từng vì kỷ ý,

Liên thơ chỉ tắc trách.

Hàn thực Việt Hoàng Thành Thái,

Ư niệm thất thập tứ tuế.

Với tôi những dòng di bút kỷ niệm của Ngài nan cho năm xưa, đó là một bảo vật duy nhất của đời tôi, tôi rất tôn sùng và giữ kỹ vẫn ở bên lòng chúng tôi mãi mãi.

GÀNH RÁI VỚI BẦY RÁI THẦN VÀ CHUYỆN VUA GIA LONG

Khi có dịp viếng Vũng Tàu cũ, du khách đi vòng quanh núi lớn, từ Bãi Trước Bạch Dinh đến Bãi Dâu trước, thì chúng ta nhận thấy đường núi thấp cao, quanh co theo eo biển. Cạnh đường một bên là bể bao la, nước trời xanh ngắt, một bên là núi cao lởm chởm, cây lá chập chờn.

Đến một khúc quanh lớn, một nơi đã ghi lại nhiều di tích huyền bí là Gành Rái, mà ngày nay là Xóm Đạo, Sao Mai. Từ con đường vòng núi chạy tới từ từ thì là tới chợ Bến Đá.

Chợ Bến Đá dân cư đông đúc, nhà cửa san sát, do đám dân di cư đến đây sinh sống với nghề chài lưới. Tại đây, dân chúng có dựng lên được ngôi nhà thờ lớn, để tiện việc cầu nguyện mỗi ngày.

Nhiều ngôi nhà khang trang, thơ mộng, đứng sừng sững trên triền núi nhìn ra biển. Nhưng tại đây từ ngàn xưa thật là hoang vắng, nhiều thú dữ vì rừng rậm chưa được khai phá. Có những mỏm đá thật to nhô ra biển, có chỗ có bãi cát thì cát lún, không tắm được.

Tại đây có một gành đầy đá, mà người xưa đặt tên là Gành Rái, trước mặt gành này, nhìn xa xa thấy một dãy đất mờ mờ xa mút, đó là mũi Cần Giờ ở cao vút trên mấy cụm núi giữa mặt biển mênh mông và người địa phương gọi là Núi Nứa.

Tại sao ngày xưa đặt tên gành này là Gành Rái ? Vì theo lời truyền tụng, thì cũng tại nơi đây, ngày xưa xảy ra nhiều câu chuyện gần như là thần thoại, mà người dân địa phương thường nhắc nhở tới, là lúc vua Gia Long trốn chạy vào đất miền Nam cùng đoàn tùy tùng phải vượt biển vào đây để tránh quân Tây Sơn theo đuổi bắt.

Khi Nguyễn Ánh đi đến gành này, thì bỗng nhiên biển nổi lên sóng to, gió lớn, mây phủ đầy trời, mưa tuôn như thác lũ. Không thể vượt biển với tình cảnh ấy, vua mới truyền cho quan quân, tìm nơi ẩn núp, ghe ông phải tạm đậu mé ngoài rồi cùng quan quân lội bộ vào tìm chỗ núp mưa, tránh gió.

Những dấu chân người giẫm đầy trên bãi cát, bùn lầy. Muốn xóa những dấu chân ấy, để cho quân nhà Tây Sơn không biết dấu tìm theo, nhưng không thể nào xóa được, trong cơn gấp rút âu cũng đánh liều, bỏ đó.

Khi Nguyễn Anh cùng quan quân tìm được chỗ ẩn trốn cơn mưa trong một mỏm đá già to lớn, thì bỗng đâu một đàn rái chi chít chạy ra bôi xóa những dấu chân người, vừa để lại đầy mặt cát.

Nhờ đó mà Nguyễn Anh tạm yên thân một thời gian khá lâu tại đây. (Theo chúng tôi thì đây cũng là một mưu lược tâm lý của Nguyễn Anh).

Khi Nguyễn Anh lên ngôi rồi, nhớ đến đàn rái kia, mới sắc chỉ phong đàn Rái Thần là “Lang Lại Đại Tướng Quân”. Và không quên truyền sắc chỉ cho mỗi đình sở tại, từ đây mỗi đình đều phải thờ thêm vị Thần Rái, đặt tên gành này là Gành Rái.

Những câu chuyện Rái Thần cứu vua, người ta còn kể thêm nhiều chuyện nữa.

Tương truyền có lần Nguyễn Vương ra Phú Quốc, vừa đổ bộ lên bờ, thì quân nhà Tây Sơn cũng vừa theo kịp, lúc ấy, thấy tuyết đường sinh lộ rồi, Nguyễn Vương và nhóm quần thần mau nhón chìm ghe, phi tang, cho mất dấu, cùng nhau chạy trốn vào một hang đá sâu gần đó.

Nhưng rồi, trên bãi cát bùn lầy, những dấu chân vẫn còn in rõ mồn một đầy bãi cát. Rồi cũng từ

trong hang đá ấy, chạy ra một đàn Rái vô số kể, nhóm cắn lá, cây che lấp cả miệng hang, tốp chạy lên, tốp chạy xuống, xóa những dấu chân của quan quân vừa đi qua để lại.

Quân Tây Sơn đến, nhìn chẳng thấy ghe, thấy miệng hang nào cũng đầy lá cây và dấu chân Rái bò lẫn cá mắu để đầy, nên quân Tây Sơn bỏ đi không lòng kiếm. Do đó Nguyễn Vương mới thoát nạn. Nhờ Rái lẫn nữa Nguyễn Vương khỏi rơi vào tay quân Tây Sơn. Vì vậy, Nguyễn Vương mới cho là Rái Thần cứu vua, mới truyền cho dân chúng thờ Thần Rái trong các đình thần toàn quốc, nay vẫn được duy trì.

CÁI HÒM VÀNG CỦA VUA GIA LONG TẠI BẾN SAU THẮNG NHỨT

Câu chuyện cái hòm vàng của vua Gia Long chôn giấu tại Bến Sau, Thắng Nhứt thời xưa, thời vua Gia Long bôn tẩu vào Nam, lẫn tránh nhà Tây Sơn lúc vượt biển đến đây, rồi nhờ Rái Thần cứu tại Gành Rái.

Câu chuyện này cũng do dân địa phương kể lại. Theo những lời của những bô lão cổ cựu tại đây.

thuật rằng : vào thời kỳ Pháp chiếm Nam kỳ lục tỉnh rồi, Pháp đến khai thác mỏ mang Vũng Tàu, mà thời bấy giờ họ đặt tên là Cap Saint Jacques. Họ muốn rất nhiều nhân công tại đây khai rừng, phá núi để cất dinh thự, mở sân bay, bến tàu vv... họ giao cho từng gia đình một hay từ nhóm dân phu khai phá mỗi nhóm mỗi vuông đất rừng, lớn nhỏ tùy theo dân phu nhiều hay ít.

Trong nhóm dân phu có gia đình vợ chồng anh Sáu Nghị, họ lo đốn cây, đào đất lấp cho bằng phẳng. Khi đào một rễ cây cổ thụ, để lấy cái gốc rễ cây lên, lúc rễ cây mọc ngược, phá lòi thêm một vùng đất chung quanh, khi đất tung tóe lên bày ra một cái hòm bằng cây ván thường ghép lại, một góc hòm bể, sút ra một miếng ván to.

Hai vợ chồng Sáu Nghị nhìn nhau lo sợ, chẳng biết phải làm sao với cái hòm này, lấp lại không tiện, dời đi chỗ khác lại không dám. Sau một hồi lâu bàn tính, họ định lại khiêng lên, tìm chỗ di táng lại.

Họ lo âu, sợ hãi, chẳng dám nhìn vào trong hòm coi thấy người còn nguyên hay đã rã ra hết rồi. Và lại khi qua thước tắc của cái hòm, vợ chồng bảo

HUYỀN MINH

nhau là hòm chôn con nít, chớ chẳng phải người lớn. Vì hòm chỉ là thứ hòm nhỏ, bề dài độ 7, 8 tấc, bề ngang chừng 5 tấc.

Theo sự thoả thuận của vợ chồng anh, họ hề lui đào đất chỗ khác. Định đem di táng lại dùm làm phước, nhưng lạ thay khi hai vợ chồng vừa khiêng cái hòm lên, một góc ván rớt ra rồi từng miếng vàng rơi lộp độp xuống đất. Họ sợ quá, chẳng dám nhìn, vì cho đó chắc là xương khô hay chi chi trong thân thể người chết rơi ra. Họ tri hô lên, kêu bạn bè dân phu gần đó, đến coi với họ, tiếp với họ chôn lại giùm.

Thiên hạ xúm nhau lại lượm những miếng vàng vàng, gói từ xấp, be bét đầy cát bụi. Họ bảo nhau chắc đó là thứ đồ dùng để mạ vàng tượng Phật chớ gì. Nhìn vào trong hòm nằm giữa phần dưới đất, thì thấy cũng đầy những gói gói, nằm có lộp lộp trong ấy.

Có người khôn hơn, họ biết chắc đó là thứ vàng lá, ai chôn giấu dưới đất, rồi bị đất chạy đem đến đây, nên họ thừa cơ hội không ai để ý, lấy bột bỏ túi một phần cũng nhiều.

VŨNG TÀU XƯA

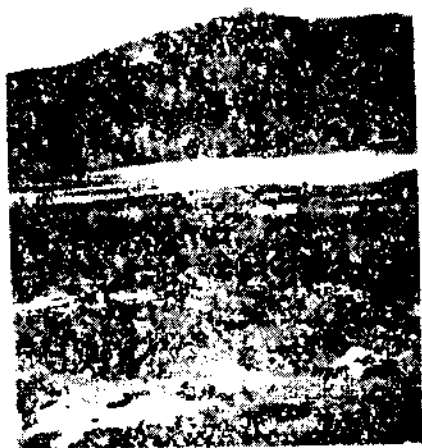
Vừa lúc đó, nghe tiếng la của nhóm dân phu, một cụ già có tên là cụ Đoàn Minh Thiện, một thầy đồ Nho người miền ngoài vô sinh cơ lập nghiệp cũng lâu tại đây, lấy lên một miếng, phủ cát bụi cho sạch, tìm kiếm xem có dấu vết gì trên những miếng vàng vàng ấy không, thì cụ thấy ở giữa miếng vàng đó có khắc những hàng chữ như vậy:

“Thủy Quyển Ngũ Na
Thập Phấn Kim”

Vũng Tàu thơ mộng
với cảnh bình minh.

Cụ cho đó là vàng của nhà Vua chôn giấu. Lại có người nói vàng này do Vua Gia Long chôn giấu khi Ngài bỏ nơi này đi nơi khác.

Khi biết rõ là vàng y quý giá, vợ chồng Sáu Nghị cũng giấu bớt một mớ, rồi mới báo cáo cho quan biết. Thật tình



HUỖNH MINH

mà nói, dân chúng thời xưa còn quá chất phác, chỉ lấy chút ít vàng rồi đi báo quan, để quan tịch thu hết về làm của công, hay tư gì của họ, trời mà biết được.

Nghe nói lúc bấy giờ nhà cầm quyền tại đây do tên Pháp Clevzière, có biệt danh là Cò Xệ, đến chở vàng về, một số giữ cho no, một mớ đóng thùng gửi về Pháp làm của chò Pháp. Số vàng rất nhiều, đựng cả một cái hòm cỡ hòm trẻ em 5,6 tuổi mà bị kẻ lấy ít lấy nhiều, sau này nghe lại còn độ hơn 100 kilô mà thôi.

Chỗ miếng đất có hòm vàng, nay là sân bay.

Một chứng nhân về sự hòm vàng này là cụ Đoàn Văn Thiện, hiện còn sống tại đây, tuổi đã hơn 70 rồi, vẫn còn khỏe mạnh, đang ngụ tại xóm Thắng Tam.

Cụ bảo, hòm vàng này chắc chắn là của Vua Gia Long chôn giấu tại đó, trong thời kỳ ẩn trốn ở đây. Và khi bắt buộc Vua phải rời chỗ này, không thể đem theo được, mới truyền cho quan quân đóng thùng chôn giấu, đợi ngày trở lại lấy.

Nhưng vì trên bước đường bôn tẩu, nay đây mai đó, gây dựng lại cơ đồ, Vua không có thì giờ trở lại lấy hòm vàng.

Hoặc theo giả thuyết của người xưa, vàng, bạc là thứ đồ hay chạy, hễ thứ loại bằng kim khí, càng chạy mau hơn các loại khác. Đồ chôn dưới đất sâu, đất thường hay xoay chạy. Nên nhiều nhà giàu thường hay chôn của, lâu lâu đào lên kiểm lại, đồ chạy đâu mất, họ cho rằng bị người đánh cướp, chứ sự thật là đất chạy đem dời chỗ khác.



Nhà sưu khảo Huỳnh Minh đứng trước miếu thờ Thần Hồ.

Rồi có khi những người nông dân, cày sâu, cuốc bẫm, thỉnh thoảng lại đào gặp hũ vàng, rồi bảo Trời cho, chứ thật sự là do đất đưa đi. ai may gặp được là vậy.

Số vàng của Vua Gia Long chôn giấu ở khu rừng Trảng, Bến Sau, có lẽ cũng bị đất đưa chạy đi xa. Nên dù Vua có cho người trở lại tìm, chắc kiếm cũng chẳng ra, hoặc Vua bận rộn ba nay đây mai đó không có ngày giờ trở lại chỗ chôn cất vàng thêm một số quan quân theo hầu Vua lúc ở lại Vũng Tàu cũng chết nhiều trong chiến họa, nên không ai còn nhớ chỗ chôn giấu vàng mà trở lại tìm lấy.

NÚI LỚN ĐIỆN BÀ VỚI HANG ÔNG HỒ

Tại Vũng Tàu, ở vùng Núi Lớn xã Thắng Nhì, gần chợ Bến Đá, có một ngôi chùa ngó ra mặt biển uy nghi. Đó là Điện Bà, theo người địa phương đặt tên cho ngôi chùa, vì bên trong có nhiều cốt, như Cốt Bà, Cốt Phật, Cốt Quan Thánh.

Vào thời xưa, Cốt Bà linh thiêng hơn tất cả. Dân chúng cầu nguyện việc chi đều được Bà hộ độ làm ăn phát tài, bệnh tật thuyên giảm. Vì vậy người

VŨNG TÀU XƯA

địa phương mới đặt cho cái tên là Điện Bà. Đó cũng là một sự ghi ơn, tưởng nhớ.

Tương truyền, khi xưa, khi mà vùng đất Vũng Tàu chưa khai thác như ngày hôm nay, thì rừng núi hoang vu, nhà cửa rất ít, đường sá chẳng được khai thông nhiều, cạp voi đầy rừng, chùa chiền rất ít, thì có một ngày kia từ miền Trung vào, một nhà sư đầu tiên họ Trương, chẳng nhớ là tên gì, đi bằng ghe bầu ghé tạt lại bãi biển Vũng Tàu, ở vùng Núi Lớn.

Thấy cảnh trí tĩnh mịch, phong thổ trong lành, ông mới vào rừng đốn cây cất lên một cái cốc nhỏ để tu.

Một thời gian sau, nhà sư họ Trương viên tịch, thì kế tiếp có vị khác lên thay và từ từ khai thác thêm, trùng tu ngôi chùa cho tốt đẹp, thiện nam tín nữ quanh vùng đến cầu nguyện, cúng chùa rất đông. Rồi vị sư này theo thời gian cũng viên tịch luôn.

Vì không có người kế nghiệp, giữ gìn ngôi tam bảo này nên chùa bỏ hoang vắng một thời gian cũng lâu.

Đến năm 1949, có một vị Yết Ma, mang pháp danh là Thích Giác Độ, trên 60 tuổi, đã từng ngao du hành ở nhiều chùa, nhiều núi, đến viếng chùa

này, và bắt đầu từ đó, nhà sư lại ở luôn tu niệm tại đây. Rồi tiếp tục trùng tu lại ngôi Tam Bảo. Ông cất thêm chính điện, cho mặt chùa quay ra biển, chỗ thời nhà sư họ Trương thì chùa quay mặt vào núi, thêm nhà Tổ Đình, nhà khố, khuếch trương rộng rãi, to lớn. Đồng thời ông không quên công người thứ nhất dựng lên ngôi chùa, nên ông có dựng lên một cái tháp cao tới 7 thước tại chùa để tưởng niệm công nghiệp nhà sư họ Trương.

Cạnh bên Điện Bà, còn dấu hai miệng hang lớn, theo lời của dân chúng tại đây kể lại thì đó là hai cái hang Ông Thần (Hổ) ở tu ngày xưa.

Họ kể rằng, vào thời kỳ này, có hai vị chúa sơn lâm, chiều chiều, khi tới giờ công phu, thường đến ở ngoài ngồi nghe kinh, và chẳng bao giờ bắt gà vịt, phá khuấy dân ở quanh vùng. Và sau đó là ở tu luôn tại hai cái hang ấy. Một ông tu tại đó cho tới chết, còn một ông bị người Pháp bắn lầm khi đi kiếm ăn ngoài rừng.

Trong chùa hay tin, mới tới xin xác về chôn tại trong hang ông ở. Lấy lại cái đầu phơi khô đem thờ trong chùa sau bị người đánh cắp mất.

VŨNG TÀU XƯA

Tưởng cần nhớ lại là năm 1945, nước Việt Nam chúng ta ở vào tình trạng đất nước đầy khói lửa, dân tộc chiến đấu giành độc lập, vật liệu khan hiếm, đường đi lại khó khăn. Thế mà vị trụ trì đã trùng tu lại được ngôi chùa này một cách uy nghi, to lớn, quả thật là công đức không ít.

Theo lời thầy Yết Ma kể lại, thì ngôi chùa này trước có cái tên là Long Nhan Điện, do nhà sư họ Trương đặt ra, nhưng dân chúng thì cứ kêu là Điện Bà, vì họ đã được sự linh hiển của Bà hộ độ, mỗi khi có lời cầu nguyện nào, đều được như ý tất cả.

Nhiều giai thoại của dân địa phương kể lại nghe cũng vui vui, là thời nhà sư họ Trương, mỗi ngày hai buổi công phu, khi chuông mõ gióng lên thì ngoài hai ông Hồ đến nghe kinh, lại còn có cả bảy khỉ lớn nhỏ cũng chạy vây quanh chùa nghe các nhà sư tụng niệm. Và mỗi lần như thế, thầy không quên tặng cho chúng cũng như hai ông Hồ trái cây và chuối cúng Phật của dân làng đem đến.

Và hiện nay ngôi chùa vẫn sừng sững nơi đây, với sự đông đảo phật tử đến chiêm bái, hằng

ngày. Chùa ở vào phái Lâm Tế Lục Hòa Tăng, do vị Tăng Tổ họ Trương khai sáng.

Và vị sư kế vị trụ trì ngoài sự giữ gìn ngôi Tam Bảo, còn giúp cho dân chúng quanh vùng rất nhiều, như trị bệnh cho trẻ em, hốt thuốc nam, mỗi ngày đều có con bệnh đến hốt thuốc khá đông, ngày rằm, ngày vía bốn đạo quanh vùng thường tới lui cúng lạy với tất cả lòng thành. Khởi đầu, từ một cái cốc nhỏ, nép mình trong cảnh vắng vẻ nay trở nên khang trang tráng lệ, thật là một công trình vĩ đại của người thừa kế dày công tu bổ, để làm cho cảnh này trở nên đẹp đẽ. Lúc chúng tôi đến thăm, vị trụ trì đang chuẩn bị xây cất một ngôi chính điện lớn với kinh phí cả mấy triệu đồng.

EO ÔNG TỪ

Chúng ta có dịp viếng Vũng Tàu bằng xe đồ hoặc xe lô, khi đi qua khỏi Bà Rịa, gần tới Vũng Tàu độ 14,15 cây số ngàn, đôi khi nghe một vài hành khách bảo với tài xế : tới chỗ eo ông Từ , cậu Tài nhớ ngừng lại giùm tôi nghe cậu Tài.

Chúng ta ngạc nhiên, không biết tại sao nơi đó kêu là eo ông Từ. Mỗi địa phương chúng ta hẳn

VŨNG TÀU XƯA

từng biết rõ, có một giai thoại, như câu Thị Nghè, thì người xưa bảo là do tích Bà Nghè, là một người hay giúp đỡ kẻ nghèo khổ tu nhân, tích đức nhiều. Người thì bảo là một người nữ du kích đầu tiên khi giặc Pháp tới chiếm lục tỉnh Nam Kỳ. Nên khi bà chết dân tại đây để ghi nhớ công đức dũng cảm của bà nên lấy tên Thị Nghè đặt tên cho cây cầu đó. Hễ nơi đâu có chữ thị đầu là do tên người phụ nữ có nhiều công đức tế độ người tại địa phương đó như Bà Chiểu, Bà Quẹo, núi Thị Vải v.v...

Và eo ông Từ cũng có một sự tích, do dân kêu chỗ ông sống và chết tại đó làm danh từ cho dễ nhớ.

Theo lời các vị niên trưởng tại nơi đây kể lại thì Vũng Tàu cách đây chừng 50 năm, là rừng rậm bao la, có đầy thú dữ như cọp, voi, heo rừng, rắn, rết v.v... nhất là ở vùng Núi Lớn Điện Bà, thuộc về xã Thắng Nhì, tới đập Cây Đước, rồi xuôi qua đất Thổ, Bà Trì, Láng Ông Đồi, Bào Vú, Trũng Găng, Động Bò, toàn thể khắp vùng Tam Thắng, là nơi voi tụ tập nhiều hơn hết. Mỗi năm vào đầu tháng 11 đến tháng chạp, hình như là mùa của các chúa sơn lâm tụ họp về đây, nên trọng tháng này thì rừng cọp

HUỖNH MINH

oi, là cạp, cạp bắt đầu đi từng đoàn 4 con, 6 con, 8 con, xóm gần xóm xa gì đều có cạp đến viếng, không sợ người gì cả. Đến để bắt heo, bắt bò, bắt gà, dấu chân cạp giẫm đầy quanh nhà khi màn đêm bao phủ. Cạp vật heo, vật bò, kêu vang cả đêm, nhưng chẳng ai dám ra ngoài, họ chỉ ở trong nhà đập thùng, đánh trống với nhau, cho cạp sợ chạy đi. Đêm nào như đêm nấy, dân làng có được ngủ trọn đêm đâu, khuya khuya là mấy ông thầy mò về hễ nghe tiếng bò rống, heo kêu là lo đập thùng, đánh mõ rầm lên.

Và theo truyền thuyết của dân địa phương cho biết, năm nào cạp loạn rừng về đông chừng nào, hao heo bò nhiều nhưng sinh mạng con người đỡ chết, vì cạp ít ăn thịt người, còn năm nào cạp ít về thì năm đó tại vùng Tam Thắng nhân dân gặp nhiều tai họa nhiều như, như bị giặc trời, dịch tả, đau một giây, chết một giờ, đủ các thứ bệnh lạ kỳ đến cho dân vùng ấy.

Vì vậy, mặc dù sợ cạp, nhưng lại mong cạp về, vì cạp về chỉ hao trâu, bò, heo, chứ mạng người thì ít hao vì thiên tai.

VŨNG TÀU XƯA

Tại vùng đầu Bào Vú này, có ông Lê Văn Từ, một người lao động, chuyên nghề đốn cây rừng và múc dầu Rái để độ nhật, người võ nghệ cao cường, vợ chồng ông sinh sống tại đây cũng lâu, nhà không con.

Từ ngày cọp thường về rừng, ý mình có võ nghệ đốn theo cạnh rừng, trên con đường cọp rút lui, để hạ cọp. Rất nhiều cọp bị ông đánh chết, hoặc bị thương nặng. Vì đó, cọp quyết tâm báo thù ông Từ.

Một hôm, trời về khuya, gần sáng, ánh trăng non trên trời mảnh rời, mảnh chấp, chấp chờn chiếu xuống cành cây, đợt lá trong rừng, ông Từ theo thói quen múc dầu về bán.

Thình lình, từ trong bụi rậm, ở đôi gần bên, phóng ra một con cọp vàng to lớn, vật ông ngã lăn xuống đất, móc ngay họng ông liền. Thất thế, không thể nào chống cự lại cọp, ông Từ chỉ còn biết kêu rầm lên cầu cứu.

Dân trong xã, kẻ hèo, người gây đổ xô ra tiếp cứu, nhưng khi cọp đã bỏ chạy, còn lại cái xác không hồn của ông Từ nằm quằn quại dưới đất.

Vợ ông và dân làng đem ông về lo chôn cất. Nhưng cọp chưa thoả lòng báo oán, đến tối, cọp còn

HUỖNH MINH

trở lại moi mộ ông Từ lên, định lấy xác ông đi. Vợ ông Từ nghe động, kêu la âm ỉ. Tiếp theo đèn đuốc, dao mác của dân chạy tủa ra, cộc đành bỏ xác ông Từ lại.

Để tránh cho thi hài ông khỏi bị cộc tha lần nữa, bà Từ lần này làm mộ ông rất là kỹ lưỡng, cộc nhón tre gai đóng quanh mộ hai ba vòng rào bao phủ, ở ngoài lại đào thêm hầm sâu, cắm đầy chông, bẫy cộc dưới đó, để ông Từ khỏi bị moi xác lên lần nữa.

Kể từ khi ông Từ bị cộc vồ chết, thì nhân dân tại đây mới đặt tên nơi này là eo ông Từ, để ghi nhớ công ơn của ông, nhiều lần giết cộc, cứu dân trong xã.

BÃO NĂM THÌN (1904) TỪ GÒ CÔNG ĐẾN VŨNG TÀU

Vào khoảng năm 1904, một trận bão dữ dội, xuất phát tại biển Tân Thành, thuộc tỉnh lý Gò Công, đã gây thảm họa tàn khốc cho biết bao nhiêu gia đình, lương dân ở tại tỉnh này.

VŨNG TÀU XƯA

Từ trước tới giờ trong lịch sử gió bão tại miền Nam chưa từng xảy ra trận bão ghê gớm nào, tàn phá quá độ tưởng tượng của người dân như thế.

Trên hàng ngàn người chết vì bão, còn nói gì heo gà, trâu, bò, cây trái, nhà cửa thì thôi hư hại chết chóc vô số kể.

Chỉ có trong một đêm, mà sự tai hại đến như thế, thì chúng ta biết trận bão này ghê gớm đến bậc nào.

Trận bão năm Thìn còn gieo sâu đậm trong lòng người dân miền Nam thật rất lâu, cho đến bây giờ, những bô lão nào còn sống sót, có ở vào tình trạng ngày bão năm Thìn ấy, nhắc đến còn hãi hùng, ghê rợn.

Trận bão năm Thìn chẳng những gây tai hại nhiều cho tỉnh Gò Công, mà còn làm thiệt hại cũng khá nhiều tới những miền Duyên Hải. Trong đó, chúng ta phải kể đến Vũng Tàu, Bà Rịa v.v... là những vùng cũng bị tai hại nặng nề không thua gì tỉnh Gò Công.

Vũng Tàu khi Pháp chiếm thì rừng bị khai phá dần dần. Tại bãi biển, dọc theo các con đường đi quanh vùng Núi Nhỏ ở Bãi Trước, Pháp cho trồng

rất nhiều đừa, để lấy dầu đốt đèn pha và đèn đường. do tai hại của trận bão năm Thìn mà bao nhiêu hàng đừa cao thấp chạy dọc theo các đường bờ biển đều bị ngã rạp hết và nước biển lồi cuốn đi thành đất trống. Sau này Pháp trồng lại một ít.

Đừa rễ ăn sâu dưới đất mà vẫn bị ngã một cách dễ dàng, nói gì đến nhà cửa của dân, bay nóc, sập nhà mau lẹ hơn hết, nước biển cuộn cuộn đưa vào nhanh chóng một cách phi thường, còn trên trời mây đen vần vũ, mưa đổ như thác lũ, gió lốc thổi mạnh cực kỳ, tới những nơi cổ thụ chắc chắn, to lớn trên núi cao, hay trong rừng sâu cũng đua nhau ngã rạp hết cả.

Nhưng sự thiệt hại về mạng người tại Vũng Tàu ít hơn Gò Công. Vì sao ? Vì nhờ Vũng Tàu có núi cao, dân cư phần nhiều ở gần triền núi, hay trên dốc núi, một số ít dân chài lưới mới ở gần mé biển mà thôi. Khi nước vừa dâng trào cuộn cuộn lên tới đâu thì dân cư đổ xô chạy lên núi cao chừng nấy, thêm nhờ những hang đá chắc chắn trên núi, dân chúng núp vào đó tránh mưa, cây đề, khi cây bị gió bão làm trốc gốc.

VŨNG TÀU XƯA

Nhiều tàu bè chạy ngoài khơi, ghe các ngư phủ hàng ngày đi trên biển cả, lúc tai nạn xảy ra vào bờ không kịp, một số ghe không vững bị gió thổi sóng đánh nhấn chìm mất tích, người nào còn sống sót được trở về, ngây ngất năm bảy ngày mới tỉnh, thuật lại những cảnh phong ba bão tố, vật lộn với tử thần, chẳng may bị nước cuốn đi vong mạng, ai nấy nghe đều ngậm ngùi rơi lệ, cũng vì một trận bão làm cho tiêu tan sự nghiệp, người chết một cách thảm thương.

Theo lời của một vài người sinh trưởng tại Vũng Tàu kể lại, trước những năm bị bão, người Pháp có xây một cây cầu bằng đá chạy ra tới đèn xanh, định làm hải cảng cho Vũng Tàu thời ấy, nhưng bị một trận bão đánh lở mất hết, chỉ còn một đoạn ngắn ở bên trong, sau này sửa chữa lại, không thì Vũng Tàu có hải cảng từ lâu rồi.

Sau cơn bão lụt tang thương, nhà cửa sập, người chết, hoa màu hư, khi nước rút rồi, dân chúng gom nhặt những cái gì còn sót để gầy dựng lại. Mặc dầu trong cảnh đau thương, họ không khỏi vừa buồn vừa cười. Cười ra nước mắt, câu chuyện này xảy ra tại một làng ở Gò Công, chúng tôi xin thuật lại để

hiến bạn đọc toàn quốc và đồng bào Vũng Tàu qua một câu chuyện thương tâm và buồn cười xảy ra trong lúc bão lụt, nay các bô lão vẫn còn nhắc nhở : nhân một lễ cúng đình ở xã Tân Bình Diên, hạt Gò Công thuở nọ, hương chức hội tề nước gánh hát bội về hát cúng thần ba xứ, mới vừa xây cầu, hát được phân nửa tuồng Quan Công Phò Nhị Tẩu, dân chúng kéo nhau đi coi hát rất đông, đang mê man với màn hấp dẫn, bất ngờ nước lên mà dân chúng nào cố hay, vị bồi bái cầm chầu nhịp liên hồi, tới lúc gậy cần quá ai cũng cười ngất, không ai biết tai họa sắp đến với mình,

Phút chốc nước ào ào như đê vỡ dâng lên, và dâng thật nhanh 1 tấc, 2 tấc 3,4,5,6,7 tấc... hoảng vía kinh hồn, người xem hát cũng như các đào kép đua nhau bỏ chạy tán loạn. Mỗi người tìm chỗ tránh nạn, sóng nước dâng lên cao 5,7 thước tới nóc đình vô đường sinh lộ, lúc bấy giờ chỉ thấy trời nước mênh mông. Một phần đông, dân chúng cũng như đào kép hát, không phương tránh kịp bị nước lôi cuốn, nhấn chìm cũng khá đông.

Sau khi nước rút, người ta lấy làm buồn cười tới ra nước mắt khi thấy áo rồng, hia mào, gấm treo

VŨNG TÀU XŨA

toòng teng phấp phới đầy các ngọn cây còn đứng vững trong cơn bão gió, nước tràn.

Sau ngày nước cạn, quan chánh tham biện ở Gò Công (thời ấy là ông Adomolle) viết trát gửi về cho các làng tổ chức việc kiểm tìm tử thi, và kiểm điểm dân số, kê khai sự thiệt hại tài sản của đồng bào .

Lúc bấy giờ người ta chia nhau từng nhóm 5,10 người lục soát khắp nơi trong tỉnh để tìm xác chết, người ta gặp được xác “ Quan Công”, “ Tào Tháo”, nằm vất trên những đồng rơm, ngọn tre, mặt mày còn nguyên son phấn rồi khiêng đi chôn gần đó.

Lúc trước tôi có xuống đây để sưu tầm tài liệu viết quyển : “ Gò Công”, đồng bào ở đây nói, ông muốn xuống viếng mả Quan Công thì chúng tôi sẽ sẵn sàng hướng dẫn ông đến chỗ đó. Một câu chuyện xảy ra trên mấy chục năm qua, trong ký ức mọi người không sao quên được, trận bão năm Giáp Thìn chỉ có Gò Công bị nặng nhất, Mỹ Tho, Bến Tre, Vũng Tàu, Bà Rịa không thiệt hại bao nhiêu. các nơi này chỉ hư hại về nhà cửa, cây cối, gia súc, chớ người chết không là bao.

HUỖNH MINH

Gò Công từ ngày đó tới nay hàng năm đến ngày 16 tháng 3 âm lịch, dân chúng có thân nhân chẳng may xấu số, cùng họp nhau cúng quảy gọi là ngày giỗ hội.

Tháng ba, mười sáu lai niên

Cũng trùng một bữa, đậu tiền cúng chung

Quang cảnh giỗ hội bi đát thế nào, con số 5000 người chết trong một đêm lâm nạn, muôn thuở như còn vang tiếng khóc, hoà cùng sóng biển rào rạt trên đất Gò Công. Mỗi lần nhắc đến ai nấy cũng xót xa.

Nói đến trận bão Vũng Tàu, chúng tôi thấy cần phải nhắc nhở tới một vài sự việc xảy ra ở Gò Công, hầu cố gắng hiến bạn đọc thêm vài chi tiết tỉnh táo.

CÂU CHUYỆN LY KỶ VÊ BA VỊ KHÁCH BÍ MẬT 1938

Một buổi chiều mùa thu, có ba du khách ngoại quốc đến Vũng Tàu, người ta trông thấy họ đi lại khắp nơi, vào cả những chỗ cấm của chính quyền và chụp hình rất nhiều cảnh vật. Sau đó, cả ba kéo

nhau vào Bến Đình, thuê một chiếc ghe của ông Bộ Châu, nói sang Cần Giờ dạo chơi.

Ba ông khách trả tiền thuê là 40 đồng bạc, đây là một số tiền rất hời vì thông thường cả ngày đi biển chài lưới, chỉ kiếm được giỏi lắm là một hai chục bạc. Tiền trước một nửa, và hẹn sáng hôm sau bắt đầu khởi hành.

Sáng tinh sương, chiếc xe ngựa lạch cạch đỗ ngay trước nhà ông chủ ghe, nằm cạnh bờ rạch Bến Đình, cách lảng Ông Non 200 thước. Khách lại tươi cười nhờ ba ông ngư phủ mang hai chiếc va ly to tướng, nặng trĩu trĩu xuống ghe.

Quái ! Đi chơi gì mà mang đồ nhiều vậy ?

Một ông bạn hỏi trống không như vậy, nhưng trong thâm tâm không một mảy may thắc mắc.

Cuộc hải trình khởi đầu, trong im lặng của buổi sáng tinh sương thanh bình và niềm hân hoan của gia đình ông chủ ghe, vì đã kiếm được một món xộp hi hữu.

Ghe ra vàm, nhắm hướng Cần Giờ, thì bỗng nhiên một trong ba người lạ kia bước lại giành tay lái của Ông Châu, và đuổi cả Ông Châu cùng ba người đồng nghiệp dồn vào trong mũi ghe. Từ đây, chiếc ghe nghiêng nhiên trườn mình trên sóng nước, lướt ra khơi.

Sóng ngoài khơi, càng xa càng cao. Gió mạnh, con thuyền cứ đi mãi mờ giữa trời nước bao la một màu xám xịt.

Đến ngày thứ hai, rồi thứ ba ... sự sợ hãi bao trùm lên tâm trí bốn ngư phủ Việt Nam. Chưa bao giờ họ dấn thân vào một cuộc phiêu lưu như vậy, họ nhìn mây, nhìn trời... mây chuyển vần dồn cục báo giông tố. Trời mênh mông không thấy đâu là chân trời. Mặc dầu người ta đã tử tế chia phần ăn cho họ, bánh mì, đồ hộp, song nào họ có nuốt cho trôi.

Sợ hãi đã làm cho tất cả trở nên bơ phờ mệt mỏi. Riêng ba kẻ chủ động, bây giờ cũng không

khỏe gì hơn. Họ thay phiên nhau giữ tay lái. Và canh chừng phản ứng bốn nạn nhân của họ.

Tình trạng căng thẳng ấy kéo dài thêm ba hôm nữa.

Đi về đâu ? Một cuộc đi vô định nhất định sẽ đi vào... bụng cá mập. Không thốt nên lời, nhưng cả bốn ngư phủ, đều nghĩ giống y như nhau. Người khách xem ra cũng chểnh mảng trong việc canh chừng, tạo điều kiện dễ dàng cho các ngư phủ hội ý hành động để giải thoát.

Đêm vừa hiện ra bao trùm mặt biển cả, lợi dụng sự lơ đãng của đối phương, cả bốn ngư phủ nạn nhân vùng dậy cùng một loạt, kẻ cột chèo, ván sập, người dao mác ủa ra đập chém túi bụi vào ba ông du khách quái lạ. Tên ngồi giữ lái lãnh ngay một mác vào giữa mặt, gục đầu xuống sập, tay chân vùng vẫy trong thế tuyệt vọng thảm thương, còn hai tên kia đang ngủ gà ngủ gật bên bạn, cũng lãnh mỗi tên

một cột kèo bổ vào đầu, máu phun ra xối xả, bốn ngư dân vội vàng vớt xác chúng xuống biển.

Xác chúng lênh bênh trên biển, máu chan hoà, đỏ một vùng nước mặn.

Sóng nhấp nhô đưa xa dần, xa dần ba khối thịt vô tri ra đến nơi mà không còn trông thấy nữa.

Như vừa qua cơn ác mộng hãi hùng, cả bốn người giật mình, nhớ lại còn hai cái va ly để trong mui. Chủ thuyền đưa ra ý kiến.

- Phải mở va ly ra xem, rồi vớt xuống biển đi !
- Ừ ! thử xem...

Hai cái va ly, trong phút chốc, được xé banh để rớt ra nào địa bàn, họa đồ và máy móc lạ hoắc, nhưng rất đẹp, họ thuộc thành phần nào ? Đến lúc một xấp họa đồ Vũng Tàu bị moi ra, mở ra trước mắt mọi người, ông Châu mới đoán :

- Trời ơi ! Tội này dọ thám, các cha ơi !
- Dọ thám ?
- Ghê quá !

- Thôi thôi ! quăng hết đi !!!

Không đợi phải giục lần thứ hai, cả bốn đều hát cả va ly xuống biển không tiếc, họ xem đó là những vật đáng sợ ! Xong, họ hăng hái xách nước rửa sạch máu trên ván sạp, rồi định hướng lái ghe trở lại Vũng Tàu.

Ở Bến Đình từ bốn hôm nay, sự mất tích những người trên ghe đẩy Ông Châu đã làm xôn xao dân làng. Có người trách ông Châu tham tiền, liều lĩnh. Có kẻ nhẹ nhàng hơn cho là ông Châu gặp vận rủi, thời đen...Nơi bốn gia đình tang tóc, bàn thờ dựng lên trong tiếng khóc thê lương, không còn hy vọng nào nữa.

Nhưng bỗng nhiên rồi khuya hôm thứ sáu, chiếc ghe kia lại cập bến. Thật chưa có nỗi mừng nào hơn !

Cả làng xôn xao, bàn tán.

Viên cảnh sát trưởng lúc bấy giờ có tên Claiser ở Vũng Tàu cho đòi bốn kẻ vừa phiêu lưu ra... điều tra và họ khéo léo khai :

“ Chúng tôi ra đi... đến ngày thứ tư thì gặp ngay một chiếc tàu thật lớn, sơn màu xám, bỏ neo không biết từ bao giờ. Ghe cặp tàu. Một người trong bọn có hỏi ông Châu :

- Có muốn đi sang bên ấy... học không ? Sẽ cho đi theo ! Ông Châu từ chối. Họ trả tiền sòng phẳng, phân phát thêm thực phẩm lấy ra từ chiếc tàu, chào chúng tôi rồi ra dấu bảo chúng tôi quay về, chúng tôi quay mũi, thì con tàu kia cũng kéo neo.

Câu chuyện đã được họ thống nhất kể lại y hệt, không khác nhau lấy một lời, nên Viên Cò Pháp, biệt danh là Cò Xệ (vì môi dưới y xệ xệ) đã bắt đầu tin thật.

VŨNG TÀU XƯA

Bên ly rượu Tết khê khà, ông Châu kể cho chúng tôi nghe câu chuyện đã trôi qua mấy chục năm

CHƯƠNG VII

VŨNG TÀU QUA THƠ CA MỘT THỜI THƠ VŨNG TÀU

Mấy năm mới trở lại nơi đây,
Phong cảnh Vũng Tàu đã đổi thay.
Xa tít chân trời mây cuộn sóng.
Cheo leo mặt biển núi nhô cây.
Ngoài khơi tàu đậu phun đen ngịt,
Dọc bãi khách du giỡn nước say.

HUỖNH MINH

Cảnh cũ nhưng lòng người chẳng cũ,
Thiên nhiên thông cảm lắm điều hay.

Lê Văn Lựe – 1/7/1962

Trường Nguyễn Thái Học Sài Gòn

HỌA NGUYỄN VẬN

Vũng Tàu gấm vóc mãi còn đây,
Non nước bao la cảnh vẫn thay.
Sóng biếc lô nhô đồn bãi cát,
Đá xanh chất ngất mọc lùm cây.
Nắng chiều thi sĩ thêu thơ mộng,
Gió thổi ngư ông tiệp tỉnh say.
Du khách dập dìu vui ngoạn thưởng,
Bức tranh tạo hóa ngắm càng hay.
Chí Thiện (Xóm Củi)

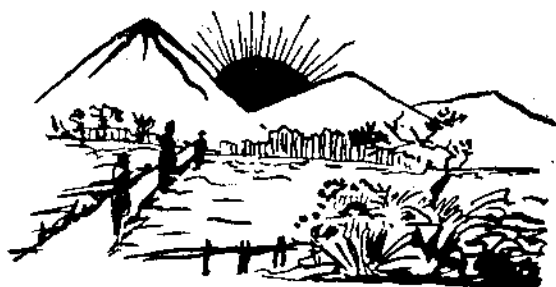
20/8/1963



Vui đùa trên sóng nước ở Bãi Sau

LẠI QUA Ô CẤP

Trải ngót ba thu lại tới đây,
Năm kia Ô Cấp khác ngày nay.



HUỲNH MINH

Trước còn Pháp đóng vai trò Đế,
Giờ đã mình lên địa vị Thầy.
Non nước xanh trong lòng xiết cảm,
Cỏ hoa tươi thắm cảnh càng say.
Chủ quyền vốn sẵn thiên thư định,
Ngẫm cuộc vẫn xoay chắc những ngày...

TẮM BIỂN VŨNG TÀU



Thuyền vừa cập bến

Lại ra Ô Cấp tắm mà chơi,
Trông xuống, trông lên nước với trời.
Vỗ cánh quăn chi cơn sóng gió,

VŨNG TÀU XƯA

Sạch mình há ngại cõi trần ai.
Nhấp nhô mặt biển bao hồng rờn.
Mơ mộng sườn non lấm mắt coi
Như gợi nguồn thơ khi cảm hứng
Tiêu dao âu cũng ích cho đời
(trích trong Văn Hóa Nguyệt San số 44)

Thùy Nhiên



Tháp chuông chùa Điện Bà

CẢNH VẬT VŨNG TÀU

Dạo xem nước ngọt tại Long Thành,
Núi Cáp bao la cảnh hữu tình.

Bãi Ty, lạnh lùng phơi cát trắng.
Hòn Rùa, lặng lẽ, ngấm mây xanh.
Trời mây phô đủ trăm hình sắc,
Non nước thu vào một bức tranh,
Sơn tự huy hoàng cao chót vót.
Chuông chiều còn vọng mãi âm thanh.
Chuông chiều còn vọng âm thanh,
Hồn thơ còn vọng mối tình nước non.
Trắng kia bao độ khuyết tròn,
Cánh hồng muôn dặm vẫn còn dấu xa.

Hồng Thiên nữ sĩ

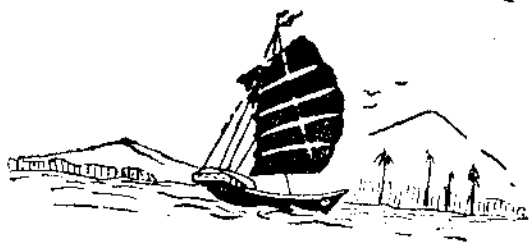


THẮNG CẢNH VŨNG TÀU

Vũng Tàu phong cảnh đẹp như mơ,
Trời nước mênh mông ngập bến bờ.
Biển nước sóng đùa buồm trắng xóa,
Bãi Sau gió lộng núi xanh lơ.
“Hương Phong” sỏi đá nằm ngang ngổn,
“Ô Quán” rong rêu lội phát phơ.
Du khách dập dìu vui, thưởng ngoạn,

Văn Nhân, thi sĩ dậy hồn thơ.

Nữ sĩ Song Hườn



QUA VŨNG TÀU

Thay đổi từng cơn-cuộc bể dâu,
Thừa lương mượn chút cảnh tiêu sầu.
Xanh rờn mặt nước, trời in vẽ,
Vàng phết chân non, cát ánh màu.
Quanh Vũng, nhấp nhô dăm cảnh bãi,
Ngoài khơi thấp thoáng mấy con tàu.
Phải chăng biển vẽ tranh nhân thế,
Sóng chẳng lằm than cũng bạc đầu.

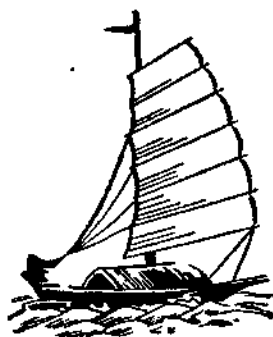
V.T Phan Xuân Độ



ĐẾN VŨNG TÀU

Để bước đầu tiên đến Vũng Tàu,
Trung Nam cảnh vật vẫn in nhau.
Em thơ, mái tóc : xanh xanh ngắt,
Cụ cả, chòm râu : trắng trắng phau.
Chị nọ âu sầu, nên bởi ốm,
Anh kia tức tưởi khóc vì đau.
Mênh mông biển khổ thuyền xuôi ngược,
Lác đác sao băng, gió thét, gào.

Vũng Tàu 14/6/1959 Kỷ Hợi
Thượng Tọa Giác Huệ



THẮNG CẢNH VŨNG TÀU

Cảnh đẹp miền Nam có Vũng Tàu,
Nước non như vẽ đẹp muôn màu.
Kỳ hương nồng đượm xông chùa thấp,
Dị thảo xanh tươi lợp núi cao.
Nhô cánh thuyền khơi xa diệu vợi,
Há mồm biển thét giọng rì rào.
Trời mây đậm nét xanh pha trắng,

VŨNG TÀU XƯA

Cảnh đẹp miền Nam có Vũng Tàu.

Bửu Đà

19/10/1965



VỊNH BỂ SÂU

Nước non là nước non trời,

Ai phân được nước ai dời được non ?

Đố ai biết cá mấy con ?

Lội bơi mấy nẻo, sống còn mấy nơi ?

Nghìn trùng biển cả chơi vơi,

Ai dò tận đáy, ai bơi tận bờ.

Mịt mù từ thuở ban sơ,

Một khung bí ẩn bến bờ mênh mông.

H.A



BÀI THỨ NHẤT

Bờ biển miền Nam nhất Vũng Tàu,

Non Bồng nước Nhược kém chi đâu (1)

Trông vời mặt sóng từng mây khói (2)

Nổi bật sườn non những phố lâu,

Một chốn ngư tiêu thêm thú vị (3)

Bốn phương xa mã cũng đua nhau,

Thành trì trọng trấn cho bang vực (4)

VŨNG TÀU XƯA

Sơn đảo vào ra cỗi yết hầu (5)

1. Non Bồng nước Nhược là nơi tiên ở ngoài đảo nước mây.
2. Khói mây là yên ha, nơi vui thú của những ẩn giả.
3. Ngư là hàng chài, tiều là đốn củi, đây của ngư tiều mà hóa thị xã.
4. Bang vực là bờ cỗi đất nước, quan trọng cho sự mất còn ở đời nay.
5. Yết hầu là cuống họng, ăn vào nhả ra, ví nơi đây xuất nhập cảng là quan trọng của đời nay.





Tòa thị chính Vũng Tàu

THỊ XÃ VŨNG TÀU QUA CÁC KHU PHỐ

Theo quy chế tổ chức chung cho Vũng Tàu phân ra 5 khu phố gồm 29 khóm trong đó có 2 khóm mới được thành lập.

Thứ tự	Tên khu phố	Các khóm trực thuộc
--------	-------------	---------------------

HUỶNH MINH

1. Khu phố Vũng Tàu

- Nhà Thờ
- Lê Lai
- Lam Sơn
- Nguyễn Thái Học
- Thắng Hòa
- Xóm Mới

2. Khu phố Thắng Nhứt

- Phương Hoa
- Thủy Giang
- Xâm Bồ
- Nam Đồng
- Cư Hiệp

3. Khu phố Thắng Nhì

- Chợ
- Lăng Ông
- Lê Lợi
- Chùa Ông
- Ngư Căng
- Sao Mai

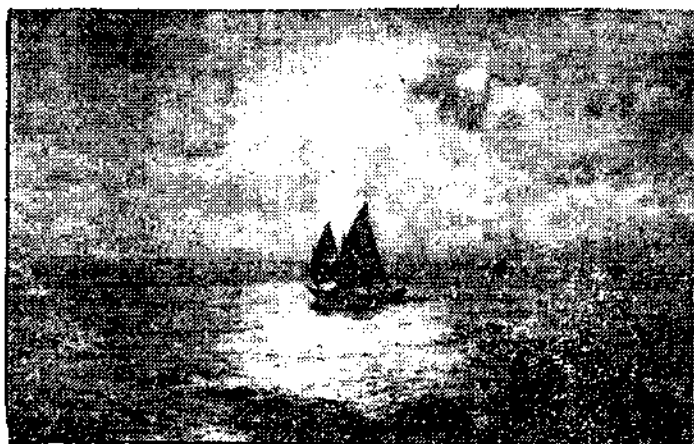
4. Khu phố Thắng Tam

- Xóm Rẫy
- Bàu Sen
- Chùa Phật
- Xóm Vườn

VŨNG TÀU XƯA

5. Khu phố Phước Thắng

- Xóm Lưỡi
- Phước Thành
- Phước Thiện
- Nam Bình



Thuyền lướt ra khơi với cảnh trời nước mênh mông

KINH TẾ VŨNG TÀU NĂM 1960 – 1970

Các cơ sở kỹ nghệ và tiểu công nghệ tại Vũng Tàu, tương đối phát triển nhờ dân cư này càng đông đúc. Sau đây là số cơ sở đang hoạt động, nhất là ngành khách sạn thịnh hành nhất, khắp trong 5 khu phố có trên 40 khách sạn lớn đủ tiện nghi đã

HUỖNH MINH

được khai thác triệt để. Những ngày lễ, chủ nhật không còn trống một căn phòng nào cả, những khách sạn nhỏ lẻ tẻ cũng không trống. Các Bar mọc lên như nấm, đủ màu sắc và tấp nập khách ra vào, mỗi tuần thu vô một số lợi nhuận đáng kể.



Y TẾ VŨNG TÀU TỪ 1960 - 1970

Tại thị xã có một bệnh viện công gồm hai khu, khu bệnh nhân và khu bảo sinh, một khu giải phẫu đã được thiết lập. Số bệnh nhân đến khám và điều trị nhiều.

Vũng Tàu còn có ba nhà bảo sinh tư đủ tiện nghi và sáu phòng khám bệnh. Tại mỗi khu phố đều có trạm y tế, bệnh xá chẩn bệnh và phát thuốc cho

đồng bào. Phòng phát triển y tế Hương Thôn cũng hoạt động thường xuyên.

NÔNG NGHIỆP VŨNG TÀU TỪ 1960 – 1970

Đất ở Vũng Tàu ít phù sa, hầu như thuận chất cát nên không thích hợp với việc trồng lúa. Diện tích trồng trọt được chỉ độ 5% diện tích toàn Vũng Tàu, những nơi ruộng cao thì thiếu nước, những chỗ thấp thì dễ bị ngập lụt, do đó đa số nông dân ở các khu khóm đã xoay qua nghề trồng hoa màu phụ và cây ăn trái. Số lúa thu hoạch hầu như không đáng kể. Các loại cây ăn trái có nhiều loại tại Vũng Tàu, măng cầu, nhãn, vú sữa, xoài, mận, ổi ... về hoa màu phụ thì có rau, cà, khoai mì ... nhưng cũng không đủ cung ứng cho nhu cầu dân chúng trong Vũng Tàu.

LÂM SẢN VŨNG TÀU TỪ 1960 – 1970

10% dân chúng sống bằng nghề khai thác lâm sản. Ở Vũng Tàu không có gỗ quý, lâm dân chỉ khai

HUỖNH MINH

thác được các loại cây để làm củi, đốt than ... Trung bình mỗi tháng khai thác được 2218 thước củi và 105 tấn than để cung cấp cho dân địa phương.

CHĂN NUÔI

Ngành chăn nuôi tại Vũng Tàu, không được phát triển rộng vì thiếu đồng cỏ rộng. Các loại gia súc được chăn nuôi như : Gà, vịt, bò ...

NGƯ NGHIỆP

Một phần tư dân số Vũng Tàu sinh sống bằng nghề chài lưới, số ngư thuyền gắn động cơ ngày càng tăng nhờ sự làm ăn phát đạt chương trình nông tin bán động cơ trả góp cho ngư phủ, số ngư thuyền đang hoạt động tại Vũng Tàu gồm : 1.076 chiếc, trong số này có 682 chiếc gắn động cơ và 385 chiếc không động cơ.

Trong chương trình phát triển ngư nghiệp nhiều biện pháp đã được thực hiện nhằm giúp đỡ ngư dân như cấp phát cá giống, hướng dẫn việc đào ao nuôi cá ...

Số hải sản thu hoạch được rất khả quan.

Hải sản tươi thu mỗi năm trên 13.384 tấn.

VŨNG TÀU XƯA

- Hải sản chế biến 7.658 tấn

Nền kinh tế Vũng Tàu được dồi dào một phần lớn phụ thuộc vào ngành du lịch. Số thuế đánh vào xe du lịch chiếm phần không nhỏ trong số dự thu ngân sách. Ngoài ra sự hiện diện của hàng ngàn du khách mỗi tuần còn đem lại lợi tức đáng kể cho Vũng Tàu.



Chợ Vũng Tàu

SINH HOẠT CHỢ BÚA

HUỖNH MINH

Tại mỗi khu phố đều có một ngôi chợ nhỏ, nhưng mức buôn bán tại các chợ thuộc khu phố Phước Thắng, Thắng Nhứt và Thắng Nhì chỉ ở mức trung bình. Riêng tại chợ Vĩng Tàu là nơi mua bán thịnh hành hơn hết cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho 5 khu phố Vĩng Tàu. Với bạn hàng nhóm đông đảo hơn xưa, số người bán càng ngày càng tăng, hàng trái cây, rau cải, hàng thịt có bán riêng biệt từ khóm, kẻ qua người lại huyên náo, sự mua bán rất sung túc đầy nhựa sống trong cuộc tranh thương hàng ngày. Chợ Vĩng Tàu chỉ bán có một buổi tới một giờ trưa là tan hết.

THẮNG NHỨT NGÀY XƯA



Khu phố Thắng Nhứt ngày nay

VÙNG TÀU XƯA

Một vài bô lão địa phương kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện xảy ra đã lâu về xã Thắng Nhứt như sau :

Xã này ngày xưa bị trận bão năm Giáp Thìn 1904 tàn phá. Cây cối ngã hết, nhà cửa tiêu tan, đời sống đồng bào ở đây hết sức khổ sở, có người phải bỏ xứ đi nơi khác sinh cơ lập nghiệp. Bao nhiêu năm gây dựng trồng trọt phút chốc chỉ còn hai bàn tay trắng. Cảnh vật điêu tàn, chỉ còn trơ lại một vài di tích lịch sử của người Chiêm Thành, những cái bầu to ngập nước mang tên là Bưng Nghệ. Nằm gần sân bay xưa, với một chiếc cầu gọi là cầu Rạch Bà đã có từ lâu đời nhưng ít hiểu sự tích cây cầu này ra sao, sau này được trùng tu lại. Thời ấy đồng bào sống về nghề làm rẫy, chài lưới để kiếm ăn, chớ không khuếch trương rộng lớn như bây giờ, một số nông dân lao động đi làm công, ít người giàu có.

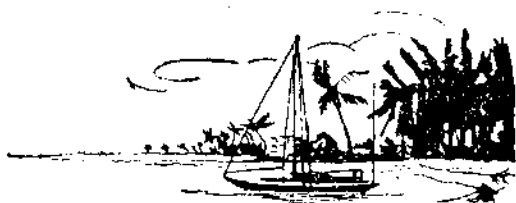
THẮNG NHỨT VỚI MỘT CẢNG LỚN Ở MIỀN NAM

Thắng Nhất sau này hoàn toàn đổi mới về mọi mặt, đồng bào đến đây cư ngụ rất đông, nhất là đồng bào di cư về cất nhà dọc theo lộ 17 hai bên phố xá dính liền với nhau, chợ búa nhóm họp tối ngày, nhiều quán mọc lên bán thức ăn, đồ giải khát sinh hoạt có vẻ huyên náo, kẻ qua người lại tối ngày, các quán có những cô chiêu đãi mặt tô đầy son phấn đón tiếp khách hàng với nụ cười duyên dáng đầy quyến rũ.

Sinh hoạt chính ở khu phố này là nghề chài lưới, mua bán và kỹ nghệ đóng đồ gỗ tiêu thụ cho giới bình dân, một số trồng rẫy, hầm than, hầm vôi nghề nào làm cũng được thịnh hành.

1. Khu phố Thắng Nhất ngày nay với một sân bay được canh tân rộng rãi, phi cơ lên xuống tối ngày chuyên chở hàng hóa.

2. Bến tàu Rạch Dừa khi xưa, là nơi tập trung hành khách từ Sài Gòn về đàu ở đây, nay hoàn toàn đổi mới với bộ mặt náo nhiệt, trở thành một cảng quan trọng.



THẮNG NHÌ NGÀY XƯA VỚI XÃ BẾN ĐÌNH SAU NÀY TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG KHU PHỐ TRÙ PHÚ NHẤT CỦA VŨNG TÀU

Thắng Nhì ngày xưa mang tên là xóm ghe lười, người địa phương gọi là Bến Đá, dân cư thưa thớt, đồng bào ở đây chuyên sống bằng nghề hạ bạc. Có một số đồng sống bằng nghề củi ở rừng sát và làm đá dọc theo triền Núi Lớn cho các nhà thầu, thời ấy chưa có nhà ở đông. Đến năm 1954 có một số đồng bào người Bắc di cư vào trú ngụ ở miền

HUỖNH MINH

Trung một thời gian rồi vào đây sinh cơ lập nghiệp khá đông, họ cất nhà dọc theo triền Núi Lớn chạy vào Bến Đá, Bến Đình để làm ăn cho đến ngày nay, nhờ họ siêng năng cần mẫn, nhà nào cũng được khá giả, đất cũ đái người mới.

Về mặt địa lý, thì nơi đây ở một vị trí thuận lợi về giao thông thủy bộ, kho tàng hải sản vô tận và nhiều danh lam thắng cảnh thu hút được rất đông du khách.

VÀI NÉT ĐẠI CƯƠNG

Với một diện tích 1.033 mẫu tây, dọc theo bờ biển Đông, và cách trung tâm thành phố Vũng Tàu độ 3 cây số về hướng Đông Nam. Khu phố này năm 1970 qui tụ 3.304 gia đình gồm 22.113 nam phụ lão ấu sống tại 7 khóm : khóm chợ, Lăng Ông, Lê Lợi, Chùa Ông, Bình Lợi, Bình Hải và Sao Mai.

Dân cư phần lớn sống bằng nghề đánh cá, số còn lại buôn bán làm công cùng làm các nghề linh tinh khác. Về tín ngưỡng độ 50% theo Phật Giáo, 20% theo Công Giáo, 2% theo Cao Đài, 1% theo Tin Lành còn lại theo đạo thờ ông bà.

Có thể nói khu phố Thắng Nhì đứng hàng đầu trong Vũng Tàu về số chùa chiền, đền, miếu, các cơ

VŨNG TÀU XŨA

sở tôn giáo hầu hết được xây cất dọc theo triền Núi Lớn, đáng kể nhất là Phật Đài Thích Ca, Qui Sơn Cổ Tự, Phước Lâm Tự, Pháp Hải Tự, Linh Sơn và Phổ Đà Tự.

Công giáo có ba nhà thờ với Đài Đức Mẹ Bãi Dâu nổi tiếng là nơi u nhàn thanh lịch với cảnh đẹp thiên nhiên, với gió mát trong lành thổi quanh năm. Đông đảo du khách nhất là giáo dân, đến đây viếng thăm hoặc hành hương trong những dịp cuối tuần và những ngày lễ nghi.

Khu phố Thắng Nhì được xem là một khu phố điển hình về xây dựng.

Chỉ trong vòng mấy năm mà khu phố đã tu sửa và xây cất được 37 phòng học tại hai trường tiểu học và một trường sơ cấp công lập thu nhận 2.065 nam nữ học sinh. Đó là chưa kể trường sơ cấp Bồ Đề và trường tiểu học Fatima của Công Giáo với trên 700 học sinh nội trú. Trên lĩnh vực y tế, xây cất hai nhà hộ sinh và trạm phát thuốc tại khóm Bình Hải, Lăng Ông, do một số cô đỡ hương thôn thường xuyên phụ trách và một chấn y viện thiết lập tại ngư cảng Bến Đá để trị bệnh miễn phí.

HUỖNH MINH

Về cuộc chỉnh trang và tái thiết, khu phố đã tân tạo, tu sửa và mở rộng thêm 1.500 thước đường đá tráng nhựa và trên 2.000 thước đường đất đã được hoàn thành.

Hệ thống cống thoát nước dơ từ thành phố ra sông Bến Đình nằm trong khu phố Thắng Nhì cũng đã được thiết lập 7.000.000 đồng tiền bấy giờ.

Một nhà lồng chợ tại Bến Đình dài 20 thước, rộng 10 thước, đúc bê tông cốt sắt đã được xây cất năm 1968. Tốn trên 1.000.000 đồng.



Nhà lựa cá ở Bến Đình thuộc khu phố Thắng Nhì năm xưa

HẢI SẢN, NGUỒN LỢI CHÍNH

Theo tài liệu kiểm kê của Ngư Nghiệp khu thì phố Thắng Nhì có trên 600 ngư thuyền, hầu hết đều có động cơ từ 6 đến 175 mã lực, trọng tải từ 3 đến 45 tấn.

Ngư thuyền trọng tải 45 tấn trung bình mỗi tuần thu hoạch 6 tấn hải sản (bán ra với giá sỉ từ 50 đến 150 đồng tiền bấy giờ 1 kilô tùy theo loại).

Ngư phủ không những hành nghề dọc theo bờ biển Vũng Tàu mà còn đi đánh cá tận các miền xa như Côn Sơn, Rạch Giá và mũi Cà Mau. Trong mỗi chuyến đi như vậy, họ phải chở theo nhiều nước đá để ướp hải sản và sau mỗi chuyến đánh cá họ thu hoạch khá nhiều lợi tức, cho nên người ta không làm lạ khi thấy hầu hết giới này đều khá giả, chỉ trong vòng mấy năm mà cất nhà gạch, mua thêm ngư thuyền, thủy động cơ với đầy đủ khí cụ.

HUYỀN MINH

Vào năm 1954, lần đầu tiên khu phố này tiếp nhận 176 đồng bào miền Bắc di cư đến lập nghiệp tại Bến Đá.

Đến năm 1958, khi số gia đình di cư đến lập nghiệp ngày càng đông, bắt đầu xây dựng tại đây nhiều ngư nghiệp như cất chợ cá, nhà lượ cá, nhà hội ngư phủ, đồng thời làm 6 cầu gỗ và một cầu sắt để giúp cho ngư dân có đủ phương tiện hành nghề.

Các cơ sở này sau này đã bị hư hại nên đến năm 1967 đã được tu sửa lại, một mặt cho xây cất cầu cá hình chữ E bằng bê tông cốt sắt dài 70 thước rộng 12 thước với bậc đá xây hai bên cầu dọc theo bờ sông dài 75 thước để chỗ cho ngư thuyền cập bến, và chuyển hải sản lên bờ.

Tổng phí xây cầu này lên đến 12.000.000 đồng.

Tháng 11 năm 1968, một chợ cá được thiết lập tại cảng Bến Đá.

VŨNG TÀU XƯA

Chợ cá rộng 12 thước, dài 72 thước, đúc bê tông cốt sắt, trên nóc có nơi làm văn phòng Ban quản trị với một đài quan sát cao 18 thước tốn phí là 12.000.000 đồng.



Sinh hoạt ngư nghiệp. Một số ghe ngư phủ
đậu ở Bãi Trước đem cá lên

VŨNG TÀU 1970 CÓ BA BẾN CÁ

Chúng tôi tìm hiểu qua ngành ngư nghiệp ở
Vũng Tàu vào năm 1970 có tất cả là ba bến cá.

1. Bến Bại Trước Cầu Đá.
2. Bến Thắng Nhì (Bến Đá).
3. Bến Rạch Dừa.

Ba nơi này mỗi ngày tùy theo con nước đều có ghe đánh cá của các ngư phủ về đậu cất cá lên bờ về tập trung hợp tác xã Thắng Nhì, rồi chở đi phân phối các chợ ở Sài Gòn, Chợ Lớn hoặc xa hơn nữa.

VÀI NÉT VỀ XÃ THẮNG TAM NĂM 1970 VÀ ĐỜI SỐNG SINH HOẠT CỦA ĐỒNG BÀO

Đồng bào ở xã này ngày xưa chuyên về nghề làm lưới, chài lưới và đánh cá theo gành bãi. Giăng câu kiểu ngoài khơi, và một số lao động làm công cho người Pháp khi họ còn có mặt ở đây và một ít nhà làm rẫy theo miệt xóm vườn. Trồng nhiều loại thanh bông, cà, cải, đậu, mướp, xu xu, đu đủ v.v... hàng ngày đem ra chợ bán.

VŨNG TÀU XƯA

Nơi đây cũng có một vài nhà sấm ít cỗ xe ngựa, xe song mã để đưa rước khách ngoạn cảnh kiếm cũng được nhiều tiền, ngày xưa đồng bào ở vùng này có làm bàn chải bằng rễ cây và một đôi tiểu công nghệ khác, đời sống lúc bấy giờ rất chật vật không có gì khả quan.

Dân cư các nơi đến xã cất nhà dọc theo xóm vườn dưới chân núi ở rất đông. So với thời xưa, số người rất ít, từ năm 1960 trở lại đây lên tới 60%. Cũng như Bãi Sâu có nhiều quán mọc lên mua bán đủ thức ăn cho du khách, ngày lễ, chủ nhật, tấp nập xe cộ, quán nào cũng đông, thật là một cảnh nhộn nhịp của Vũng Tàu. Một điều đáng ghi nhận là lúc này Thắng Tam có trường trung học thị xã thị hạt. Tại Thắng Tam có một trại nghỉ hè rộng lớn hai dãy lầu nằm trên một khu đất rộng, đó là nhà mát của hội giáo chức mua dành để cho các hội viên ra đây nghỉ ngơi hoặc dưỡng bệnh.

CÔNG KỸ NGHỆ

Công kỹ nghệ làm bằng tay, chúng tôi còn thấy có xưởng làm sơn mài của ông Thái Văn Ngôn tại xóm vườn, sản xuất đủ loại, hình ảnh mỹ thuật, mỗi năm thu lợi một số đáng kể của ngành này.



Nhà nghỉ mát công chức ở Bãi Trước năm 1969

CON BỤNG NƯỚC NGỌT Ở SÁT BIỂN

Vòng theo chân Núi Nhỏ từ Bãi Trước ra Bãi Sau, khi trở về ngang Linh Sơn Cổ Tự, trông thấy một cái bụng sen trong ngập nước, có nhiều nân và bông súng mọc đầy theo bụng, cảm tưởng cho đó là cái bụng thường, hầu hết các đồng ruộng ở miền Nam đều có, không dè ở giữa núi đồi, biển rộng bao la, nước mặn quanh năm, mà lại có cái bụng thiên nhiên chứa đầy nước ngọt.

Cái bụng đột khởi cạnh sau triền Núi Nhỏ. Vũng Tàu thuộc về khu phố Thắng Tam, trước mặt Linh Sơn Cổ Tự, nước đọng quanh năm, mọc đầy sen, có rất nhiều cá đồng, có con lớn cỡ 5-10 ký.

Từ Linh Sơn chạy đến con lộ số 6 chừng 5 cây số gọi là bụng dưới. Từ con lộ số 6 chạy thẳng lên hai bên có những đồng cát trắng cao ngất, từ ngoài biển thổi vào thành gò ứ đọng. Mé bên ngoài là bãi biển Thùy Vân gọi là Bãi Sau, người Pháp gọi

HUỖNH MINH

là (Tiwan) thẳng lên một khoảng xa nữa đưng địa Sấu, kế tới cù lao Trôm chính giữa. Xung quanh là hưng Nghệ, cạnh bên đó địa Cá Hang, thẳng tới Trũng Găng, đưng địa Giá, lên xa nữa là Hốc Nhum, qua cù lao Đậu Phụng, cù lao Tượng, bên mặt là Bàu Đước, bên trái là Bàu Ốc, ở đây, một ngọn đố về Rạch Bà, từ ngọn này chạy thẳng qua lảng Ông Đồi, lên tới đất Thổ, Bà Trì v.v...

Một ngọn cái ở đầu trên đố về Cửa Lấp, ngó qua Phước Tỉnh gọi là bưng trên, chứa toàn là nước mặn, vì nơi đây gần biển nước ra vào thông thương có nhiều loại cá biển đến ở trong bưng, các ngư phủ trong vùng thường đến đây bắt cá. Từ đầu dưới đến đầu trên của con bưng dài trên 10 cây số, trong những năm đầu thập kỷ 70 chính quyền địa phương chỉnh trang lại thành phố, mở rộng đường sá, Ty kiều lộ đã lấp nhiều khúc bưng gần sân bay từ lộ số 6 chạy xuống Linh Sơn Cổ Tự cũng bị lấp ngang đặt

công làm đường giao thông. Ty ngư nghiệp giữ lại mấy khúc gần xóm vườn để nuôi cá giống. Trên bưng người ta còn cất những quán lộ thiên bán đủ thức ăn cho du khách.

Sự lưu thông bưng thiên nhiên phải gián đoạn nhiều chỗ không còn suôn sẻ như trước nữa.

Từ xưa đồng bào lao động ở xóm vườn và dọc theo ven bưng, họ đã nhờ những nguồn lợi từ cái bưng này rất nhiều, ví như vú sữa nuôi sống họ quanh năm suốt tháng, nếu gia công chịu khó khổ đi làm công cho ai cả, sống với nếp sống cần cù, nhẩn nại, tận dụng khả năng khai thác những nguồn lợi thiên nhiên sẵn có.

Nguồn lợi đáng kể là cá đồng bắt bao nhiêu cũng không hết, giăng câu, đặt lợp, kéo lưới, nếu trúng có bữa bán năm ba trăm ngàn, đó là nguồn lợi cá đồng ở bưng dưới. Còn bưng trên thuộc về xã

HUỲNH MINH

Thắng Nhứt có nhiều loại cá biển, bắt hết cá này, lại có cá khác vào.

Nguồn lợi thứ nhì, là ngó sen, củ sen, lá sen, hông súng, chịu khó hái bán cũng được khá tiền, đàn bà trẻ em bơi thuyền ra bưng hái cũng dễ.

Nguồn lợi thứ ba là cây bần bần, mọc theo bưng vô số kể, lá già cắt bán cặp vách, lợp nhà, sự hèn bỉ của nó cũng được năm ba năm, không kém gì lá dừa nước ở miệt sông Cửu Long, bần bần non người ta đem về làm dưa ăn rất ngon, không kém dưa ngó sen, bán cũng đắt tiền, còn bưng trên là làng Ông Đồi lên tới đất thổ có nhiều lá dừa nước.

Nguồn lợi thứ tư, bưng này có nhiều năn, cỏ ống cắt cho trâu bò ăn quanh năm không hết, đó là những nguồn lợi thiên nhiên, dành để cho con người và vật có sự sống, nhưng phải nỗ lực đấu tranh với mọi hoàn cảnh quanh mình, chịu đựng muỗi mòng

dầm sương dãi nắng, đem hết sức mình đổi lấy chén cơm manh áo.

CƠ CẤU NGÀNH NGHỀ Ở VŨNG TÀU VÀO NĂM 1970

Vũng Tàu lúc còn là quận của tỉnh Bà Rịa dân số khoảng 40 ngàn người, từ năm 1964 đến 1969 – 1970 có trên 80 ngàn người. Dân số mỗi ngày một thêm đông. Sự việc đó nói lên mức tăng tiến của một địa phương nhỏ bé, nhưng thu hút khá đông đồng bào từ các nơi đến sinh cơ lập nghiệp ở rải rác khắp trong năm khu phố, sự sinh hoạt của người dân thị xã hơn ba phần tư sống bằng nghề đánh cá, buôn bán, làm công, số còn lại khai thác lâm sản đốn củi, hầm than, trồng trọt chăn nuôi, ước tính theo tỷ lệ : thương mại 26%, đánh cá 15%, làm công 42%, trồng trọt chăn nuôi 4%, công tư chức 12%, và nghề không nhất định 10%.

Qua con số trên, người ta thấy ngành thương mại đã chiếm một phần quan trọng.

Vũng Tàu có một nếp sống sinh hoạt nhộn nhịp, cả ngày lẫn đêm, du khách có dịp đến viếng thăm Vũng Tàu, cũng đều phải công nhận nơi đây sống mạnh về đêm.

Khi màn đêm vừa rủ xuống là thành phố bắt đầu nhộn nhịp với nếp sinh hoạt tưng bừng dưới ánh đèn màu đủ sắc.

NGHỀ LÀM MẮM RUỐC Ở VŨNG TÀU

Ở Châu Đốc thì có mắm ruột, Sa Đéc có bánh phồng tôm, Nha Môn có nem chua, Rạch Giá có khô cá đường, Bến Tre có kẹo chuối, Ba Tri, Gò Công có mắm tôm, mắm cà, mắm còng ...

Vũng Tàu cũng có sản phẩm nổi tiếng từ lâu đó là mắm ruốc. Chúng tôi đi sâu vào vấn đề này, tìm hiểu qua việc làm mắm ruốc ở đây ra sao, để cống hiến quý độc giả món ăn thông dụng từ hồi

ào tới giờ, chỉ nghe danh biết tiếng, chớ chưa biết
 ua sự chế biến ra sao. Vậy, chúng tôi xin trình bày
 ho bạn đọc biết.

Mắm ruốc là loại hải sản chế biến được
 nhiều người ưa thích, dễ ăn và để được lâu ngày có
 thể thay thế các thức ăn và không tốn nhiều tiền
 trong những dịp cuối tháng cạn túi.

Ngoài việc xào với thịt heo và sả ớt dành ăn
 lâu ngày hoặc chấm với rau dùng thường bữa, người
 ta còn ăn mắm ruốc với me sống, xoài sống, chùm
 ruột sống ... nhâm nhi với rượu đế thật là “bất mồi”
 đến nỗi đôi khi đã say vẫn còn chén chú chén anh.

Mắm ruốc cũng rất thích khẩu đối với các bà
 thỉnh thoảng “ua khơi khơi” báo hiệu “điểm hên”.

Mắm ruốc còn là hải vị được giới giàu sang
 biến chế thành loại nước mắm đặc biệt ăn với thịt
 quay, gà vịt luộc. Muốn ăn cách này, trước tiên
 người ta phải lấy riêng và tỏi xắt nhỏ trộn vào mắm
 ruốc thêm một ít ớt. Lấy nước cơm sôi chế vào nêm

cho vừa ăn với bánh hủi thịt quay hay gà vịt luộc rau sống, bánh bò, dưa leo ... gói chung.

Đặc biệt là món “bà lai chanh” tuy tốn nhiều công phu nhưng nếu các bà nội trợ chưa làm cũng nên thực hiện một lần để cho đức lang quân phục tã nấu bếp của mình.

Muốn làm bánh bà lai chanh, người ta phải mua sắm cho đủ món : thịt heo “thịt luộc lưng” dưa khô, sả, ớt, tỏi, hành, bún, rau sống, hẹ, khế và dưa leo.

Thịt heo mua về xắt miếng cho mỏng (xắt lớn miếng) rồi ướp với tỏi, củ hành và một ít sả ớt, dưa khô nạo ra vắt lấy nước cốt (dùng pha nước lã) trộn vào thịt đã ướp hành tỏi, ghim các miếng thịt vào dĩa tre đầu vạt nhọn nướng cho chín (lúc ăn nên nướng thịt bằng lửa than để riu riu cho thịt vừa nóng vừa thơm).

Khế và dưa leo xắt cho mỏng (bỏ ruột) hai thứ này để chung trong một cái thố lớn, mắm ruốc

pha nước rồi để lên bếp cho sôi rồi lược bỏ xác, chỉ lấy nước, đoạn lấy nước đảo dừa khô đổ vào nước nấu ruốc gia vị thêm ít tỏi đặt lên bếp nấu cho sôi lần thứ hai rồi đem xuống đổ vào thố có đựng sẵn khế và dừa leo nêm cho vừa ăn.

Xong đâu đấy, người ta đặt thố nước lèo “bà lai chanh” vào giữa bàn, chung quanh để thịt nướng, bún rau sống, rồi mời thực khách đơm bún và rau sống vào chén, chan nước lèo vào, ăn như người ta ăn gỏi



CÁCH LÀM MẮM RUỐC

Có đến tận nơi, xem tận mắt, người ta mới thấy cách làm mắm ruốc tốn nhiều công phu và đòi hỏi nhiều thời gian.

Như trên đã nói, mắm ruốc là loại hải sản chế biến, làm ra bởi con ruốc.

Con ruốc giống như loại tép mà người ta thường thấy nhưng nhỏ hơn, nhỏ bằng cây tăm xỉa răng và chỉ có ở miền biển vào mùa mưa tức vào khoảng tháng 4,5,6,7,8,9,10 âm lịch, còn mùa nắng thì hầu như không có.

Tùy theo con nước, đồng bào ngư phủ “đánh trủ” bắt ruốc đem về bán 70 đồng 1 kilô tính theo giá sỉ cho các nhà sản xuất mắm ruốc và 100 đồng hay hơn nữa nếu tính theo giá lẻ.

Người ta cũng có thể ăn ruốc sống bằng cách xào với mỡ hành cuốn rau sống bánh tráng chấm mắm nêm hoặc nước mắm. Hay rang ăn nếu là ruốc đã được ướp muối phơi khô.

Ruốc có ba loại, ruốc “đá” tức ruốc lớn gấp 10 lần ruốc thường, ruốc “vang” tức ruốc màu đỏ như bông vang và ruốc “giông” sau khi làm thành mắm mùi thơm tựa Vani. Do đó, nhà sản xuất mắm ruốc thường làm riêng loại này để dành pha trộn với hai loại ruốc kia cho thơm, nhưng có điều đáng lưu ý là chỉ nên pha trộn một ít vừa đủ chất thơm, bằng pha trộn nhiều mắm sẽ đắng.

Trở lại cách làm mắm ruốc, như trên đã nói là một vấn đề công phu, đòi hỏi nhiều thời gian bởi từ lúc mua ruốc đem về phơi cho tới khi làm thành mắm phải mất ít nhất 3 tháng.

Trước khi đem phơi khô, ruốc phải được rửa cho thật sạch, lựa chọn thật kỹ, bỏ rác rến và cá lẫn lộn rồi đem ướp với muối bột, cứ mười thùng ruốc thì ướp một thùng muối.

Ruốc ướp muối phải để một đêm cho thấm, sáng ra trái đậm, phơi trên sàn gỗ hoặc tre dựng trên mặt nước gần bờ cho ráo nước mau khô.

HUỖNH MINH

Khi ruốc đã thật khô người ta đem bỏ vào cối quết cho thật nhuyễn, muốn nhuyễn phải lấy nước ruốc phơi rỏ xuống thỉnh thoảng trộn vào, xong bỏ vào trong lu, hàng ngày giở nắp ra phơi nắng, đúng 45 ngày đem “chao” đường, cứ một kilô mắm ruốc trộn 300 gram đường cát trắng sau đó cho vào lu trở lại và để đúng 30 ngày cho chất đường đủ thấm rồi sốt ra thau phơi độ 10 ngày nữa cho thật ráo, đem cân, vào bịch nylon, gói lại bán.

LÝ DO KHIẾN MẮM RUỐC CÓ SẠN

Theo các nhà sản xuất mắm ruốc, có ba trường hợp làm cho mắm ruốc có sạn.

Trường hợp thứ nhất, ruốc rửa không sạch, lượ không kỹ.

Trường hợp thứ hai, thay vì phơi ruốc trên sàn cao trên mặt nước cách xa đất liền, người ta lại trải đệm phơi trên mặt đất.

Trường hợp thứ ba, ruốc ướp muối cục.

Rút kinh nghiệm sau nhiều năm lẫn lóc trong nghề, hiện nay hầu hết các nhà sản xuất mắm ruốc đều đã cải thiện mắm ruốc bằng cách, rửa thật sạch, lựa thật kỹ, ướp muối bột và phơi trên sàn cao.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÂN BIỆT MẮM NGON HAY KHÔNG NGON ?

Người sành nghề chỉ cần thấy mắm ruốc là có thể biết ngay mắm nào ngon mắm nào không, nhưng người thường biết sau khi nếm thử.

Theo lời kể lại, muốn biết mắm ruốc ngon hay không chỉ cần xem màu mắm ruốc.

Nếu mắm màu đỏ tựa màu ruốc lúc phơi khô là mắm ngon, nếu mắm màu trắng tức là mắm mặn bởi ướp quá nhiều muối, còn mắm màu xanh xanh tức là mắm không ngon mà giới thạo nghề gọi là "mắm trở" do sự pha trộn không đúng cân lượng đường muối hoặc gặp phải ruốc ương.

Điểm đáng ghi nhớ là ruốc phải được “chao” đường cát trắng, nếu dùng đường hóa học mắm sẽ đắng.

VŨNG TÀU CỎ 8 NHÀ SẢN XUẤT MẮM RUỐC

Sở dĩ phải nói là tại Vũng Tàu có 8 nhà sản xuất mắm ruốc, vì những nơi này làm mắm ruốc có hăng hiệu đảng hoàng, sản xuất thường xuyên kể cả mùa nắng không có con ruốc.

Cũng cần nói thêm, các nhà làm mắm ruốc luôn luôn mua nhiều ruốc trong mùa mưa để làm mắm dự trữ bán luôn trong mùa nắng.

Tám nhà sản xuất mắm ruốc nói trên là bà Giáo Thảo, bà Bộ Châu, Mười Cửa, ba số không (000) ba số ba (333), ba số bốn (444), ba số sáu (666), ba số bảy (777), không kể các nhà làm mắm một cách bất thường và không chính thức.

VŨNG TÀU XƯA

Theo tài liệu kiểm kê của cơ quan kinh tế địa phương năm 1970, trung bình mỗi nhà sản xuất mắm ruốc bán mỗi ngày từ 50 đến 100 kilô với giá 120 ngàn đồng đến 150 ngàn đồng một kilô tùy theo loại mắm. Và như vậy trung bình hàng tháng các nhà làm mắm ruốc tại Vũng Tàu bán ra khoảng trên dưới 20 tấn mắm ruốc.

Theo bà Giáo Thảo, mắm ruốc của bà có từ năm 1952 và đã được cầu chứng tại Tòa Thương Mại Sài Gòn.

Được hỏi tại sao cũng thời mắm ruốc làm ra lại bán hai giá khác nhau. Bà Giáo Thảo vui vẻ giải thích.

Mắm ngon nhất bán 150 đồng một kilô và mắm loại thứ hai 120 đồng một kilô, mắm ngon tức là ruốc tươi lúc mua, còn mắm ruốc để cách đêm mới mua làm mắm thì không ngon bằng.

Thật ra không phải chỉ có Vũng Tàu mới có mắm ruốc mà bất cứ nơi nào ở miền biển có con

HUỲNH MINH

ruốc đều có thể làm mắm ruốc, nhưng có điều là mắm ruốc Vũng Tàu nổi tiếng dịu ngon một phần nhờ loại ruốc Vũng Tàu ngon, phần khác nhờ kỹ thuật biến chế khéo léo qua nhiều năm kinh nghiệm trong nghề của các nhà sản xuất, cũng như mắm ruột không phải chỉ có ở tỉnh Châu Đốc mới có, nhưng nếu ai đã có ăn qua một lần đều phải công nhận mắm ruột Châu Đốc ngon không đâu bằng.

Và cũng nhờ mắm ruốc Vũng Tàu dịu ngon, tiếng tốt đồn xa nên được nhiều nơi ưa chuộng.



VŨNG TÀU XƯA

PHẦN PHỤ LỤC

CÔNG VIÊN TƯỢNG ĐÀI
TRẦN HƯNG ĐẠO



Đây là pho tượng Đức Trần Hưng Đạo năm 1970

Đồ án thiết kế do họa sĩ Thái Văn Ngôn thực hiện với sự cộng tác một nhóm điêu khắc, tổng kinh phí vào thời điểm 1970 là 10 triệu đồng tiền chế độ cũ. Kinh phí này là do Hội Thánh Trần Hưng Đạo Vũng Tàu đóng góp, với sự hỗ trợ Hội Thánh Trần Hưng Đạo Sài Gòn.

Theo đồ án kiến trúc, công viên sẽ được trồng đủ loại kiểng hoa với hoa sen và băng ngòi cho đồng bào để ngoạn cảnh.

Riêng tượng Đức Thánh Trần sẽ được đắp y như Tượng tại bến Bạch Đằng Sài Gòn cao 10 thước sơn màu đồng đen (như mẫu bên đây).

LỜI CUỐN SÁCH

VŨNG TÀU NGÀY XƯA, DẤU CHÂN NGUYỄN VƯƠNG IN KHẮP CÁC NỎ ĐƯỜNG VŨNG TÀU

Gia Long thất quốc bốn ba xuôi ngược Đông, Tây để lo giành lại nước non trong tay nhà Tây Sơn. Gia Long đã từng đến trú ngụ tại Vũng Tàu và Hồ Tràm Bà Rịa dưỡng quân, hầu có cơ hội định bá đồ vương, mở mang nghiệp Nguyễn và giành lại thế cờ đã mất. Cuộc đời lưu vong của Gia Long đã bao phen lận đận, truân chuyên, sống chết có thừa, lúc tẩu quốc bốn ba sang Xiêm La, Cao Miên trở về Phú Quốc, Côn Sơn rồi Vũng Tàu. Khắp vạn nỏ đường trên đất nước đều có dấu chân Gia Long bước tới.

Vũng Tàu là nơi tạm trú của Nguyễn Vương, để vận trù quyết sách định lại nghiệp, và trong cảnh trời nước bao la, sơn thủy hữu tình ấy. Nguyễn Vương đã tạo nên thế đứng cho mình, họ Nguyễn đã

HUỖNH MINH

hoạch định kế mưu diệu dụng, từ những chiến thuật, chiến lược đánh chiếm và bình định đến việc an dân.

Lúc dừng chân ở Vũng Tàu, Gia Long còn lưu lại 3 cái giếng gọi là Giếng Ngự và đã chôn một cái hòm vàng, sau này người ta phát giác ra, thì đã bị Pháp tịch thu. Chỉ có vài người dân quê đã nhanh tay giữ lại một ít vàng, để nhờ phúc lộc của người xưa. Đoạn này chúng tôi cũng đã nói rõ trong phần huyền sử.



VŨNG TÀU XƯA

VŨNG TÀU 1859

Năm 1859, Hải Quân Trung Tướng Rigault de Genouilly, đem binh thuyền vào đánh phá cửa Cần Giờ vào ngày 2 tháng 2 năm 1859, ngày 18 tháng 2 năm 1859 chiếm thành Sài Gòn.

Thuở ấy, Pháp vì muốn tìm chỗ đứng ở miền Đông Nam Á Châu, cho nên đã lấy cớ nhà Nguyễn dưới thời Minh Mạng bắt giết các Giáo Sĩ mà đổ bộ đem quân xâm chiếm Việt Nam hòng đặt ách đô hộ lên đầu dân Nam, đầu tiên tại Vũng Tàu, chúng đã làm một căn cứ địa xuất phát và Hội nghị chính trị để tìm ra mưu kế đánh chiếm 6 tỉnh miền Nam. Từ đấy, Vũng Tàu coi như một chỗ quan yếu về mặt quân sự cũng như chính trị, muốn mật đàm định đoạt những việc quan trọng nào, người Pháp phải đem cả Bộ Tham Mưu ra đây để thảo luận tại tòa nhà Bạch Dinh làm nơi hội họp, môi trường chính trị từ đó.

VŨNG TÀU NĂM 1916

Từ ngày Pháp chiếm xong 6 tỉnh Nam Kỳ làm thuộc địa, còn ngoài kinh đô Huế, chúng đặt quyền bảo hộ, những vị vua nào có óc chống đối không thi hành mệnh lệnh của tân trào thì Pháp tìm cách hạ bệ đưa người khác lên.

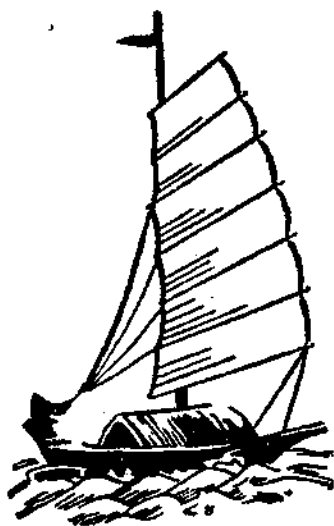
Chính vua Thành Thái là một ông vua có tinh thần cách mạng, luôn luôn chống đối chính sách cai trị của người Pháp, nên bị chúng truất ngôi, đưa Duy Tân lên, đem vua Thành Thái an trí tại Vũng Tàu, chúng tôi đã nói rõ ở phần huyền sử, Vũng Tàu trở thành môi trường chính trị để giam giữ một nhà vua cách mạng của nước ta cách đây trên nửa thế kỷ. Sở dĩ Pháp đưa vua Thành Thái an trí ở đây, mục đích để dẫn dắt các nhà cách mạng Văn Thân, Cần Vương đang hoạt động ở miền Nam chống lại Pháp.

Nước cờ chính trị của Pháp đi như vậy, chẳng những không nắm được lòng dân, mà trái lại gây

VŨNG TÀU XƯA

thêm cảm phần cho dân tộc Việt Nam nuôi chí căm thù chờ cơ hội đứng lên quật khởi để giành lại chủ quyền đã mất trên 80 năm đô hộ.

Huỳnh Minh



MỤC LỤC

- Non nước Vũng Tàu
- Lời giới thiệu
- Tài liệu tham khảo
- Bản đồ Vũng Tàu
- Lời nói đầu

PHẦN THỨ NHẤT

- Lịch sử Vũng Tàu xưa trải qua các thời đại
- Dưới thời Gia Long Hoàng Đế từ Vũng Tàu đến Tam Thắng
- Anh hùng diệt giặc bảo an dân
- Hình thể Vũng Tàu ngày xưa
- Người Pháp đến giăng dây thép lập họa địa đồ, lý do được đặt tên Vũng Tàu

VŨNG TÀU XƯA

- Vũng Tàu trong những ngày đầu bị đô hộ
- Những cơ sở thành lập đầu tiên
- Vũng Tàu từ năm 1890 tới 1900
- Bạch Dinh nhà nghỉ mát của ông Toàn Quyền
- Công lao khai triển bởi ai ?
- Tại sao kẻ kêu Vũng Tàu người kêu Ô Cấp?
- Vài nét về địa lý và lịch sử

PHẦN THỨ HAI

- Di tích lịch sử
- Linh Sơn cổ tự
- Điện Bà
- Phước Lâm Tự
- Miếu Năm Bà
- Giếng Ngự và vua Gia Long
- Lăng Cá Ông
- Chuyện lạ của Lăng Cá Ông

HUỖNH MINH

- Phong tục lan truyền
- Đình Thần Thắng Tam
- Những cái Bàu của người Chăm trên đất Vũng Tàu
- Hai cổ đại bác khổng lồ của Pháp để lại
- Vài nét về danh nhân và nhân vật đất Vũng Tàu

PHẦN THỨ BA

- Vài nét về du lịch Vũng Tàu
- Thắng cảnh Bãi Trước
- Bãi Nghinh Phong
- Bãi Thùỵ Vân
- Bãi Dâu
- Núi Lớn
- Hải Đăng
- Đường vòng Núi Nhỏ
- Đường vòng Núi Lớn
- Đồi Cát
- Vũng Tàu với thú ngòỉ Xa Mã

PHẦN THỨ TƯ

- Đài Đức Mẹ Bãi Dâu tại Vũng Tàu
- Phật Đài Thích Ca
- Chùa Tịnh Độ Cư Sĩ
- Tịnh xá Ngọc Hương tại Vũng Tàu
- Tìm hiểu ngôi Giáo Đường Bến Đá
- Tìm hiểu ba ngôi Thập Bửu Tự của Giáo Hội
Thiền Tịnh Đạo Tràng

Tổng kết về mặt Đạo Giáo ở Vũng Tàu giới thiệu
thêm phần di tích thắng cảnh Bà Rịa

- Đền thờ Châu Văn Tiếp
- Đền Bà Trao và Sơn Long
- Thiên Thai Tự hay Chùa Một Cột
- Cửu Liên Đài
- Long Hòa Tự
- Dinh Cô
- Bãi tắm Long Hải
- Bãi tắm nước ngọt
- Suối nước sôi
- Bãi biển Hồ Tràm
- Thác Sông Rai

HUỖNH MINH

PHẦN THỨ NĂM

- Tại sao có di tượng Tràm ở Vũng Tàu
- Cọc Vũng Tàu và ngọn Hải Đăng
- Trên đường bôn tẩu, Nguyễn Ánh vào Nam cập thuyền ghé Gành Rái
- Danh từ Bãi Dâu do đâu mà có ?
- Bãi Dâu ngày nay
- Nhắc lại những ngày lịch sử
- Vài nét về vua Thành Thái
- Gành Rái với bầy Rái Thần và chuyện vua Gia Long
- Núi Lớn Điện Bà với hang Ông Hồ
- Vũng Tàu với trận bão lụt năm Giáp Thìn “1904”

PHẦN THỨ SÁU

- Vũng Tàu đợm tình thi vị
- Tâm sự Vũng Tàu
- Cảnh vật Vũng Tàu
- Bão năm Giáp Thìn 1964
- Thơ tặng nhà sưu khảo Huỳnh Minh

VŨNG TÀU XƯA

PHẦN THỨ BẢY

- Vũng Tàu một thời
- Sinh hoạt
- Thị xã Vũng Tàu qua các khu phố
- Văn hóa giáo dục
- Xã hội
- Kinh tế
- Y tế
- Nông nghiệp Lâm sản, Chăn nuôi
- Ngư nghiệp
- Sinh hoạt chợ búa
- Thắng nhứt
- Thắng Nhì xưa với bãi Bến Đình
- Hải sản nguồn lợi chính
- Thắng Tam
- Mạch sống quê hương
- Vũng Tàu một thời với những nguồn lợi khác
- Sản phẩm địa phương – mắm ruốc
- Vài nét về xã Tam Thắng và đời sống sinh hoạt của đồng bào
- Mạch sống quê hương
- Vũng Tàu ngày nay với hai nguồn lợi cần khai thác triệt để
- Sản phẩm địa phương
- Vũng Tàu qua các đợt kiến thiết
- Vũng Tàu thiết lập công viên kỳ đài Thánh Tượng.

VŨNG TÀU XƯA

Tác giả : **HUỖNH MINH**

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BÙI VĂN NGỢI

Biên tập :

NGUYỄN TRƯỜNG

Bìa : **PHÚ CƯỜNG**

Sửa bản in :

SONG PHƯƠNG

In 800 cuốn khổ 13 x 19 cm Tại TTVH Bình Thạnh

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản 194/118

Cục Xuất Bản cấp ngày 18/1/2001

In song và nộm lưu chiếu tháng 8/2001



Nước Việt Nam ta giang sơn cẩm tú. Dân tộc Việt Nam ta có những trang sử hào hùng bất diệt, có những anh hùng làm rạng rỡ nước nhà. Những di tích lịch sử ngàn năm còn lưu dấu, phong tục, tập quán của người xưa vẫn còn tồn tại mãi trong lòng của chúng ta...

Bộ sách "Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa" của tác giả Huỳnh Minh sẽ là một tư liệu quý giá giúp chúng ta hiểu thêm về Lịch Sử, Địa Lý, Nhân vật, Giai Thoại, Huyền Thoại, Di Tích, Thắng Cảnh

như các địa danh năm xưa của từng tỉnh. Góp phần tô điểm thêm non nước cẩm tú của chúng ta.

Tác giả Huỳnh Minh, ông đã từng sống và dạt dào, ông đã từng đi khắp tỉnh thành ở miền Nam và như: Cựu Hoàng Thành Thái v.v. . .

Bộ sách "Sưu Khảo các Tỉnh, Thành năm xưa" là bộ sưu tập sách gia đình của các độc giả.



Nhà Sách Giáo Dục



VUNG TAU XUA

24.000 VND

Giá : 24.000đ